

THÔNG LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



ISSN 1145-9557 - Số 203 - Năm thứ 19, tháng 05.2006

Đảng cộng sản khẳng định chính sách đàn áp

Đại hội 10 của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã là đại hội gây nhiều tranh cãi sôi nổi nhất trong giai đoạn chuẩn bị về cả chính sách lẫn nhân sự lãnh đạo. Nhưng nó cũng đã là đại hội tệ nhất và gây nhiều thất vọng nhất khi diễn ra. Đảng cộng sản vẫn giữ nguyên dự thảo cương lĩnh chính trị dù nó chỉ là một tài liệu rỗng nghĩa, không nói lên được một nhận thức nào về các thử thách lớn đang đặt ra cho đất nước cũng như cho chính đảng cộng sản.

Đã chỉ có những thay đổi trong nhân sự lãnh đạo, thay thế các thủ trưởng đã đến tuổi về hưu bằng những người phụ tá chưa đến tuổi về hưu. Không có một nhà ngoại giao có kinh nghiệm nào được vào bộ chính trị dù khẩu hiệu chính thức của chế độ là Việt Nam phải tăng vận tốc hội nhập với thế giới.

Điều duy nhất đáng chú ý là vai trò nổi bật của ông Lê Hồng Anh, hiện đang làm bộ trưởng công an. Ông này được xếp hàng thứ 2 trong bộ chính trị. Phải hiểu Lê Hồng Anh là nhân vật quyền lực nhất trong đảng, vì ai cũng biết tổng bí thư Nông Đức Mạnh vừa kém cỏi vừa nhu nhược. Lê Hồng Anh sẽ là người điều hợp mọi công tác an ninh và quốc phòng, trên nguyên tắc thuộc thẩm quyền của chủ tịch nước. Việc Lê Hồng Anh được xếp thứ bậc trong đảng cao hơn cả Nguyễn Minh Triết (thứ 4 trong bộ chính trị) được dự trù làm chủ tịch nước và Nguyễn Tấn Dũng (thứ 3) được dự trù làm thủ tướng chính phủ chứng tỏ rõ rệt rằng đảng cộng sản không coi cơ cấu nhà nước và thể diện quốc gia ra gì cả. Đây là một khiêu khích trắng trợn đối với toàn dân Việt Nam. Ít ra trong quá khứ đảng cộng sản còn có chút nể nang về hình thức. Như thể là những tín hiệu này chưa đủ rõ

ràng, đảng cộng sản còn tuyên bố sẽ lập thêm một bộ an ninh bên cạnh bộ công an. Bộ này cũng sẽ đặt dưới quyền điều động của Lê Hồng Anh. Ngay khi đại hội vừa chấm dứt, Lê Hồng Anh đã tuyên bố thẳng thừng rằng sẽ có thái độ quyết liệt với lập trường đa nguyên đa đảng. Chủ trương một nhà nước công an đã quá rõ ràng.

Chọn lựa của đảng cộng sản có thể giải thích được. Nó phản ánh sự hốt hoảng trước một xã hội Việt Nam ngày càng thách thức và một đảng cộng sản ngày càng rệu rã vì tham nhũng và phân hóa nội bộ. Nhưng muốn là một điều, làm được hay không là một điều khác. Ban lãnh đạo cộng sản không còn một uy tín nào, kể cả đối với đại bộ phận đảng viên cộng sản, để có thể làm những việc họ muốn làm. Tổng bí thư Nông Đức Mạnh đã chỉ được bầu lên cách đây 5 năm vì không có bản lĩnh để đe dọa ai cả, ông vừa được tái cử tổng bí thư vì cùng một lý do. Những người khác trong bộ chính trị, kể cả ông Lê Hồng Anh, đều đã được nhận diện là những nhân vật rất tầm thường. Họ không đủ đởm lược để đi đến tận cùng của logic đàn áp.

Làn sóng đấu tranh đòi dân chủ ngày càng lên cao và đi vào quần chúng. Phong trào đình công của công nhân đang lan ra cả nước và sắp lôi kéo sinh viên. Áp lực quốc tế cũng đang gia tăng mạnh. Hội Đồng Châu Âu vừa chính thức nghiêm khắc lên án chủ nghĩa cộng sản và các chế độ cộng sản. Việt Nam cũng cần gia nhập mau Tổ Chức Thương Mại Thế Giới nếu không muốn mất thị trường và phá sản.

Chính sách đàn áp sẽ thất bại. Ban lãnh đạo cộng sản sẽ nhận ra rằng họ đã dại dột. Khi người ta kéo căng quá một sợi dây, nó sẽ đứt.

Thông Luận

Nhìn lại chính sách quốc phòng của các quốc gia Đông Nam Á

Chính sách quốc phòng của Mã Lai

Nguyễn Minh

LTS : Trong những số báo *Thông Luận* trước, phân bộ Nhật Bản thuộc Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã lần lượt giới thiệu chính sách quốc phòng của các quốc gia Đông Á : Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Nam Hàn và Bắc Hàn. Lần này Tổ tìm hiểu Đông Á và Đông Nam Á thuộc phân bộ Nhật Bản tiếp tục giới thiệu chính sách quốc phòng của các quốc gia Đông Nam Á. Mục đích của những lược duyệt này là nhằm giúp người đọc có cái nhìn chính xác về chính sách quốc phòng của từng quốc gia trong vùng, để từ đó rút ra những kết luận hữu ích cho chính mình và cho đất nước mình. Vì khuôn khổ giới hạn của tờ báo, chúng tôi chỉ trình bày một cách tóm lược nội dung chính sách quốc phòng của từng quốc gia ASEAN. So với các quốc gia Đông Á, ngân sách quốc phòng của các quốc gia Đông Nam Á tuy có kém hơn nhưng cũng hơn hẳn phần còn lại của thế giới. Hiện nay khu vực Đông Á và Đông Nam Á đang là một trung tâm xung đột thường trực, cả về chính trị, kinh tế lẫn văn hóa và chủng tộc. Nhìn bề ngoài khu vực Biển Đông như mặt nước hồ thu, nhưng trong thực tế ngân sách quốc phòng của từng quốc gia Đông Á và Đông Nam Á đã không ngừng tăng lên. Vì không quốc gia nào tin tưởng quốc gia nào và cũng không quốc gia nào nhân nhượng quốc gia nào. Việt Nam cũng không thoát khỏi định luật đó.(NVH)

Mã Lai hiện nay là một trong những quốc gia giàu có nhất trong vùng Đông Nam Á : GDP dự trù cho năm 2006 là 143,6 tỷ USD, lợi tức đầu người khoảng 5.440 USD và tỷ lệ phát triển kinh tế ở mức : 6%. Với tiềm năng này, Mã Lai lôi kéo mọi chú ý về phía mình.

Sự thành công này đã nhờ một phần lớn vào một quá khứ lâu dài quan hệ với người phương Tây. Sau khi Liên Bang Mã Lai được thành lập ngày 16-9-1963, giới lãnh đạo Mã Lai tập trung mọi cố gắng vào việc giữ gìn đồng thuận dân tộc, vì Liên Bang Mã Lai là một quốc gia đa chủng, trong đó 1/3 là người gốc Mã Lai bản địa, số còn lại là những người nhập cư, đông nhất là người Hoa (1/3 dân số), và con cháu của hai nhóm chủng tộc chính này.

Vì trải dài trên một vùng đất rộng, vừa bán đảo vừa hải đảo, dân số Mã Lai không được phân bổ đồng đều. Hơn 2/3 dân số tập trung trên bán đảo Tanah Melayu, việc bảo vệ lãnh thổ rất là phức tạp. Nét độc đáo của nền quốc phòng Mã Lai là biết đa dạng hóa nguồn cung cấp vũ khí, do đó không bị lệ thuộc vào một cường quốc nào mà ngược lại chính các quốc gia xuất khẩu vũ khí lớn đã và đang tìm mọi cách lấy lòng chính quyền Mã Lai để bán hàng.

Project 88 và nâng cấp lực lượng không quân

Trong chiến lược phát triển quốc phòng 5 năm lần thứ 6 (6MP), từ 1991 đến 1995, Mã Lai đã đầu tư 2,4 tỷ USD để hiện đại hóa quân đội, đặc biệt là trong hai lãnh vực không quân và hải quân.

Đây là một chiến lược quốc phòng lớn nằm trong kế hoạch 15 năm, mang tên Project 88, giữa Anh và Mã Lai, theo đó Anh sẽ trang bị cho quân đội Mã Lai những trang thiết bị cơ bản tối tân nhất để sau đó tự huấn luyện và phòng vệ : 2 dàn radar phòng không, hệ thống chỉ huy tác chiến (từ 1993 đến 1995), 2 tuần dương hạm Corvet (được Anh giao trong hai năm 1996 và 1997), xây dựng trung tâm huấn luyện lực lượng triển khai nhanh (RDF-Rapid Deployment Force). Mục đích của kế hoạch này là để bảo vệ những quyền lợi của Mã Lai trên Biển Đông, đặc biệt là trong khu vực quần đảo Trường Sa.

Hai tàu Corvet có trọng tải 2.270 tấn, chạy bằng diesel (do Đức sản xuất) là hai tàu chiến được trang bị tối tân nhất tại Đông Nam Á thời đó. Với tốc độ 27 knot/giờ, mỗi tàu được trang bị một khẩu đại pháo 57 mm, 2 dàn phóng hỏa tiễn đối hạm 30 mm, 8 hỏa tiễn đối hạm, 16 máy bắn hỏa tiễn lên thẳng (VLS) hạm đối không Seawoof của Anh. Ngoài ra mỗi tàu còn được trang bị hai máy phóng ngư lôi liên tục, một máy bay trực thăng Superlynx. Ngoài ra quân đội Anh còn có trách nhiệm (Offset) huấn luyện và đào tạo chuyên viên kỹ thuật cho quân đội Mã Lai trong các ngành đóng tàu, tu sửa chiến hạm, các trang thiết bị kỹ thuật và vũ khí mới.

Năm 1997, Mã Lai gặp khó khăn về tài chính nên các Project 88 và Offset nhường chỗ cho các kế hoạch 7MP và 8MP. Mục tiêu của hai kế hoạch MP (Malaysian Project) này là cho đến năm 2005, quân đội Mã Lai sẽ biến dạng từ một lực lượng quân sự địa phương sang một đội quân chính quy đủ khả năng can thiệp trên bất cứ chiến trường nào từ trên không, trên bộ và dưới biển. Theo đó, lực lượng không quân Mã Lai sẽ thay thế các chiến đấu cơ kiểu F5 (Mỹ) sang Mig 29 (18 chiếc mua của Nga, với giá 20 triệu USD/chiếc) và phản lực cơ chiến đấu FA-18A và D (8 chiếc mua của hãng Boeing, với giá 30 triệu USD/chiếc). Loại chiến đấu cơ FA-18D có trang bị thêm bốn trạm radar lưu động trên không để phát hiện các hoạt động quân sự của Trung Quốc trên Biển Đông, từ quần đảo Trường Sa đến vịnh Thái Lan.

Sở dĩ Mã Lai mua chiến đấu cơ Mig 29 của Nga năm 1993 là vì có nguồn cung cấp phụ tùng với giá rẻ từ Ấn Độ. Từ đầu thập niên 1990, Ấn Độ đã trở thành một cường quốc quân sự tại Nam Á và đã nhận huấn luyện phi công trực thăng của Mã Lai. Năm 1992, Ấn Độ đã tự sản xuất hầu hết các loại phụ tùng quân sự do Nga chế tạo và trở thành nhà cung cấp phụ tùng quân sự do Nga thiết kế, trong đó có phụ tùng Mig 29 bán cho các quốc gia sử dụng vũ khí của Nga như Việt Nam, Lào...

Từ sau 1995, theo kế hoạch "Vision 2020" nhằm gia tăng thu nhập của Mã Lai trong 25 năm tới, Mã Lai đã

mọi nỗ lực đầu tư vào những kỹ thuật cao cấp như sản xuất linh kiện điện tử và tin học. Từ 1993 đến 1997 Mã Lai đầu tư 10,25 tỷ USD vào lãnh vực viễn thông : mua vệ tinh viễn thông của công ty Hughes Aerospace (Mỹ) và phóng lên không gian bằng hỏa tiễn Ariane của Pháp.

Cải tổ lại lực lượng đánh bộ

Năm 1989, chính quyền Mã Lai quyết định nâng cao trình độ tác chiến của lục quân. Được Úc hỗ trợ, năm 1990 lữ đoàn Lực lượng triển khai nhanh (RDF-Rapid Deployment Force) của Mã Lai ra đời, khả năng tác chiến tương đương với lực lượng thủy quân lục chiến của các quốc gia phương Tây. Năm 1999 lực lượng này được nâng lên thành cấp sư đoàn và đủ khả năng tác chiến linh động trên khắp lãnh thổ. Cuối năm 2004, lực lượng này đã tham gia tích cực trong việc cứu trợ nạn nhân sóng thần tsunami tại Indonesia.

Đầu thập niên 1990, lữ đoàn RDF chỉ được trang bị bằng những loại vũ khí nhẹ như súng liên thanh AT4 của Thụy Điển, súng chống chiến xa kargustan và cối 81 mm. Đội pháo binh của lực lượng này được trang bị 6 khẩu đại bác 105 mm. Khi được nâng lên cấp sư đoàn, lực lượng RDF được trang bị thêm các loại trực thăng vận tải và chiến đấu mua từ Mỹ, Tây Âu, Nga (loại KA126) và Romania (loại IAR33, hợp tác với hãng Aerospatial của Pháp với bộ phận điện tử của Israel). Ngoài ra lực lượng RDF còn được các loại vận tải cơ C130 (năm 1995, Mã Lai chỉ có 5 chiếc), các tàu đổ bộ và tàu vận tải hỗ trợ.

Ngoài bộ binh, Mã Lai cũng có kế hoạch hiện đại hóa lực lượng thiết giáp vốn rất lỗi thời so với các nước ASEAN khác. Cho đến đầu thập niên 1990, lực lượng thiết giáp của Mã Lai chỉ có 78 chiến xa Scorpion (pháo 90 mm) do Anh chế tạo. Năm 1995 Mã Lai mua thêm 60 chiến xa MK3 do Do Thái chế tạo và nhập thêm phụ tùng mới để tân trang lại 92 thiết giáp trinh sát Daimla Fairlet có từ 1965 do quân đội Anh chế tạo.

Từ 1994 đến 2004, Mã Lai cũng đã nhập thêm từ Anh, Pháp và Nam Hàn các loại xe bọc sắt cơ giới (MICV) và xe bọc sắt hỗ trợ bộ binh (IFV). Những xe này được gắn thêm hỏa tiễn chống chiến xa Voforce của Thụy Điển và Milan 2 của công ty Euro Missile (Pháp).

Về lực lượng pháo binh dã chiến, ngoài các dàn pháo 105 mm có sẵn từ trước và 9 khẩu đại pháo F4-70 mua của châu Âu, Mã Lai đã nhập thêm 31 khẩu pháo 155 mm để tăng cường khả năng tác chiến và phòng vệ biên giới. Binh chủng pháo binh Mã Lai còn được trang bị thêm bằng các loại radar đối pháo Fire Finder TPQ36 do công ty Hughes của Mỹ sản xuất.

Để tăng cường khả năng phòng thủ, Mã Lai đã mua 8 khẩu cao xạ 35 mm Ericon GDF của Thụy Sĩ. Ngoài ra bộ binh Mã Lai còn được trang bị 48 hỏa tiễn địa đối không Startburst của Anh, và sẽ được trang bị thêm bằng các loại hỏa tiễn Lorand lớn hơn, bay xa hơn do Đức và Pháp chế tạo. Trong các kế hoạch 8MP và 9MP, Mã Lai cũng dự định mua thêm các loại hỏa tiễn Crotal NG (Pháp), Rappier (Anh), Adatas (Mỹ và Canada) để trang bị cho quân đội.

Cải tổ hải quân và hợp tác quân sự đa phương

Từ 1993, sau khi có hai khu trục hạm Calvet, Mã Lai đã mua thêm 18 tàu viễn dương (OPV) để đủ sức bảo vệ vùng biển đặc quyền kinh tế 20 hải lý, đặc biệt là tại quần đảo Trường Sa, và để ngăn chặn nạn hải tặc, buôn lậu và ô nhiễm trên vùng biển Mã Lai.

Nạn hải tặc hiện nay là vấn nạn chung của các tàu thuyền qua lại eo biển Malacca. Năm 1990 có 36 vụ hải tặc, năm 1991 tăng lên 56 vụ. Từ đầu năm 2000 đến nay, các vụ hải tặc tuy có ít hơn nhưng kỹ thuật tấn công và cướp tàu tinh vi hơn nhờ những kỹ thuật truyền tin, vũ khí mới, tàu cao tốc, và rất là khó truy tìm hậu cứ.

Từ 1991 đến 1993, cũng ở eo biển Malacca đã xảy ra liên tiếp mấy tai nạn chìm tàu chở dầu làm ô nhiễm cả vùng biển, gây thiệt hại cho ngành đánh cá và du lịch. Do đó các tàu chở dầu, chở hàng và khách đề phải do các tàu OPV của Mã Lai hướng dẫn để đi qua eo biển an toàn.

Các loại tàu OPV của Mã Lai có trọng tải từ 800 đến 1200 tấn, chạy bằng diesel, tốc độ 20 knots, có thể chạy liên tiếp 6.000 hải lý và có trữ lượng lương thực dùng được 21 ngày; trên boong tàu trực thăng có thể bay và đáp dễ dàng, kể cả khi có gió bão. Chỉ một chiếc OPV đầu tiên phải mua từ nước ngoài, những chiếc còn lại do hai công ty Narval Dakyack của Mumut và Malaysia Shipbuild & Equipment ở Lahore đóng. Mã Lai dự trù vào năm 2010 sẽ tăng cường thêm 15 chiếc nữa.

Về khả năng phòng vệ dưới biển, từ nay cho đến năm 2010, hải quân Mã Lai sẽ được trang bị 8 tàu ngầm (theo kế hoạch 9MP) cỡ trung, chạy bằng diesel.

Hiện đại hóa quân đội của Mã Lai là một kế hoạch tổn kém nhất trong các nước ASEAN. Quốc hội Mã Lai đã không ngừng gia tăng ngân sách quốc phòng trong suốt 20 năm qua: từ 2,5% (1993) lên 5% trong những năm 2000, kinh phí quốc phòng trung bình khoảng 3 tỷ USD/năm.

Nhưng nét độc đáo của chính sách quốc phòng Mã Lai là đa phương hóa các nguồn cung cấp vũ khí. Năm 1988, Mã Lai đã ký Thỏa thuận hợp tác quân sự với Anh, năm 1992 ký Hiệp ước kỹ thuật phòng vệ với Pháp, năm 1993 ký thỏa thuận hợp tác quân sự với Ý (mua 11 máy bay huấn luyện MB-339A, máy bay trực thăng A-1090, A-61N, tàu phá mìn), và gần đây với Hoa Kỳ, Thụy Điển và Chile.

Bằng chiến thuật hợp tác quân sự rộng rãi với nhiều nước, Mã Lai cũng tăng cường bảo đảm an ninh quốc gia khi tham gia tăng diễn tập quân sự với các cường quốc quân sự Mỹ, Anh, Pháp, Úc.

Nhưng trở ngại trong chính sách quốc phòng của Mã Lai là quan hệ với các quốc gia lân bang (Singapore, Thái Lan và Indonesia). Sự tranh giành quyền lợi kinh tế và ảnh hưởng tôn giáo-chủng tộc là những trở ngại trong việc giữ gìn hòa bình trong vùng. Tham vọng bá quyền của Trung Quốc trên Biển Đông không làm cho Mã Lai lo ngại lắm vì lực lượng hải quân và không quân của Mã Lai hơn hẳn. Hơn nữa giải quyết những tranh chấp trên Biển Đông thuộc về chính trị chứ không phải quân sự.

Nguyễn Minh (Tokyo)

31 năm sau ngày 30-4-1975

Hãy xứng đáng với một tương lai khác !

Nguyễn Gia Kiêng

Những con số tròn thường có một tác động ký ức đặc biệt. Vì thế mà tháng 4 năm ngoái, dịp kỷ niệm 30 năm ngày 30-4-1975 đã sôi nổi hơn hẳn năm nay dù chẳng có biến cố nào đáng chú ý.

Dịp kỷ niệm ngày 30-4-1975 năm nay quan trọng hơn nhiều. Nó trùng hợp với đại hội 10 của Đảng Cộng Sản Việt Nam, đánh dấu một cuộc chuyển giao thế hệ rõ rệt. Những người mới lên cầm quyền đều không có vai trò nào đáng kể trong cuộc chiến. Nếu tình cờ lớn lên ở miền Nam, giờ này họ cũng đang đòi tăng lương ở khu chế xuất Bình Dương hay chống cộng tại California. Một giai đoạn lịch sử đã thực sự khép lại.

Tháng 4 năm nay cũng đang chứng kiến những đợt đình công lớn chưa từng thấy từ trước đến nay, song song với cuộc đấu tranh đòi dân chủ sôi nổi. Cùng lúc đó, chuyến công du của Hồ Cẩm Đào tại Mỹ đánh dấu một cuộc chạm trán không tránh khỏi giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, đặt Việt Nam trước một chọn lựa chiến lược quyết định hướng đi và tương lai đất nước. Nhiều vấn đề nội bộ khác chưa được giải quyết cũng đã đến lúc phải giải quyết.

Nhưng trước hết là một vài lời về ngày 30-4-1975. Một vài lời thối vì biến cố này đã được đề cập đến khá nhiều rồi. Nhìn từ quyền lợi quốc gia thì đảng cộng sản đã sai lầm lớn khi phát động cuộc chiến tàn phá nặng nề đất nước cả về vật chất lẫn tinh cảm và làm thiệt mạng gần bốn triệu người. Để tin như vậy, chỉ cần đặt một câu hỏi : nếu không có cuộc chiến này Việt Nam sẽ khá hơn hay sẽ tệ hơn ngày hôm nay ? Thống nhất đất nước là điều ai cũng muốn nhưng thống nhất có thể đạt tới một cách thông minh hơn. Hãy nhìn thí dụ nước Đức. Và thực ra đã có thống nhất chưa ? Cho tới nay, 31 năm sau, vẫn chưa có một người nào xuất phát từ gia đình viên chức miền Nam hiện diện trong bộ máy đảng và nhà nước tối cấp quận huyện. Thực tế miền Nam vẫn còn là một lãnh thổ bị chiếm đóng và thống trị. Đảng cộng sản cũng lầm lẫn lớn khi huênh hoang cao ngạo với chiến thắng 30-4-1975. Thực ra vào năm 1973, khi ký hiệp định Paris, miền Bắc đã hoàn toàn kiệt quệ. Họ đã chiến thắng vì một may mắn không ngờ mà họ không hiểu : Liên Xô đã quá suy yếu và còn bị vướng mắc vào cả ba cuộc xung đột lớn vào lúc đó, với Mỹ tại Trung Đông và Việt Nam, với Trung Quốc tại biên giới Nga-Trung Quốc nên đã phải nhượng bộ thỏa hiệp với Mỹ, đổi Trung Đông với giá trị chiến lược hơn nhiều lần lớn hơn để lấy Việt Nam. Không phải là một sự tình cờ là năm 1973, năm ký hiệp ước Paris, cũng là năm mà Liên Xô triệt thoái khỏi Trung Đông và chấm dứt mọi hiện diện ở vùng này, cũng không phải là một sự tình cờ mà Trung Quốc không muốn có chiến thắng 30-4. Đáng lẽ những người lãnh đạo

đảng cộng sản phải khiêm tốn, họ đã tỏ ra đặc biệt ngớ ngẩn khi hò hét "chủ nghĩa Mác-Lênin bách chiến bách thắng muôn năm" trong khi nó sắp sụp đổ.

Nếu có một bài học cần rút ra thì đó là một dân tộc nhược tiểu như Việt Nam cần ý thức được số phận của mình, như một con cờ có thể bị hy sinh ngay cả khi bàn cờ đang thắng thế, và cần biết thương yêu nhau, gắn bó với nhau để thoát dần ra khỏi thân phận nhược tiểu.

Nhưng bối cảnh thế giới không phải là tất cả. Nếu về mặt đạo đức và trí tuệ đảng cộng sản xứng đáng bị thảm bại, thì về mặt một lực lượng đấu tranh thuần túy nó đã xứng đáng để thắng. Nó đã có một đội ngũ lãnh đạo quyết tâm và kiên trì, dù là quyết tâm và kiên trì trong sự tăm tối và do sự tăm tối. Trước mặt nó đã không có một đội ngũ chính trị nào. Những người kế tiếp nhau làm tổng thống, thủ tướng, bộ trưởng, tướng lãnh miền Nam không phải là những đồng chí gắn bó với nhau trong một cuộc chiến đấu chung, trong tuyệt đại đa số họ cũng không phải là những con người đấu tranh. Chính quyền miền Nam là một chính quyền không linh hồn. Đảng cộng sản hoàn toàn không xứng đáng để thắng nhưng chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã rất xứng đáng để thua.

Bây giờ hãy nhận diện những thử thách lớn đang đặt ra cho dân tộc.

Trước hết cần nhận định rõ tình trạng tụt hậu bi đát về mặt khoa học, kỹ thuật, và kiến thức nói chung, của đất nước. Chúng ta chỉ có những sản xuất kỹ thuật thấp : xuất khẩu gạo, cao su, cà phê, hải sản ; gia công quần áo, giày dép ; đóng bao bì, v.v. vào giữa lúc cuộc cách mạng tri thức, *the knowledge revolution*, đang sôi nổi trên thế giới. Cuộc cách mạng này - trong đó kiến thức, ý kiến và sáng kiến là tất cả và sẽ quyết định chỗ đứng và sự vinh nhục của các dân tộc - đáng lẽ phải được coi như là một cơ may ngàn năm một thuở cho chúng ta. Muốn thành công trong cuộc tranh đua này không cần đầu tư vào những trang thiết bị nặng nề và tốn kém ; một máy vi tính PC bắt vào mạng Internet có thể lập tức cho phép học hỏi và sử dụng cả kho tàng kiến thức của nhân loại, đồng thời cũng cho phép làm việc tức khắc tại bất cứ nơi nào trên thế giới với lợi tức cao. Chỉ cần khả năng học hỏi mà người Việt chúng ta có thừa. Nhưng dưới chế độ này, Việt Nam không phải đã thua cuộc mà còn đã bỏ cuộc. Không phải là những người lãnh đạo cộng sản không thấy được hứa hẹn của cuộc cách mạng tri thức và tiềm năng của Việt Nam trong khoa học kỹ thuật, nhất là khoa học thông tin. Có lúc họ đã muốn phát triển ngành tin học, nhưng họ bỏ cuộc vì hoạt động này mâu thuẫn với bản chất của chế độ. Nó đòi hỏi thông tin nhanh chóng và đầy đủ, nó cũng đòi hỏi ý kiến và sáng kiến,

những điều chỉ có thể có được trong một xã hội tự do và nơi những con người tự do. Như vậy, để tham gia cuộc cách mạng tri thức này chúng ta phải có dân chủ như là một điều kiện tiên quyết.

Tham nhũng đang tàn phá đất nước ở mức độ không thể chấp nhận được nữa. Phải đẩy lùi được tham nhũng nếu đất nước muốn có một tương lai, điều này thì chính những người lãnh đạo cộng sản cũng nhìn nhận. Nhưng làm thế nào để chống tham nhũng ? Cho đến nay trên thế giới chưa có trường hợp một chính quyền tham nhũng tự cải tiến để biến thành một chính quyền trong sạch. Người ta không thể *thay đổi* một đảng cầm quyền tham nhũng *thành* một đảng cầm quyền không tham nhũng mà chỉ có thể *thay thế* một đảng cầm quyền tham nhũng bằng một đảng cầm quyền không tham nhũng. Chỉ có dân chủ, với những cuộc bầu cử tự do, mới cho phép thực hiện sự thay thế này.

Một vấn đề còn trầm trọng hơn nhưng vẫn chưa được lưu ý đúng mức là phải phục hồi một nhà nước đúng nghĩa. Hiện nay quân đội, công an và đảng cộng sản đều có những công ty riêng và có tài chính gần như độc lập ; trên thực tế là những nhà nước trong nhà nước. Đây là hậu quả tự nhiên của một chính quyền không có lý tưởng và hậu thuẫn quần chúng, phải thỏa hiệp để tồn tại bằng cách chia sẻ quyền lợi. Phục hồi một nhà nước đúng nghĩa là một bài toán nhức nhối, nhưng điều kiện tiên quyết vẫn là một chính quyền mạnh vì được nhân dân ủng hộ, vì do chính nhân dân chỉ định, nghĩa là một chính quyền dân chủ.

Chúng ta còn vô số vấn đề nghiêm trọng khác đáng lẽ phải giải quyết từ lâu và vì không được giải quyết nên càng trở thành khó khăn hơn : chuyển hóa đất nước từ một nước nông nghiệp nhưng nhiều dân và thiếu đất sang một nước công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ ; phục hồi và nâng cao phẩm chất một nền giáo dục đã quá xuống cấp trong khi đấu trường giữa các dân tộc hiện nay là các trường học ; phục hồi và cải tiến môi trường ; giảm thiểu chênh lệch giàu nghèo quá lộ liễu, v.v. Và một chọn lựa có tầm quan trọng chiến lược : phải có thái độ nào và chính sách nào trong cuộc đụng độ không tránh khỏi giữa một Hoa Kỳ muốn áp đặt trật tự dân chủ vì coi đó là điều kiện để bảo đảm hòa bình thế giới và một Trung Quốc đang mạnh lên và thúc đẩy một liên minh các chế độ độc tài ? Chọn lựa này sẽ có những hậu quả vô cùng lớn. Nhưng quan trọng hơn hết vẫn là phục hồi niềm tin của người Việt Nam vào đất nước. Sự thực đau lòng là chúng ta hiện nay là một dân tộc đã rã hàng. Ít ai còn quan tâm tới đất nước nữa, mỗi người lo luồn lách giải quyết những vấn đề cá nhân bằng những giải pháp cá nhân, cả nước lao đầu vào một cuộc chơi dại dột trong đó mỗi người chống tất cả, để cuối cùng tất cả đều thua. Đây cũng là hậu quả tất nhiên của chế độ độc tài toàn trị, đất nước bị chiếm đoạt làm của riêng của một nhóm người. Làm sao có thể đòi hỏi người dân tin tưởng vào đất nước và cảm thấy có trách nhiệm với đất nước khi đất nước không còn là của họ ?

Tất cả những thử thách đang đặt ra cho đất nước chỉ có giải đáp trong một thể chế dân chủ và để giành thắng lợi

cho dân chủ phải có một tổ chức dân chủ mạnh, điều này ai cũng đồng ý. Ngay cả muốn chống tham nhũng cũng phải có đội ngũ. Tham nhũng là một hệ thống, một liên minh quyền lực và quyền lực của nhiều thế lực với tất cả phương tiện, quyết tâm, và dã tâm nếu cần. Muốn chống tham nhũng phải có đội ngũ mạnh của những con người coi cuộc chiến đấu chống tham nhũng như cuộc chiến đấu của đời mình.

Thế nhưng tại sao sau 31 năm dưới chế độ cộng sản chúng ta vẫn chưa có một tổ chức dân chủ có tầm vóc ?

Không thể đổ lỗi tất cả cho đảng cộng sản. Ở trong nước còn có thể nói là do sự cấm đoán và đàn áp của chế độ, nhưng còn ở nước ngoài thì tại sao ? Đúng là đảng cộng sản đã gửi hàng ngàn công an trá hình trà trộn vào các đợt vượt biên để làm tê liệt các hoạt động chống đối tại hải ngoại bằng những hành động phá đám, vu cáo, chụp mũ, bôi bẩn, nhưng họ không thể cấm đoán và bỏ tù. Nếu người Việt ở nước ngoài không thành lập được một tổ chức dân chủ mạnh thì đó là lỗi tại chính mình chứ không phải vì chính quyền cộng sản.

Và ngay tại trong nước một mức độ tổ chức và phối hợp nào đó vẫn có thể thực hiện được nếu có bản lĩnh và quyết tâm, nhất là gần đây đảng cộng sản đã phải giảm bớt sự hung bạo, trong khi các phương tiện giao thông và truyền thông phát triển mạnh. Những lùng cảng đáng tiếc vừa xảy ra giữa những người dân chủ trong nước không phải chỉ do đảng cộng sản gây ra mà một phần đáng kể do chính những người dân chủ.

Lý do căn bản đưa đến lúng túng ở cả trong lẫn ngoài nước là, do di sản văn hóa và lịch sử, người Việt chúng ta thiếu văn hóa tổ chức. Chúng ta chưa cảm nhận được sự cần thiết của tổ chức một cách đầy đủ để có thể chấp nhận những hệ lụy tự nhiên của mọi tổ chức. Chúng ta chưa hiểu các vấn đề đặt ra cho một tổ chức chính trị nên thường hành động một cách tùy tiện ; chúng ta chưa quen với sinh hoạt tổ chức nên *cái tôi* của mỗi người đều rất kềnh càng.

Không ai phủ nhận những khó khăn của hoạt động dân chủ trong nước, nhưng những khó khăn ấy cần được nhận diện một cách thành thực để rút ra những kết luận đúng đắn. Không thể một mặt nói rằng người trong nước bị khống chế bởi bộ máy công an, có thể bị bắt bất cứ lúc nào, một mặt lại đòi họ phải giữ vai trò chủ động và hải ngoại chỉ làm vai trò yểm trợ. Phải nói một cách thẳng thắn là trong giai đoạn đầu, mà công việc chính là kiểm điểm lực lượng, động viên dư luận và vận động hậu thuẫn quốc tế, hải ngoại phải giữ vai trò phối hợp và chủ động ; chỉ một khi hoạt động trong nước đã có thể ra công khai vai trò lãnh đạo mới có thể chuyển về trong nước. Những người dân chủ hải ngoại không nên khiêm tốn một cách giả dối ; và lại những người dân chủ đứng đắn trong nước cũng không đòi ngay bây giờ một vai trò mà họ không thể đảm nhiệm. Trong một thời gian nữa, hải ngoại phải là đầu tàu.

Vậy tại sao hải ngoại vẫn chưa đảm nhiệm được vai trò đầu tàu ?

Phải chăng vì mặc cảm không có mặt ở trong nước để trực diện với hiểm nguy ? Đây không phải là lý do vì chỉ là một mặc cảm sai. Trong lịch sử thế giới, đa số các cuộc vận động cách mạng lớn đã được chuẩn bị từ nước ngoài, các đảng cộng sản Nga và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Hơn nữa trong thời đại này, khoảng cách không còn quan trọng nữa.

Lý do quan trọng hơn có lẽ nằm ngay trong giới hạn của chính cộng đồng người Việt hải ngoại.

Đại bộ phận khối người Việt ở Nga và Đông Âu đã ra nước ngoài với mục đích buôn bán và kinh doanh ; không thể đòi hỏi ở họ một thái độ đấu tranh tích cực ; và lại họ còn phải đi về Việt Nam thường xuyên và còn cần phải thận trọng với chính quyền không kém gì người trong nước. Họ có thể đóng góp một cách quan trọng trong tương lai, nhưng chưa phải ngay lúc này.

Cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ và các nước phương Tây khác đã rời quê hương trong những điều kiện cực kỳ bi đát. Phân lớn ra đi trong hận thù và sợ hãi sau nhiều mất mát và tủi nhục. Chính cuộc hành trình vượt biên cũng đã diễn ra trong tủi nhục và kinh hoàng. Rất nhiều phụ nữ đã uống thuốc ngừa thai trước khi vượt biên, cũng rất nhiều người đã phải chứng kiến cảnh vợ hay con gái bị hải tặc hãm hiếp. Nhiều người mất thân nhân vì rất nhiều người ra đi nhưng không bao giờ tới. Tất cả những thảm kịch đó đủ để giết chết ý chí và tình cảm của một người bình thường. Ngay cả một cố gắng hòa giải chân thành nhất cùng với những lời xin lỗi và những giọt nước mắt thành thực ăn năn cũng khó khăn gắn được. Huống chi lại xét lý lịch mới cho về thăm nhà, hạch sách đủ điều nếu tình nghi có quan hệ với bọn phản động ? Huống chi lại đòi Nam Dương và Mã Lai đập dài tưởng niệm thuyền nhân bỏ mình trên biển cả ? Quê hương là một quá khứ nhục nhằn và thù hận cần quên đi. Đi là chết trong lòng một chút, nhưng người Việt ti nạn chết trong lòng nhiều lăm. Và đó là giới hạn lớn nhất của họ. Một tổ chức chính trị bao giờ cũng phải được xây dựng trên một dự án tương lai. Khi đã bị quá khứ đả thương một cách quá trầm trọng đến nỗi không còn nghĩ đến tương lai được nữa thì khó mà xây dựng được một tổ chức chính trị lớn. Nhưng đây cũng là một vấn nạn lớn cho sự tồn tại của chính cộng đồng người Việt hải ngoại. Nền tảng của cộng đồng hải ngoại là sự gắn bó với đất nước và người ta không thể gắn bó với đất nước Việt Nam mà lại không quan tâm đến vấn đề bức xúc nhất của nó, nghĩa là cuộc vận động dân chủ. Những tổ chức hướng về quá khứ như các hội ái hữu cựu học sinh trường này, binh chủng kia, cựu công chức ngành nọ, chỉ có thể giới hạn trong hoạt động hiếu hỉ và cũng sẽ không được tiếp nối. Các tổ chức tôn giáo cũng không đủ để gắn bó người Việt với nhau để cộng đồng người Việt hải ngoại có thể tiếp tục tồn tại vì người ta vẫn có thể là một người Công giáo hay Phật tử mà không cần là người Việt.

Lý do thứ hai là cộng đồng người Việt ti nạn, do di sản văn hóa chính trị của miền Nam trước 1975, đã thiếu những người có viễn kiến chính trị để dẫn dắt nên đã lạc hướng ngay từ lúc đầu. Khi mới ra nước ngoài, sự gắn bó với quê

hương còn mạnh, người ta ngơ ngác tự hỏi "*ta làm gì cho hết nửa đời sau ?*" (thơ Cao Tần) thì đã có ngay những người và tổ chức trả lời : ta cứ phát cao cờ vàng ba sọc đỏ, cứ ca vang quốc ca Việt Nam Cộng Hòa, cứ tưởng tượng rằng cuộc chiến chưa tàn và Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn, ta vẫn có những chiến khu quốc nội, ta cứ làm như ta đang chiến đấu... Nói một cách khác, ta lên đồng. Cuộc lên đồng này nay đã chấm dứt, nhưng giai đoạn thuận lợi nhất để đặt những viên đá đầu tiên cho một cộng đồng lành mạnh đóng góp thay đổi vận mệnh đất nước cũng qua đi rồi.

Lý do thứ ba và sau cùng, để chỉ đề cập tới những lý do chính, là khối người Việt hải ngoại đông đảo nhất với nhiều phương tiện nhất định cư tại Mỹ, một nước không thuận lợi cho sinh hoạt chính đảng và cách mạng. Nước Mỹ thực ra không có sinh hoạt chính đảng. Hoạt động chính trị tại Mỹ chủ yếu theo công thức nhân sĩ và đột xuất. Một nhân vật do uy tín hay thành công cá nhân qui tụ được một bộ tham mưu cá nhân, tranh thủ được sự ủng hộ của một số nhóm áp lực, rồi ra ứng cử tổng thống, thống đốc, nghị sĩ, dân biểu ; nếu đắc cử thì tham chính, nếu thất cử thì quay về làm business. Nước Mỹ cũng chưa bao giờ có nhu cầu thay đổi chế độ. Các vấn đề quốc gia của họ, các issues, chỉ là những vấn đề xã hội như phá thai, đọc kinh tại các trường học, án tử hình, quyền mua súng, v.v. Người Việt tại Mỹ vì vậy không có cơ hội để học hỏi những kinh nghiệm hoạt động chính đảng và đấu tranh thay đổi chế độ. Một sự thực là cho tới nay chưa có tổ chức chính trị Việt Nam nghiêm chỉnh nào thành công tại Mỹ. Cộng đồng người Việt tại Mỹ không thiếu những người lỗi lạc, họ cần vượt lên trên giới hạn tâm lý này.

G. W. Friedrich Hegel được coi là triết gia nhiều ảnh hưởng nhất trong thế kỷ 19. Ngày nay phần lớn tư tưởng của Hegel được coi là sai, tuy vậy không ai phủ nhận Hegel đã có những nhận xét rất độc đáo, diễn tả bằng một ngòi bút thiên tài. Một trong những đoạn kiệt xuất nhất của Hegel là trong tác phẩm "Hiện tượng quan của trí tuệ" (*Phénoménologie de l'Esprit*), trong đó ông coi cuộc chiến đấu vì tự do là cuộc chiến đấu cao cả nhất vì là cuộc chiến đấu sống chết của con người để được nhìn nhận một chỗ đứng xứng đáng. Kẻ sợ chết không dám liều mạng sẽ thua và làm nô lệ. Kẻ dám chấp nhận chết chứ không chịu cúi đầu sẽ thắng, sẽ là con người tự do và sẽ là chủ.

Chúng ta sẽ không phải trả cái giá nặng đến như thế vì đảng cộng sản đã rất yếu và chia rẽ nội bộ, vừa bị nhân dân thù ghét, vừa bị tham nhũng đục khoét. Nó thiếu cả sức mạnh lẫn ý chí. Nó sẽ nhượng bộ nếu phong trào dân chủ đủ mạnh. Điều chúng ta cần nhất là sự sáng suốt, đủ sáng suốt để hy sinh tự ái và tham vọng cá nhân cho một tham vọng lớn hơn là thay đổi lịch sử của dân tộc, trong một tổ chức.

Chúng ta không thể chấp nhận chế độ cộng sản và số phận đen tối mà nó hứa hẹn cho dân tộc. Như vậy chúng ta cần tỏ ra xứng đáng với một tương lai khác.

Nguyễn Gia Kiểng

Con tàu vẫn mất hướng

Bài Tin

Đại hội 10 đã thành công tốt đẹp ! Tổng bí thư vừa được tái cử Nông Đức Mạnh, mới mà cũ, nói như thế, hệt như bất kỳ tổng bí thư nào, trong diễn văn bế mạc.

Đại hội 10 cũng hệt như vậy, mới vừa diễn ra, nhưng lại cũ, rất cũ về nội dung, về đường lối và chính sách, cũ đến rùng rợn.

Ta hãy nhìn lại ý định của nhóm lãnh đạo đảng cộng sản trong sự chuẩn bị đại hội 10 và xem kết quả họ đạt được.

Nỗi lo ngổn ngang

Từ lâu trước khi chuẩn bị đại hội 10, nhóm lãnh đạo có nhiều nỗi lo. Lo về lòng dân không yên. Lo trước những đòi hỏi dân chủ ngày một mạnh. Lo trước yêu cầu tôn trọng nhân quyền, tự do tôn giáo của thế giới dân chủ. Lo Mỹ tiếp tục trừng phạt bằng CPC (các quốc gia cần giám sát đặc biệt). Lo tham nhũng từ trên xuống dưới dấu không xuể trước công luận, lo số đảng viên hư hỏng phạm pháp quá nhiều.

Từ đầu năm 2004, vụ Tổng cục 2 và T4 bùng ra, họ lo đảng lâm nguy vì chia rẽ. Gần đây vụ PMU 18 bị khui ra, họ lo dư luận căm phẫn, vì liên quan ngày càng rộng, không chặn kịp sẽ đụng đến chót cao quyền lực.

Về nhân sự lãnh đạo, nhóm "siêu bảo thủ" bị hai vị thái thượng hoàng kềm chặt, gồm có các ông Trà, Điềm, Hoan, lại được các ông Mạnh, Lương và Diễn nương theo, quyết duy trì bằng mọi giá cương vị tổng bí thư của ông Mạnh đang bị lung lay.

Họ hiểu rằng các ông Trà, Hoan, Lương, Diễn đều phải về vườn vì quá tuổi ; ông Điềm tuy còn trong hạn tuổi vẫn buộc phải ra đi vì mất hết uy tín ngay cả trong cơ quan, nên việc duy trì ông Mạnh càng là ưu tiên số một, tuy ông Mạnh cũng quá tuổi quy định (66).

Nhóm lãnh đạo leo lěo về mục tiêu đại hội 10 là đổi mới bước 2, là phát triển bền vững, là hòa nhập quốc tế... nhưng thật ra mối lo chính của họ bao giờ cũng là chiếc ghế, nhất là những vị trí then chốt nhiều quyền lực, bổng lộc, cũng là để ngăn chặn quá trình dân chủ hóa cực kỳ nguy hiểm cho độc quyền cai trị của họ.

Gần sát đại hội, họ lo rằng hai ông An và Triết có thể vượt lên thay ông Mạnh nên họ xếp đặt rất tinh vi và chặt chẽ, để gạt phăng ông An ra khỏi cuộc đua, và sau đó chịu chơi trò hời mạo hiểm là đưa hai ông Triết và Mạnh vào chung kết, đồng thời họ bày ra tiết mục toàn đại hội giới thiệu chức danh tổng bí thư, vì họ tin đã nắm chắc cả 1.200 đại biểu do các ông Mạnh và Hoan sàng lọc kỹ rồi, nhằm qua đó gây thêm thanh thế cho ông Mạnh để ăn chắc. Thế nhưng vào phút chót, biết thân phận mình, ông Triết xin rút, để ông Mạnh ra tranh cử... một mình.

Kiểu nhân sự tiền chế

Mưu đồ tinh vi, xảo quyết ấy đã thắng, thắng sát nút, thắng ngon lành ; lại còn được tiếng là dân chủ hơn trước - thật ra là "dân chủ giả vờ", "dân chủ chơi bẩn". Chỉ cần chút ít công tâm thì ai cũng nhận ra hai ông Triết và An, trên cương vị tổng bí thư, đều trội hơn hẳn ông Mạnh về mọi mặt.

Việc ông Mạnh yếu kém toàn diện, nhu nhược, không có bản lĩnh cầm lái, ở lỳ thêm 5 năm nữa ở cương vị số 1 của chế độ, là thêm một biểu hiện về sự tha hóa và tê liệt của đảng cộng sản.

Có thể nói Đảng Cộng Sản Việt Nam đã hoàn toàn mất quyền tự chủ, trên thực tế đã để nhóm lãnh đạo bảo thủ biến thành công cụ của cụm quyền uy MA (Mười+Anh), và cụm quyền uy MA này lại tự nguyện phục vụ cho thế lực bành trướng nước ngoài.

Tất cả những mỹ từ về đổi mới, thời cơ vàng, tuyển lựa kén chọn nhân tài, về đột phá, bứt phá, nhân sự mới, tài năng, trí tuệ mới... đều chỉ còn có ý nghĩa mỉa mai, khi nhân vật tầm thấp này còn tại vị.

Công lớn của nhóm siêu bảo thủ là đã đào tạo một nhân vật hiền lành, chất phác, gốc dân tộc miền núi Tày, chỉ sau 5 năm ở trên cao nhất, thành một nhân vật khác hẳn trước, mê quyền, mê danh, mê của, và nhập thân nhanh vào cuộc chơi thủ đoạn ma quái, được đạo diễn từ xa, tai hại khôn lường cho đất nước, cho cả đảng cộng sản nữa.

Về nội dung các nghị quyết

Bước vào đại hội, ông Phan Diễn quảng cáo rằng đại hội 10 khác hẳn với các đại hội trước, sẽ có thực chất chứ không công diễn như xưa, sẽ có nhiều thay đổi, ngụ ý là tự do dân chủ hơn hẳn trước. Thật ra chỉ có những thay đổi rất hình thức, không có chút thực chất nào.

Qua hàng vạn ý kiến góp về nội dung, chỉ có mỗi một thay đổi có ý nghĩa về các thành phần kinh tế, không còn ghi thành phần quốc doanh là chủ đạo, mà ghi các thành phần quốc doanh, tập thể và tư nhân... đều là bộ phận bình đẳng của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về tham luận thì có 27 tham luận ở hội trường, vẫn là của tập thể các đảng bộ tỉnh, thành và các ngành, nặng về công thức, chung chung, sáo mòn, tuy có nói đến yêu cầu dân chủ trong đảng và ngoài xã hội, có nói khá mạnh đến quốc nạn tham nhũng đang hoành hành rộng khắp. Hầu như không có tranh luận, cọ sát ý kiến. Mọi sự đều xuôi chiều. Nhiều đại biểu phát chán, mỏi mệt.

Họ thống kê là có 1.400 ý kiến phát biểu ở 77 tổ, nhưng không ai được biết là những ý kiến ấy ra sao, có được đại hội xem xét tiếp thu không !

Có hai ý kiến cá nhân nổi lên đôi chút trong hội trường, khi đại biểu Trương Đình Tuyển, bộ trưởng thương mại (sắp về nghỉ) nói "vo" về dân chủ và tập trung, nhấn mạnh đến dân chủ, khác với khái niệm "tập trung dân chủ" của đảng cộng sản, và khi đại biểu Vũ Quốc Hùng (phó ban kiểm tra trung ương, không được chọn để tái cử vào trung ương) nói rõ về các tệ "chạy chức", "chạy quyền", "chạy ghế", "chạy bằng cấp", "chạy án", "chạy tội"...

Thế nhưng không một ai dám nói đến vụ Tổng Cục 2, vụ T4, vụ lật tổng bí thư Lê Khả Phiêu, dám hỏi có ai trong đại hội dính đến vụ PMU18, hoặc về đổi tên đảng, tên nước, về tệ chiếm đất, tệ hóa giá nhà, hay về các hiệp định Việt-Trung... Họ đã khoanh kín kỵ.

Xin chở lầm lẫn

Có ý kiến cho rằng trong đại hội đã có đấu tranh mạnh mẽ (!), quyết liệt (!) giữa phe bảo thủ (!) với phe cấp tiến (!), và trong ban chấp hành trung ương cũng đang có đấu tranh giữa hai "phe" như thế ! Giờ ạ, nếu được thế đã may. Xin chở lấy mong muốn chủ quan làm sự thật.

Thật ra trong đại hội chỉ có hai ý kiến cá nhân rời rạc trên đây rơi tóm vào biển bảo thủ mênh mông bao trùm đại hội.

Nên nhận rõ sự thật là ý kiến thức thời có giá trị hầu hết là ở ngoài đại hội, trên các báo Tuổi trẻ, Thanh niên, Pháp luật, Tia Sáng, VNNet, trong một số phỏng vấn ngoài đại hội, như ý kiến ông Nguyễn Văn Trần (nguyên bí thư thành ủy Hà Nội) về đảng không được lấn át chính quyền và cơ quan dân cử, hay về yêu cầu đổi tên đảng và tên nước của giáo sư Tương Lai.

Xin chở vội nhận định về sự đổi mới có thực chất gì trong đại hội 10. Cả về nội dung và về nhân sự, lãnh đạo bảo thủ và độc quyền vẫn khống chế rất chặt, bất chấp những đòi hỏi ngày càng mạnh mẽ ở bên ngoài đại hội, của đông đảo đảng viên ở cơ sở.

Tình hình tồi tệ thêm là khó tránh

Về nhân sự, nhóm siêu bảo thủ đang mở cờ trong bụng. Họ đã xếp đặt xong xuôi "tứ trụ triều đình" từ hội nghị trung ương 13, và 1.178 đại biểu chỉ là những con rối. Mọi dự kiến của họ đều trúng phóc 100%. Tất cả 160 ủy viên trung ương trúng cử đều nằm trong số 174 họ đề cử ; không một ai trong số 33 người do đại hội cử thêm trúng cử. 21 ủy viên dự khuyết cũng nằm trong số 30 người họ đề cử, 16 người do đại hội cử thêm đều trượt. Hai người tự ứng cử đều bị... quên.

Một số nhân vật rõ ràng là "bẩn" với chứng cứ hiển nhiên, như bí thư thành ủy Hải phòng Nguyễn Văn Thuận, con nuôi "cụ nhơn" Đỗ Mười, như Nguyễn Văn Tự, bí thư tỉnh ủy Khánh Hòa dính chặt vào vụ án tham nhũng gần một triệu đôla, như bí thư tỉnh ủy Thái Nguyên Nguyễn Bắc Sơn, thân tín của Lê Đức Anh, như trùm dài phát thanh Vũ Văn Hiền bị tố giác chuyên ăn bẩn và xu nịnh... đều trúng cử ngon lành.

Họ tuyển chọn kỹ rồi. Đại hội có chọn gì đâu. Nhắm mắt mà bầu.

Vậy thì bầu làm gì ! Mất công vô ích. Họ biểu diễn trò "tập trung dân chủ" như vậy đó ! Đại hội có quyền cao nhất. Trên cái cao nhất lại có cái cao hơn !

Có lẽ cay nhất là ngành ngoại giao. Cả năm vị thứ trưởng ra ứng cử để thay bộ trưởng về vường đều trượt sạch. Trong khi sáu thứ trưởng công an đều trúng cả. Thời hòa bình, vậy mà có đến 18 vị tướng quân đội, trong khi trí thức tài giỏi vào trung ương lại là con số không. Một chế độ ưa dàn áp, sùng bái bạo lực, cóc cần đến ngoại giao, đến khoa học, đến kinh tế trí thức!

Với "tứ trụ" được hai cụ M+A chọn lựa, được hai ông Mạnh+Hoan tận tụy thực hiện, không cần đến ban chấp hành trung ương khóa 10, bất chấp cả quốc hội và chính phủ : ông Triết sẽ nhận chức chủ tịch nước, nặng về hiếu hỉ ; ông Tấn Dũng sẽ ngồi ghế thủ tướng ; ông Trọng sẽ là chủ tịch quốc hội ; các vị đều hả hê vì lên chức cao hơn hẳn trước.

Nhưng nhiều thành viên chính phủ và quốc hội rất lo ngại. Ông Dũng cả về trình độ, uy tín, kinh nghiệm, quan hệ đối ngoại đều kém khá xa ông Khải. Ông Trọng sẽ chặn đứng quá trình chấp chững cởi mở, dân chủ hóa, cải cách hành chính, làm luật và thi hành luật của quốc hội, do ông là người bảo vệ chủ nghĩa

Mác-Lê đến hơi thở cuối ; ông sẽ kiên trì nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, kiên trì nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, kiên trì nền chuyên chính vô sản. Đôi ba thành quả gày còm của ông An ở quốc hội sẽ tiêu ma nhanh. Còn về tổng bí thư Mạnh vừa được tái cử, vẫn những nhược điểm rõ ràng : kiến thức thấp, nhu nhược, thiếu quyết đoán, không có bản lãnh cầm lái, bất lực trước tham nhũng, am hiểu thế giới sơ sài, có tài thánh ông mới có thể ngang tầm thử thách.

Thật ra theo tin tức từ trong nước, đông đảo dân Hà Nội không ghét bỏ gì ông Mạnh, họ thấy ông diêm tĩnh, có vẻ hiền hậu nữa, nhưng rõ ràng ông có nhiều nhược điểm so với vị trí số 1 của chế độ ; 5 năm trước ông còn tự hiểu mình, từ chối vị trí ấy, nay rõ ràng không đủ sức, sao ông lại tìm mọi cách để ngồi lì ; người ta trách ông và đâm ra ghét và coi thường ông, pha lẩn cả oán giận nữa.

Trước đại hội 10, rất nhiều ý kiến nói về sự hụt hẫng của lãnh đạo, sự bất cập của việc nắm chính quyền, sự bất lực giải quyết hai quốc nạn tham nhũng và tật hậu ; với một "tứ trụ" xuống cấp hơn trước, một trung ương mới "robot" đến hết mức, thì đất nước sẽ đi đến đâu ?

Tình hình trước mắt chứng minh thêm sự thật : không ai phá nát cái đảng cộng sản bằng chính những người cộng sản. Không ai tri kéo đất nước tụt hậu toàn diện, lãng phí thời gian của dân tộc bằng những người tự nhận là lãnh đạo đất nước đổi mới.

Con tàu trôi nổi neo chặt vào bến cũ

Hình ảnh con tàu là của ông Nguyễn Trung. Ông ví nước ta như con tàu trên biển, có những lỗ thủng, mọi người xúm lại tắt nước chỉ để cho tàu khỏi chìm, giành nhau chút của cải trên tàu, không có ai nghĩ đến sẽ cho tàu đi đến bờ bến nào, đi theo hướng nào, theo bản đồ và la bàn nào, tránh những tảng đá ngầm nào, không ai cầm lái.

Con tàu Việt nam không thể đi xa, vì nó bị neo quá chặt vào bến cũ của quá khứ hào hoa một thời, trong khi các nước khác, con tàu khác có động lực dân chủ tự do khỏe khoắn, đã cùng nhau lao ra đại dương rộng gió thời đại, với tốc độ siêu cao, đến những vùng tài nguyên quý báu vô tận.

Đã có khối người vỡ mộng ngay khi đại hội kết thúc. Họ chờ những quyết sách mới, những biện pháp sáng tạo, những mục tiêu hấp dẫn, những tư duy lãnh đạo quả đoán, tạo nên không khí hừng hực lao tới của đông đảo quần chúng đặt niềm tin vào một dàn lãnh đạo ngang tầm thời đại, hiểu thấu nguyện vọng toàn dân tộc và tìm ra hướng huy động mạnh mẽ tiềm năng vô tận ấy. Họ chỉ thấy một đường lối cũ mèm, một dàn lãnh đạo xuống cấp.

Quả là đầu voi, đuôi chuột. Những kỳ vọng vừa nhen lên đã tan biến. Biết bao người cảm thấy bị lừa. Bộ máy tuyên truyền càng ôn ào với những mỹ từ lảm nhảm chỉ làm người dân thêm bức bối.

Nhóm lãnh đạo bảo thủ tận xương tủy dám thách thức và khiêu khích toàn dân tộc qua một trò hề hạ cấp.

Toàn dân Việt Nam, trí thức, tuổi trẻ, lao động hãy vươn dậy làm chủ con tàu - đất nước, hiện đại hóa nó trên một tầng cao văn hóa - chính trị mới, với động lực mới là nền dân chủ đa đảng lành mạnh, có ganh đua và kiểm soát, lấy công luận và cử tri làm trọng tài, mở hết tốc lực nhằm đích cập bến tự do và phồn vinh của thời đại mới.

Bùi Tín (Paris)

Chuẩn bị để nhận lãnh trách nhiệm

Võ Xuân Minh

Trong thập niên 1980 và đầu thập niên 1990, nhiều người, kể cả những người trong giới lãnh đạo đảng cộng sản, đã không tin là chế độ độc tài này vẫn còn tồn tại cho đến ngày hôm nay. Từ nhiều thập niên qua, chính quyền cộng sản đã xuất hiện như một băng đảng Mafia, vừa khủng bố người dân vừa thanh toán lẫn nhau trong nội bộ đảng. Một đảng chính trị vừa suy yếu vừa bị người dân chán ghét như vậy thì không thể tồn tại được. Sự kéo dài của chế độ này chỉ có một giải thích : đổi lập dân chủ Việt Nam vẫn chưa là một lực lượng chính trị vững mạnh.

Xây dựng một lực lượng đổi lập dân chủ để chống lại một chế độ độc tài luôn gặp nhiều khó khăn và đòi hỏi nhiều thời gian. Tuy nhiên, đổi lập dân chủ Việt Nam cũng đã phạm rất nhiều lỗi giờ mà nguyên nhân chính là đã không thấy rõ những khó khăn của cuộc đấu tranh này. Không nhận rõ những khó khăn thường đưa đến hậu quả là vừa không góp phần vào vừa gây trở ngại cho việc giải quyết những khó khăn đó.

Trở ngại lớn nhất trong công cuộc đấu tranh chống độc tài và xây dựng dân chủ là những trở ngại của di sản văn hóa và lịch sử. Muốn thay đổi một chế độ chính trị trước hết phải tìm cách thay những giá trị lỗi thời của quân chủ và phong kiến để lại bằng những giá trị phổ cập của thời đại, như thay các giá trị tôn quân, bảo thủ, bạo lực, giai cấp, trọng nam khinh nữ bằng những giá trị tự do, bình đẳng, hòa bình, dân chủ, nhân quyền. Muốn xây dựng một lực lượng đổi lập vững mạnh, được nhiều thành phần dân tộc tham gia và được đa số người dân ủng hộ, đặc biệt là những người dân trong nước, cần phải hàn gắn vết thương do cuộc nội chiến tàn khốc đã gây ra trong nhiều thập niên. Hòa giải và hòa hợp dân tộc bắt buộc phải là một lập trường đấu tranh vì như vậy đổi lập dân chủ mới quy tụ được mọi người thuộc mọi thành phần dân tộc có quan điểm chính trị khác nhau. Thay đổi niềm tin, tâm lý, tình cảm của một dân tộc là một công việc rất khó khăn. Nhiều người, nhiều tổ chức đấu tranh cho dân chủ đã không ý thức được sự cần thiết cũng như sự khó khăn của công việc này và do đó đổi lập dân chủ đã phải rất vất vả cũng như đã phải mất rất nhiều thời gian mới có thể vượt qua một số trở ngại của di sản văn hóa và lịch sử.

Trong đấu tranh chính trị, không nhận đúng những khó khăn cũng là một cách tạo thêm những khó khăn khác. Vì không nhận thức được những khó khăn do văn hóa và lịch sử để lại nên nhiều người, nhiều tổ chức đã nghĩ rằng có thể đánh đổ chế độ độc tài cộng sản một cách dễ dàng và nhanh chóng. Sau một thời gian hô hởi đấu tranh cho dân chủ một cách sôi nổi, họ đã không gặt hái được những kết quả mong muốn và đi đến kết luận là chính quyền cộng sản quá tinh vi, quá mạnh không thể đánh đổ được cũng như cho rằng chế độ này chỉ có thể thay đổi từ bên trong, nghĩa

"Sau khi chối bỏ độc tài đảng trị chấm dứt chúng ta sẽ trải qua một giai đoạn chuyển tiếp cực kỳ khó khăn. Trong một khoảng thời gian chừng năm năm, chúng ta sẽ phải làm những cố gắng rất phi thường để vượt qua những thử thách vô cùng cam go, trước khi đất nước có thể trở thành một quốc gia bình thường và hội nhập thật sự vào cộng đồng quốc tế".

(*Đề Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguồn 2001, Thành Công Thể Ký 21*, trang 107).

là từ những người đang có quyền hiện nay.

Đây là một nhận định sai lầm và có thể đưa đến những hậu quả tiêu cực là vừa làm cho đổi lập dân chủ trở nên thụ động vừa mang lại niềm tin cho đảng cầm quyền đang hấp hối. Đảng cộng sản hiện nay rất yếu, yếu một cách thảm hại. Đó là một đảng chính trị không có đường lối, không có chính sách và do đó không còn là một thực thể chính trị đúng nghĩa nữa.Thêm vào, nhân sự vừa tồi dở vừa xâu xé nhau vì quyền lợi và tham nhũng làm cho đảng phân hóa và suy yếu thêm. Tập đoàn này chia rẽ từ bên trong và bị cô lập từ bên ngoài cũng như phải chịu áp lực đến từ nhiều phía : từ những phẫn uất của người dân, ngày càng cao và càng lan rộng ; từ những tổ chức phi chính phủ tranh đấu cho nhân quyền, ngày càng chú ý những vi phạm của chế độ này ; từ các chính quyền dân chủ, ngày càng thấy rõ những quốc gia độc tài là một đe dọa cho hòa bình và phát triển bền vững ; và từ cả những thế lực tư bản (đứng đắn) muốn Việt Nam có một chính quyền lành mạnh, luật pháp ổn vững để đầu tư lâu dài.

Một sai lầm khác là không thể trông đợi ở đảng cộng sản một sự thay đổi tích cực nào cả vì đảng cộng sản không thể thay đổi được. Muốn thay đổi cần phải có ý chí thay đổi và phải có khả năng để thay đổi. Đảng cộng sản không có cả hai điều kiện này. Ý chí muốn duy trì chế độ độc tài này của đảng cộng sản đã được thể hiện từ trước đến nay và cũng đã được khẳng định lại trong đại hội 10 vừa qua. Nhưng nếu vì một lý do nào đó mà đảng cộng sản muốn thay đổi, họ cũng không thể thay đổi được vì không có khả năng thay đổi.

Thay đổi ở đây được hiểu là thay đổi một chế độ độc tài thành một chế độ dân chủ. Thay đổi này trước hết chỉ có thể thực hiện được bởi những người có văn hóa dân chủ, có niềm tin vững chắc vào những giá trị dân chủ và có những phản xạ của một người dân chủ. Điều này chúng ta không thể trông đợi ở những con người luôn coi bạo lực và khủng bố là phương thức điều hành quốc gia. Kể đến, muốn chuyển hóa thành công về dân chủ cần phải có những hiểu biết căn bản về cơ chế chính quyền của một quốc gia dân chủ. Đây cũng là điều mà chúng ta không thể chờ đợi ở một chính quyền độc tài và luôn co cụm để bảo vệ chế độ độc tài của họ. Thay đổi này cũng chỉ có thể thành công nếu nó được thực hiện bởi những người lương

thiện và quan tâm đến tương lai của đất nước. Sự thờ ơ của những người lãnh đạo đảng cộng sản đối với tương lai của đất nước cũng như sự lạm dụng quyền hành của họ đã làm cho tham nhũng trở thành một quốc nạn đã chứng tỏ một cách hùng hồn là họ không có những đức tính đó. Hơn nữa, một thực tế khác cũng nên chú ý đến là những người đang nắm quyền hiện nay chỉ là những « hình nộm » được điều khiển bởi tập đoàn tư bản đen (thường được gọi là tư bản đỏ). Tập đoàn tài phiệt mafia này chỉ quan tâm đến tài sản của chúng và chỉ muốn duy trì chế độ độc tài này vì chế độ này phục vụ cho quyền lợi của chúng. Nói tóm lại : không nên chờ đợi gì ở đảng cộng sản cả. Muốn Việt Nam có dân chủ chúng ta phải chấp nhận sự thật này : chỉ có lực lượng chính trị đổi lập dân chủ mới có thể chấm dứt chế độ độc tài và xây dựng dân chủ cho Việt Nam. Trong đợi một sự chuyển hướng tích cực của đảng cộng sản chỉ kéo dài tình trạng bi đát của đất nước và làm cho tương lai của Việt Nam thêm暗淡.

Ở đây có một điểm quan trọng cần lưu ý : nên phân biệt đảng cộng sản với những người cộng sản. Khi nói đến đảng cộng sản là nói đến cơ chế, tư tưởng, đường lối, cơ cấu tổ chức và đặc biệt là nói đến những người đang giữ những vai trò then chốt trong đảng. Những người này chỉ là một thiểu số rất nhỏ nhưng nắm quyền quyết định. Ngoài thành phần chóp bu này còn có rất nhiều người cộng sản tiến bộ muốn thay đổi, vì tương lai của đất nước và cũng vì chính tương lai của họ, của con em họ. Thành phần này ngày càng nhiều nhưng phần đông vẫn còn do dự vì ngại những bất trắc có thể xảy ra. Những người cộng sản tiến bộ sẽ tham gia tích cực hơn nếu họ tin tưởng rằng cuộc thay đổi chế độ sẽ diễn ra trong hòa bình và trật tự. Cuộc đấu tranh hôm nay phải là một cuộc đấu tranh chung của mọi thành phần dân tộc, không phân biệt quá khứ chính trị và phải luôn đề cao tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Cuộc đấu tranh để xây dựng dân chủ cho Việt Nam hiện nay đang trên đà thắng lợi. Một mặt, đảng cộng sản ngày càng phân hóa, càng bị chống đối và bị cô lập, nên đã suy yếu lại càng suy yếu thêm ; mặt khác, đổi lập dân chủ đã vượt qua phần lớn những trở ngại của di sản văn hóa và lịch sử : các giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền đã được mọi người đề cao và coi là nền tảng để xây dựng tương lai của mình ; hòa giải và hòa hợp dân tộc cũng đã được coi là lập trường đấu tranh đứng đắn và bắt buộc phải có để thành công trong cuộc đấu tranh này. Đổi lập dân chủ cũng đã có một đồng thuận cao về mục tiêu và phương thức đấu tranh : thiết lập một thể chế dân chủ đa nguyên bằng phương thức bạo động. Thêm vào, cuộc đấu tranh này được ủng hộ bởi thế giới và trào lưu của thời đại.

Tuy nhiên không phải vì vậy mà cuộc đấu tranh này không còn có những khó khăn lớn khác. Nếu không ý thức rõ những khó khăn đó thì sự thành công của cuộc đấu tranh này rất mong manh và chế độ này sẽ còn tồn tại lâu dài. Trong trường hợp này, tương lai của Việt Nam rất bấp bênh.

Trước khi đề cập đến những khó khăn mà đổi lập dân

chủ sẽ gặp phải, có một điểm quan trọng cần lưu ý : Trong một cuộc đấu tranh nào cũng cần có tinh thần lạc quan. Nhưng tinh thần lạc quan không phải là chối bỏ, hay không muốn quan tâm đến, những khó khăn. Không dám nhìn vào những trở ngại sẽ gặp phải là thiếu tự tin. Và trong trường hợp này, dù có tạo ra một không khí phấn khởi do sự lạc quan giả tạo thì chẳng bao lâu sau sẽ trở nên bi quan và chán nản khi đối diện với sự thật. Thái độ lạc quan cần có trong cuộc đấu tranh là thắng thắn nhận diện những khó khăn và tin rằng sẽ vượt qua.

Để thấy rõ những khó khăn còn lại cần phải xác định rõ mục tiêu của cuộc đấu tranh : xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và phồn vinh. Đánh đổ chế độ độc tài hiện tại chỉ là một giai đoạn cần thiết chứ không phải là mục tiêu. Nếu mục tiêu của đổi lập dân chủ chỉ ngừng lại ở mức độ giải thể chính quyền cộng sản thì tương lai của Việt Nam rất bấp bênh. Có thể sau đó là một nước Việt Nam hỗn loạn và ở trong một tình trạng tệ hại hơn hiện nay. Đổi lập dân chủ phải chuẩn bị để nhận lãnh trách nhiệm điều khiển quốc gia ngay sau khi chấm dứt chế độ độc tài cộng sản.

Phải chuẩn bị vì điều khiển một quốc gia là một công việc rất khó khăn. Với một quốc gia đông dân, có trên 80 triệu người, còn khó khăn hơn. Còn đối với một quốc gia vừa thoát khỏi một chế độ độc tài toàn trị với nhiều đố võ như Việt Nam thì vô cùng khó khăn. Không chuẩn bị thì sẽ không hoàn thành được trách nhiệm cũng như sẽ không đạt được mục tiêu mong muốn : xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và giàu mạnh.

Nên thực tế để chấp nhận rằng trong một vài tháng không thể xây dựng một dự án chính trị cần thiết và phù hợp với bối cảnh đất nước, cũng không thể có được một đội ngũ cán bộ có khả năng thực hiện dự án đó và làm việc ăn khớp với nhau. Và cũng nên lưu ý là một quốc gia, đặc biệt như quốc gia Việt Nam, không thể ở trong tình trạng « vô chính phủ » trong vài ba tháng. Nói tóm lại, song song với việc tìm cách giải thể chế độ hiện tại, đổi lập dân chủ phải chuẩn bị để nhận lãnh trách nhiệm điều khiển quốc gia.

Công việc chuẩn bị nhận lãnh trách nhiệm này trên thực tế cũng đóng một vai trò rất tích cực trong công cuộc đánh đổ chế độ độc tài hiện nay. Sức mạnh của đổi lập dân chủ tùy thuộc rất nhiều vào sự tin tưởng của người dân. Sự chán ghét của người dân đối với chế độ hiện tại không phải là một điều kiện cần và đủ để đưa cuộc cách mạng dân chủ đến thành công. Điều kiện này chỉ đạt được khi người dân tin tưởng vào sự đứng đắn và nghiêm túc của đổi lập dân chủ. Một lực lượng chính trị không chuẩn bị để nhận lãnh trách nhiệm lãnh đạo quốc gia thì khó có thể gây được sự tin tưởng của người dân. Dù chán ghét chế độ hiện tại, người dân Việt Nam vẫn chưa tham gia tích cực vào công cuộc đấu tranh này vì không thấy rõ tương lai của Việt Nam sau khi chế độ độc tài này được giải thể. Lực lượng chính trị sẽ thay thế chính quyền hiện nay có khả năng nào ? Chính sách của họ ra sao ? Với những giải pháp nào

Nhìn vào phong trào dân chủ Việt Nam

Nguyễn Văn Hiệu

Dường như đã bàng bạc có một đồng thuận ngầm về việc tính tuổi của phong trào dân chủ Việt Nam, trong đó mốc thời gian 1975 được coi là năm ra đời. Cứ theo cách tính này, một cách gọn nhẹ, hễ cứ mỗi năm "Đại thắng mùa Xuân" hay "Quốc hận" được kỷ niệm thì phong trào dân chủ Việt Nam lại được tính thêm một tuổi. Như thế đúng vào dịp 30-4 năm nay, phong trào dân chủ Việt Nam cũng đã bước qua khỏi ngưỡng cửa ba mươi.

Cũng năm trong cách nhìn này, khi dân chủ đã trở thành một đồng thuận mang tính nguyên tắc cho mục tiêu đấu tranh của người Việt, mọi hành động chống chế độ cộng sản từ sau năm 1975 do đó đều cũng được xem một cách xuề xòa là thuộc phong trào dân chủ Việt Nam. Nhưng thực ra đây lại là một cách nhìn dễ dãi thuộc kiểu chín bở làm mười, vì vậy thiếu sự chính xác.

Một phong trào dân chủ chỉ có thực chất khi nó được trang bị với một nội dung đúng nghĩa. Nội dung tiên quyết phải là sự đồng thuận về mặt tư tưởng hành động, nghĩa là mục tiêu chiến lược. Phương pháp hành động để đạt tới mục tiêu trên nguyên tắc cũng đã được định hướng từ sự ra đời của tư tưởng nền tảng. Lịch sử trên thế giới cho thấy sự cáo chung của các chế độ độc tài được quyết định bởi sự trưởng thành của một mặt trận chủ lực, dù có thể đã tồn tại dưới những hình thức khác nhau.

Tình hình Việt Nam thời điểm này đã hội đủ các điều kiện cho phép lực lượng nòng cốt của phong trào dân chủ ra đời. Một khi phong trào dân chủ Việt Nam đã khẳng định được mục tiêu chiến lược cho cuộc tranh đấu, vấn đề còn lại là cần nhận rõ các thành phần và trách nhiệm mà các thành phần cần được phân lãnh trong phong trào dân chủ. Một phương pháp lược duyệt là nhìn vào phong trào dân chủ Việt Nam qua các thời kỳ.

Có ba giai đoạn điển hình từ sau năm 1975 để khảo sát khái quát sự phôi thai, quá trình hình thành và phát triển

 họ sẽ giải quyết những vấn đề của quốc gia? Lực lượng này có phải là gồm những con người lương thiện và có lòng với đất nước không? Đây là những câu hỏi mà người dân muốn biết trước khi tham gia, ủng hộ. Thời đại hiện nay đòi hỏi các lực lượng chính trị phải có nhiều khả năng hơn là việc hô những khẩu hiệu.

Công việc chuẩn bị nhận lãnh trách nhiệm này trên thực tế cũng đóng một vai trò rất tích cực trong việc xây dựng một lực lượng đối lập dân chủ có tầm vóc. Trước hết, bất cứ ai, dù với khả năng nào, cũng đều thấy đây là một trách nhiệm quá lớn lao, ngoài khả năng của mình, và do đó có nhu cầu kết hợp với những người khác. Càng chuẩn bị sẽ càng thấy là cần có nhiều người để chia sẻ trách nhiệm này, và do đó tập hợp dân chủ sẽ lớn dần ra và cũng gắn bó với nhau hơn. Chính trong sự chuẩn bị này mà văn hóa tổ chức và văn hóa chính quyền sẽ được đề cập đến

của phong trào dân chủ Việt Nam.

Giai đoạn từ giữa năm 1975 đến năm 1980 là thời gian diễn ra những hành động và kết quả của cặp đối nghịch "phản ứng - đàn áp", đây là những động tác bắt buộc phải xảy ra dưới các chế độ vừa được cầm quyền sau các cuộc cách mạng lật đổ. Những phản ứng trong giai đoạn này gồm nhiều động thái chống đối của các tổ chức và cá nhân, nhưng lại chứa đựng nhiều tình huống phức tạp. Có các tổ chức được hình thành trong và ngoài nước với mục tiêu duy nhất mang tính quang phục, cụ thể là chỉ nhằm đánh đổ một thể chế với nhiều chính sách tàn ác như chế độ cộng sản để thay thế bằng một chế độ được nghĩ là tốt hơn.

Khái niệm độc tài hay dân chủ cho một thể chế chính trị tương lai Việt Nam không nhất thiết nằm trong ưu tư của những người tranh đấu. Có hai tổ chức tiêu biểu ở hải ngoại được phát sinh trong khoảng thời gian này là Phục Hưng và Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, mà trong hàng ngũ của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên hiện nay đang có sự góp mặt tích cực của những chí hữu của tôi là những người đã từng tham gia trong hai tổ chức cách mạng này trước đây. Trong khi đó ở trong nước, bên cạnh những chống đối cá nhân cũng có nhiều tổ chức phục quốc ra đời, đã thu hút nhiều thanh niên nặng lòng với đất nước, nhưng hầu hết các tổ chức chống đối này, cụ thể là đảng Việt Nam Phục Quốc, đều là bầy già của Võ Văn Kiệt nhằm khám phá và tiêu diệt các phần tử chống đối.

Các đảng quốc gia vốn xuất thân từ các đảng đấu tranh cách mạng cũng ở vào tình trạng bị động trong giai đoạn này bởi vì đã suy yếu từ lâu. Các phản kháng lẻ tẻ của các đảng quốc gia lúc đó cũng bị đóng khung trong bản chất vốn có của các đảng cách mạng hoạt động với nguyên tắc bí mật. Dù vậy, hạt mầm dân chủ cũng đã bắt đầu được manh nha trong các cá nhân và một số tổ chức đấu tranh trong giai đoạn này. Đó là thời kỳ phôi thai khó khăn

và có cơ hội để phát triển. Cũng chính trong sự chuẩn bị này mà sự gắn bó với mục đích chung cũng như niềm tin vào sự thành công sẽ vững mạnh hơn. Không có gì củng cố niềm tin bằng những hành động cụ thể. Nói chung, tinh thần của đối lập dân chủ tùy thuộc rất nhiều vào sự chuẩn bị này.

Có lẽ trong dòng lịch sử chưa bao giờ quốc gia Việt Nam có cơ may để trở thành một quốc gia hiền hòa, bao dung, giàu mạnh và tiến bộ như hiện nay. Những đau khổ, những sai lầm trong quá khứ vừa là những kinh nghiệm và vừa là những ý chí để xây dựng lại quê hương. Đối lập dân chủ Việt Nam có tất cả những cơ may và nếu có đủ sáng suốt và can đảm để chuẩn bị thì chắc chắn sẽ hoàn thành được nhiệm vụ lịch sử này.

Võ Xuân Minh (Paris)

nhung hứa hẹn của phong trào dân chủ Việt Nam.

Giai đoạn từ những năm đầu của thập niên 1980 trải dài sang thập kỷ mới đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lịch sử hình thành của phong trào dân chủ Việt Nam. Đây đã là một giai đoạn gian lao nhưng không kém sự hào hùng. Trong bối cảnh thế giới của cuộc đổi mới bắt đầu của hai khối Cộng Sản và Tự Do, khởi đi từ năm 1982 việc có những cá nhân đã ngồi lại với nhau để đưa ra tư tưởng dân chủ đa nguyên cho tương lai chính trị Việt Nam đã được xem là một thách thức trắng trợn đối với nhiều người, nhưng đồng thời tự nó cũng đã là một biểu hiện can đảm của sự lương thiện trí thức.

Nhóm Thông Luận, tiền thân của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, đã trở thành đối tượng cho những tấn công từ nhiều phía trong thập niên 1980. Tấn công còn chĩa mũi dùi vào tinh thần "hòa giải và hòa hợp dân tộc", một chủ trương nền tảng nữa của Tập Hợp. Những tấn công này phần nhiều nặng về cảm tính bởi sự dị ứng với khẩu hiệu "hòa hợp hòa giải" một chiều của chế độ cộng sản.

Trên nguyên tắc cũng như từ thực tiễn, mục tiêu dân chủ đa nguyên cần phải được hỗ trợ không thể khác bởi tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, dù có thể nay đã được nhiều tổ chức và cá nhân nói trại đi, nhưng một cách thiết yếu thì tinh thần này cũng cần phải được thể hiện bởi ba thành tố nội hàm nền tảng : hòa giải và hòa hợp dân tộc là một tình cảm quảng đại, một chiến lược đấu tranh cho dân chủ, và là một triết lý làm lại Việt Nam. Ngôn ngữ dân gian đã có câu lửa thử vàng, gian nan thử sức. Tư tưởng dân chủ đa nguyên đã vượt qua nhiều trở ngại, đặc biệt là những trở ngại trong nhận thức của quần chúng, để trở thành đồng thuận mang tính nguyên tắc.

Trên bình diện tôn giáo, có hai sự kiện cần được ghi nhận vì đã khẳng định vị trí tất yếu của tư tưởng dân chủ đa nguyên. Một là Tòa Thánh Vatican bước vào thế kỷ 21, trước xu thế rõ nét của cộng đồng nhân loại, đã có những động thái cụ thể qua người đại diện là giáo hoàng John Paul II đã bày tỏ lập trường chấp nhận sống hài hòa với sinh hoạt tôn giáo trên toàn vũ. Sự kiện này trước hết có những tác động tích cực lên văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng tín đồ Công giáo Việt Nam. Hai là vào dịp Xuân Ât Dậu, hòa thượng Quảng Độ đã gửi thông điệp kêu gọi dân chủ đa nguyên, không riêng gởi tới khối Phật tử trong và ngoài nước.

Những sự kiện này chứng minh hùng hồn sự chiến thắng tuyệt đối của tư tưởng dân chủ đa nguyên, trở thành mục tiêu chiến lược của phong trào dân chủ Việt Nam. Với tư tưởng chủ đạo đã ra đời và được trải nghiệm, nó đã đặt viên gạch nền móng đầu tiên với viễn kiến chính trị xa rộng cho tương lai Việt Nam. Một cách chính xác thì phong trào dân chủ Việt Nam cũng đã được hình thành trong những năm đầu của thập niên 1980, dù lực lượng còn mỏng.

Giai đoạn từ những năm đầu của thập niên 1990 trở đi là khoảng thời gian phong trào dân chủ Việt Nam đã chuyển mình từ thời kỳ hình thành sang phát triển, đồng thời trực diện với đối thủ là đảng cộng sản. Sự sụp đổ của

thành trì cộng sản ở Đông Âu và Nga có tác dụng như một gáo nước lạnh dội lên người đang ngủ. Hàng loạt đảng viên cộng sản đã làm bước nhảy từ sự thức tỉnh sang hành động phản ứng. Các kênh trao đổi trong ngoài đã bắt đầu được thiết lập mạnh mẽ, trong đó lập trường của Tập Hợp được mọi người cộng sản phản ứng hoàn toàn tán thưởng. Một khối công việc mới được mở ra.

Người đại diện Tập Hợp là chí hữu Nguyễn Gia Kiểng, đã là đầu cầu cho những liên hệ trao đổi với cá nhân các ông Trần Đệ, Phạm Quế Dương, Hoàng Minh Chính, Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc, Mai Thái Lĩnh, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Hộ, Hoàng Tiến, Trần Dũng Tiến, Vũ Cao Quận, Nguyễn Thanh Giang, Trần Khuê, v.v. Cũng trong thời kỳ bức tường Bá Linh sụp đổ, có một trường hợp ly khai và quyết định ở lại tị nạn chính trị ở Paris đã tạo nhiều dư luận sôi nổi : đó là ông Bùi Tín, nay cũng đang cùng tranh đấu trong hàng ngũ Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Thập niên 1990 cũng chứng kiến sự kiên cường đấu tranh của các tu sĩ trong nước như các hòa thượng Huyền Quang, Quảng Độ, linh mục Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Hữu Giải, cụ Lê Quang Liêm... Một hiện tượng trong nước nữa đã làm ban lanh đạo đảng cộng sản lúng túng đó là khi họ phải điên đầu đối phó với sự dấn thân cho lý tưởng dân chủ của những đứa con cưng của chế độ, những tuổi trẻ bản lanh và trí tuệ như Phạm Hồng Sơn, Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình, Đỗ Nam Hải, Nguyễn Khắc Toàn, v.v.

Ở hải ngoại, sự bén bỉ của các tổ chức đấu tranh chính trị, nhân quyền, tôn giáo, giới truyền thông, và cả những nhân sĩ luôn nhanh nhẹn phản ánh rộng rãi những thông tin vi phạm, đòn áp nhân quyền của chế độ cộng sản đến với chính giới, với các cơ quan nhân quyền quốc tế đã góp phần tích cực hỗ trợ tinh thần đấu tranh trong nước. Bên cạnh đó, tất cả các tổ chức ở hải ngoại được biết tới có xuất xứ đấu tranh võ trang đã thay đổi đường lối sang đấu tranh bất bạo động cho mục tiêu dân chủ đa nguyên cũng là một hành động trước hết tự xác nhận vị thế của mình trong phong trào dân chủ. Cũng trong khoảng thời gian này đã có những tổ chức ra đời rồi biến mất nhanh chóng như sự liên kết với vàng của nó. Gần đây còn có tổ chức lấy danh xưng luôn là Phong Trào Dân Chủ Việt Nam, gây ra sự bất bình chính đáng trước một thái độ lạm xưng ngạo mạn. Nhưng đây chỉ là một trong những cơn cảm cúm ngắn ngủi thông thường của giai đoạn tiến vào đấu tranh có phối hợp và tổ chức.

Cho đến năm 2006 này, tuy phong trào dân chủ Việt Nam gặp những trắc trở không tránh khỏi của mọi cuộc tranh đấu : Phạm Hồng Sơn và Nguyễn Vũ Bình vẫn còn bị giam giữ, một số khuôn mặt dân chủ xung đột với nhau, nhưng nhìn chung phong trào dân chủ Việt Nam vẫn trên đà phát triển nhiều mặt. Phong trào đình công của công nhân lên cao và được sự ủng hộ nồng nhiệt cũng chính là một cái tất mạnh vào mặt của một đảng tự nhận là đại diện của giai cấp công nhân.

Nhiều công dân Việt Nam cũng đã vượt qua được bức tường sợ hãi mà bản Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ 2006 do 118 công dân Việt Nam ký ngày 8 tháng 4 năm 2006 là một

minh chứng sống động. Sự hào hứng thay vì dè dặt khi tiếp nhận tờ thông tin "Tự Do Ngôn Luận" được nhân bản và phát tán rộng khắp quần chúng là một minh chứng rõ nét khác. Trên bình diện quốc tế, cần phải nhấn mạnh là phong trào dân chủ Việt Nam đang được chuyên chở bởi làn sóng dân chủ toàn cầu, Nghị quyết 1481 của Nghị viện châu Âu lên án chủ nghĩa cộng sản là một vũ khí cụ thể yểm trợ hiệu lực.

Những khái quát qua ba giai đoạn trên đây cho thấy phong trào dân chủ Việt Nam là sự hợp thành của hai yếu tố : các tổ chức chính trị và các thành tố của xã hội dân sự bao gồm các hoạt động của các đoàn thể truyền thông, nhân quyền, tôn giáo, cộng đồng, ái hữu, v.v. Điểm khác với các đoàn thể xã hội dân sự là các tổ chức chính trị là những hội đoàn đấu tranh có cương lĩnh, cơ chế và kỷ luật, với mục đích sau cùng là cầm quyền, hoặc tham gia vào một liên minh cầm quyền để thực hiện dự án chính trị của mình. Chúng ta cần những tổ chức chính trị, bởi vì đó vừa là điều kiện để có thể đánh bại chế độ độc tài vừa là điều kiện để xây dựng dân chủ sau đó.

Vấn đề cốt lõi là trong giai đoạn đấu tranh chấm dứt độc tài, các tổ chức dân chủ cần kết hợp với nhau trong một mặt trận dân chủ. Kết hợp này đòi hỏi đồng thuận trên một lãnh đạo chung. Vấn đề thực ra không khó với những ai thực sự coi thắng lợi của dân chủ là mục tiêu cao nhất. Thời gian đã phần nào cho phép nhận diện những tổ chức dân chủ và những khuôn mặt đủ đạo đức và khả năng để hướng dẫn cuộc vận động dân chủ, nhất là thời gian gần đây.

Nguyễn Văn Hiệp (Charlotte, NC)

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
Giá bán tại châu Âu : **35 EUR/năm.**

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : Vietnam Fraternité.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : Thanh Luong Nguyen, Konto nr: 0077708294 - Bankleitzahl: 50190000.

Tại Hà Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của Stichting mensenrechten voor VietNam (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là **25 £**. Ngân phiếu xin đề : Vietnamese Centre (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thong Luan, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là **45 USD**. Ngân phiếu xin đề : Nguyen Ngoc Oanh (báo Thông Luận).

Tại Úc : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là **65 AUD**. Ngân phiếu xin đề : Thu S. Duong (báo Thông Luận).

Tìm hiểu dân tộc Việt Nam

Cộng đồng người Thái tại Việt Nam

Nguyễn Văn Hiệp

Thái là một trong 54 cộng đồng sắc tộc cấu thành dân tộc Việt Nam, dân số hiện nay trên 1,3 triệu người và sống xen kẽ với các sắc tộc khác trên một địa bàn rộng lớn, chủ yếu trong 30 huyện vùng trung du và thượng du Tây-Bắc và Tây Thanh Nghệ, thuộc các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Yên Bái, Thanh Hóa, Nghệ An, Hòa Bình...

Thái (đọc đúng âm là Thẩy) có nghĩa là "người tự do". Theo tiếng Hoa, Thái có nghĩa là "lớn", sau đó còn có nghĩa là "sáng" hay "trắng" (người Thái thích mặc quần áo màu trắng nên người Hoa đặt tên Bạch Y). Tại Việt Nam, người Thái sinh sống bên tả ngạn sông Hồng gọi là người Tày, hay Thổ ; bên hữu ngạn là Thẩy, hay Thái. Thẩy hay Tày đều là cách phát âm trái ra mà thôi. Người Thái sống bằng nghề nông, trồng lúa nước trên các triền núi, bắp, đậu và chăn nuôi gia súc lấy thịt, phụ nữ Thái rất có khiếu về các nghề thủ công như dệt vải, trang sức và mây tre.

Sự có mặt của cộng đồng người Thái tại Việt Nam đã có từ lâu đời. Sử sách Việt Nam cho biết vào thời Lý, đao Đà Giang, nơi sinh trú của những nhóm người Thái, còn gọi là man Ngưu Hống đến từ phương Bắc (Vân Nam), đã triều cống lần đầu tiên vào năm 1067. Trong thế kỷ 13, người Ngưu Hống kết hợp với người Ai Lao chống lại nhà Trần và bị đánh bại năm 1280, lãnh tụ Trịnh Giác Mật đầu hàng, xứ Ngưu Hống bị đặt dưới quyền quản trị trực tiếp của quan quân nhà Trần. Năm 1337 lãnh tụ Xa Phản bị giết chết sau một cuộc xung đột, xứ Ngưu Hống bị sát nhập vào lãnh thổ Đại Việt và đổi tên thành Mương Lễ, hay Ninh Viễn (Lai Châu ngày nay) và giao cho họ Đèo cai quản. Năm 1431 lãnh tụ Đèo Cát Hãn, người Thái Trắng tại Mương Lễ, nổi lên chống triều đình, chiếm hai lô Qui Hóa (Lào Cai) và Gia Hưng (giữa sông Mã và sông Đà), tấn công Mương Mỗi (Sơn La) nhưng bị đánh bại năm 1432, Mương Lễ đổi tên thành châu Phục Lễ và giao cho Đèo Mạnh Vương (con của Đèo Cát Hãn) làm tri châu. Năm 1466, lãnh thổ của người Thái được tổ chức lại thành vùng (thùa tuyênn) Hưng Hóa, gồm 3 phủ : An Tây (tức Phục Lễ), Gia Hưng và Qui hóa, 4 huyện và 17 châu.

Những lãnh tụ Thái chịu qui phục (gọi là *phụ đạo*) được phép cai quản một số lãnh địa và trở thành giai cấp quý tộc của vùng đó : dòng họ Đèo cai quản các châu Lai, Chiêu Tấn, Tuy Phụ, Hoàng Nham ; dòng họ Cầm các châu Phù Hoa, Mai Sơn, Sơn La, Tuần Giáo, Luân, Ninh Biên ; dòng họ Xa châu Mộc ; dòng họ Hà châu Mai , dòng họ Bạc châu Thuận ; họ Hoàng châu Việt...

Cũng nên biết "họ" của người Thái gồm các tên như sau (theo thứ tự abc) : Bạc, Bế, Bua, Bun, Cà (Hà, Kha, Mão, Sa), Cầm, Chẩu, Chiêu, Đèo, Diều, Hà, Hoàng, Khăm Leo, Lèo, Lèm (Lâm, Lịm), Lý, Lò (Lô, La), Lộc, Lự, Lượng (Lương), Manh, Mè, Nam, Nông, Ngân, Ngưu,

Nho, Nhật, Panh, Pha, Phia, Phìa, Quàng (Hoàng, Vàng), Quảng, Sầm, Tạ, Tày, Tao (Đào), Tạo, Tòng (Toòng), Vang, Vì (Vi), Xa (Sa), Xin.

Vì địa bàn cư trú của người Thái có vị trí chiến lược quan trọng, gọi là vùng phân đậu, bất cứ chính quyền đồng bằng nào cũng muốn gây ảnh hưởng trên cộng đồng người Thái để lập căn cứ điểm chống lại những thế lực khác như trong các thời quân chủ, thực dân và cộng sản.

Năm 1841, trước sự đe dọa của người Xiêm La, triều đình nhà Nguyễn kết hợp ba châu Ninh Biên, Tuần Giáo và Lai Châu bờ tả ngạn sông Mekong thành phủ Điện Biên. Năm 1880, phó lãnh sự Auguste Pavie nhân danh triều đình Việt Nam phong cho Đèo Văn Trí chức tri phủ cha truyền con nối tại Điện Biên; sau khi giúp người Pháp xác định khu vực biên giới giữa Việt Nam với Trung Quốc và Lào, Đèo Văn Trí được cử làm quan đạo Lai Châu, cai quản một lãnh thổ rộng lớn từ Điện Biên Phủ đến Phong Thổ, còn gọi là xứ Thái. Tháng 3-1948, lãnh thổ này được Pháp tổ chức lại thành Liên bang Thái tự trị, qui tụ tất cả các sắc tộc nói tiếng Thái chống lại phe Việt Minh.

Để lấy lòng các sắc tộc thiểu số miền Bắc, Hồ Chí Minh cũng bắt chước người Pháp thành lập các khu tự trị như Khu tự trị Thái Mèo (ngày 29-4-1955) cùng với hai vùng tự trị khác: Việt Bắc và Lào Hẹt Yên. Tất cả đều bị giải tán năm 1958 vì tại nhiều nơi các sắc tộc thiểu số đã tự động sát nhập vào lãnh thổ Trung Quốc. Giai cấp quý tộc Thái bị xóa bỏ. Trong cuộc xung đột biên giới năm 1979, Trung Quốc kêu gọi cộng đồng người Thái sinh trú tại thị xã Sơn La và các huyện Thuận Châu, Sông Mã, Mai Sơn (tỉnh Sơn La); thị xã Điện Biên Phủ và các huyện Phong Thổ, Điện Biên, Tuần Giáo (Lai Châu); Mai Châu (Hà Bình); Quan Hóa, Thường Xuân, Bá Thước (Thanh Hóa); Tương Dương (Nghệ An) nổi lên chống lại Việt Nam.

Chính vì những quan hệ phức tạp trong quá khứ mà cộng đồng người Thái cho đến nay vẫn chưa có một chỗ đứng bình thường trong xã hội Việt Nam. Từ sau 1975, đặc biệt là giai đoạn từ 1977 đến 1978, cộng đồng người Thái di cư - khoảng 10.000 người, sinh sống tại xã Tùng Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng - bị tinh nghi vấn kết với lực lượng Fulro địa phương để thành lập tiểu đoàn Đồng Khởi, do Vi Hữu Bằng chỉ huy, chống lại chính quyền cộng sản Việt Nam. Một số khác bị tình nghi móc nối với những thành phần Thái vùng Tây-Bắc và Tây Thanh Hóa để thành lập "vương quốc Thái", hoặc tìm đường trốn ra nước ngoài cấu kết với "bọn phản động lưu vong chống lại chính quyền cách mạng Việt Nam".

Từ 1986 đến nay tình hình an ninh chính trị trên vùng Thái đã được ổn định nhưng chính quyền cộng sản vẫn lo sợ mọi hình thức tiếp cận của người nước ngoài với cộng đồng người Thái địa phương, nhất là bởi những nhóm Thái hải ngoại (khoảng 20.000 người, sinh sống tại 18 quốc gia trên thế giới, đông nhất là tại Pháp: khoảng 7.000 người và Hoa Kỳ: khoảng 6.000 người) dưới các hình thức như du lịch, thăm gia đình, viện trợ nhân đạo, nghiên cứu văn hóa, giúp đỡ kinh tế, chữa bệnh, xóa đói giảm nghèo... Hà Nội còn tố cáo nhiều nhóm Thái ở nước ngoài, như trung

tâm Thái học ở Iowa, hội người Thái ở Texas, hội người Thái tị nạn tại Pháp, đã có những liên hệ với vùng Thái, đặc biệt là sự hình thành cộng đồng người Thái theo đạo Tin Lành (hiện nay có trên 10 mục sư gốc Thái). Ngành Thái học cũng bị nghi ngờ, vì có sự tham gia của 25 tổ chức thuộc các trường đại học, các trung tâm văn hóa, khoa học, xã hội của Thái Lan, Pháp, Mỹ, Anh, Australia, Đức, Trung Quốc, muốn giúp phổ biến chữ Thái.

Cũng nên biết số người sử dụng ngôn ngữ Thái tại Việt Nam gồm 8 sắc tộc: Thái, Tày, Nùng, Lào, Lự, Giáy, Sán Chay và Bố Y, và cộng đồng nói ngôn ngữ Thái trên thế giới hiện nay trên 80 triệu người, trải rộng từ Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanmar, Ấn Độ đến Malaysia.

Người Thái tại Việt Nam hiện nay được phân chia làm ba ngành (theo màu y phục), mỗi ngành có nhiều nhóm:

- Ngành Thái Trắng (Tây Đồn hay Tày Khao) cư trú chủ yếu ở tỉnh Lai Châu và một số huyện tỉnh Sơn La (Quỳnh Nhài, Bắc Yên, Phù Yên). Ở Đà Bắc thuộc Hà Sơn Bình, có nhóm tự nhận là Tày Đồn, được gọi là Thổ. Ở vùng Văn Bàn, Dương Quỳ thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn, có một số Thái Trắng chịu ảnh hưởng đậm của văn hóa Tày. Ở Sapa, Bắc Hà, nhiều nhóm Thái Trắng đã Tày hóa. Tổ tiên họ là người Bạch Y (có mặt trên lãnh thổ Trung Quốc cách đây 3.000 năm), đã từng thành lập vương quốc Nam Chiếu (Nanzhao) và đánh thắng nhà Đường vào thế kỷ 8, thành lập vương quốc Đại Lý vào thế kỷ 10, nhưng bị đế quốc Mông Cổ (nhà Nguyên) đánh bại vào thế kỷ 13 và đã di dân xuống phía Nam đến Vân Nam và các vùng trung du và thượng du Tây-Bắc Việt Nam. Người Thái Trắng đã có mặt dọc hữu ngạn sông Hồng và tỉnh Lai Châu từ thế kỷ 13 và làm chủ Mường Lay thế kỷ 14, một bộ phận di cư xuống Đà Bắc (Hà Sơn Bình) và Thanh Hóa thế kỷ 15.

- Ngành Thái Đen (Tày Đăm) đến Việt Nam vào đầu thế kỷ 11 và 12). Địa bàn cư trú của nhóm này tập thuộc tỉnh Lai Châu (Điện Biên, Tuần Giáo). Các nhóm Tày Thanh (Man Thanh), Tày Mười, Tày Khang ở miền Tây Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh cũng mới từ mạn Tây Bắc chuyển xuống cách đây vài ba trăm năm và bị ảnh hưởng bởi văn hóa và nhân chủng của cư dân địa phương và Lào. Nhóm Tày Thanh từ Mường Thành (vùng Điện Biên) di từ Lào vào Thanh Hóa và tới Nghệ Tĩnh định cư cách đây hai ba trăm năm, nhóm này gần gũi với nhóm Thái Yên Châu (Sơn La) và chịu ảnh hưởng văn hóa Lào.

- Ngành phức hợp, còn gọi là Thái Đỏ, gồm nhiều nhóm khác nhau cư trú chủ yếu ở một số huyện như Mộc Châu (Sơn La), Mai Châu (Hà Sơn Bình) và các huyện miền núi Mường Khoòng (Thanh Hóa) và Quỳ Châu, Quỳ Hợp, Con Cuông, Tương Dương (Nghệ Tĩnh).

Tuy được chia ra thành nhiều ngành, các nhóm Thái ở Việt Nam không ai muốn nhận mình là Thái Trắng, Thái Đen hay Thái Đỏ, mà muốn được nhìn nhận là Thái Mường Lay, Mường La, Mường Tắc, v.v., vì đó là những trung tâm mà tổ tiên họ đã xuất phát. Những nhóm Thái khác còn cho biết nguồn gốc xuất thân của họ là từ vùng Điện Biên, tức các huyện Mường Thẩn, Mường Thoong Nọi Nú...

Nguyễn Văn Huy

Đảng Dân Chủ Mỹ, người dân chủ Việt Nam

Nguyễn Huy Đức

Cuộc thăm dò ý kiến mà nhật báo *Washington Post* vừa công bố vào ngày 11-4-2006 đã cho thấy rằng George W. Bush là vị tổng thống bị bất tín nhiệm nhiều nhất trong lịch sử các tổng thống Hoa Kỳ thuộc đảng Cộng Hòa (ngoài Richard Nixon ra). Hơn 47% công dân Hoa Kỳ tham gia cuộc thăm dò ý kiến trên cho rằng tổng thống Bush và ê kíp của ông toàn là những người bất tài (Georges Bush, Donald Rumsfeld, Scott McClellan...), đó là chưa nói đến những thành phần đã có những hành vi bất lương (Libby I Lewis, Karl Rove, Tom Delay, Jack Abramoff...).

Trên những vấn đề quan trọng của quốc gia - an sinh xã hội, cuộc chiến tại Iraq, chính sách năng lượng, loại trừ tham nhũng v.v... - đảng Cộng Hòa đã bị xem như không đủ khả năng để giải quyết một cách ổn thỏa. Hơn thế nữa, 63% người được thăm dò đã nhận định rằng thực trạng của Hoa Kỳ ngày càng xấu đi và tương lai chẳng hứa hẹn gì tốt đẹp nếu đảng Cộng Hòa tiếp tục cầm quyền sau kỳ tổng tuyển cử và nhất là sau cuộc bầu cử tổng thống năm 2008.

Nếu tin tưởng vào kết quả của cuộc thăm dò ý kiến vừa nêu trên thì có thể kết luận rằng, trừ một biến cố có tác động mạnh lên hàng ngũ của đảng Cộng Hòa, đảng này sẽ khó có thể tiếp tục nắm chính quyền trong tương lai và chắc chắn sẽ thất bại ê chề trong các cuộc đầu phiếu sắp đến.

Tuy nhiên tất cả còn tùy thuộc vào khả năng của đảng đối lập. Điều đáng ngại nhất hiện nay là đảng Dân Chủ cũng chẳng tỏ ra vượt trội gì hơn đảng Cộng Hòa. Thật vậy, nội bộ của đảng Dân Chủ đang bị chia rẽ trầm trọng. Tệ nạn chia rẽ này đã nảy nở khi nhiều thành viên nồng cốt của đảng Dân Chủ đã nhận thấy rằng tình hình suy thoái của đảng Cộng Hòa là cơ hội ngàn năm một thuở để họ ra tranh cử với xác xuất thắng lợi cao. Vì vậy, các khuôn mặt sáng giá của đảng Dân Chủ đang ngày đêm tương kế tựu kế chọn thời điểm xuất quân tốt để được đảng nhà tuyển ra tranh cử tổng thống. Chính những tính toán chính trị này đã tê liệt hóa tiềm năng của đảng Dân Chủ. Những phần tử tinh anh nhất của đảng không còn dành thì giờ đâu tư vào việc tìm ra những giải pháp lâu bền cho các vấn đề của quốc gia. Ngược lại, họ chỉ chú tâm đến những hành động tranh chấp cá nhân để giành lấy thế thượng phong trong nội bộ của tổ chức.

Tệ hại hơn nữa, những mưu đồ chính trị nói trên đang đem lại tệ nạn "trống đánh xuôi kèn thổi ngược". Có thể nói mà không sợ sai lầm là chưa bao giờ chính sách của đảng Dân Chủ lại mâu thuẫn và chồng chéo với nhau như những năm tháng gần đây. Đảng Dân Chủ vẫn thường tự hào về thái độ tự do cấp tiến của mình : Chính quyền Clinton đã từng chủ trương và ủng hộ Hiệp ước Tự do Mậu Dịch - Bắc Mỹ. Nhưng vào năm qua, chỉ có một số rất ít dân biểu và thượng nghị sĩ của đảng Dân Chủ đã đứng ra hỗ trợ Hiệp ước Tự do Mậu Dịch - Trung Mỹ. Chắc chắn trong cuộc đua để ra tranh cử tổng thống, những thủ lãnh

của đảng đã mưu tính rằng cổ súy cho tự do mậu dịch không còn ăn khách nữa nên đã tỏ ra rất lạnh nhạt với đề tài này. Ngoài ra, trên bình diện an ninh quốc gia, một số đảng viên đảng Dân Chủ đã đòi hỏi chính quyền Bush rút quân ngay tức khắc khỏi Iraq. Trong lúc đó, thượng nghị sĩ Kerry lại đề nghị từng bước triệt thoái có chiến lược. Đáng buồn hơn nữa, nhiều chuyên gia về an ninh quốc phòng đã đánh giá rằng bản phúc trình của đảng Dân Chủ về chiến lược "An Ninh Thật Sự" (Real Security) là một văn kiện rõ ràng tuếch, chỉ bao hàm những hoa từ mỹ ngữ được dùng để làm vừa lòng mọi người vì ai cũng có thể hiểu theo ý họ.

Tình trạng "đại khái, đại để" như trên đã gây rất nhiều hoang mang trong vòng đại thân hữu của đảng Dân Chủ. Đối với thường dân Mỹ, thảm trạng "ông nói gà, bà nói vịt" cũng đã trở thành trò hề, khi không gây ra bất mãn. Thiếu đồng thuận, thiếu kết hợp và thiếu kỹ luật, đảng Dân Chủ khó có thể xuất hiện như một giải pháp thay thế đảng Cộng Hòa để cầm quyền mặc dù chính quyền Bush đã bị đại đa số người dân chán ghét vì đã chứng minh khả năng yếu kém của mình.

Hình như những gì vừa được mô tả trên không xa lạ mấy đối với người Việt Nam !!!

Như tại Hoa Kỳ và còn tệ hại hơn đảng Cộng Hòa, những người cầm quyền tại Việt Nam đã chứng tỏ mức độ cao về sự bất tài, nông cạn và bất lương của họ. Cái đảng mà họ xuất thân và đang phục vụ đã gây quá nhiều đổ vỡ cho đất nước. Đại hội mà họ vừa tổ chức cũng chứng minh rằng họ không có được một giải pháp khả thi nào cho những vấn đề lớn đang và sẽ phải được đặt ra cho Việt Nam.

Nếu có được một cuộc thăm dò ý kiến độc lập, có thể nhầm lẫn mà đánh cá rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ không được đến 5% người tín nhiệm.

Nhưng họ vẫn tồn tại, tuy chỉ tồn tại trong âu lo và vì vậy chỉ cầm quyền để vơ vét.

Họ tồn tại vì không có được một tổ chức có đủ tầm vóc và bản lĩnh để trực diện đối đầu với họ. Cho đến những năm tháng gần đây, trong nước chỉ xuất hiện những phần tử ly khai, bất bình hay bất đồng chính kiến với chế độ. Dù có kính nể hay trân trọng những nhân vật này gấp mấy đi chăng nữa, khó có thể gọi họ là những nhà đối lập theo đúng nội dung của nó. Trên phương diện chính trị, danh từ đối lập phải được hiểu là một nhóm người có cùng mục tiêu, có được một đồng thuận tư tưởng căn bản, có tổ chức và kỷ luật cao, đã đầu tư vào một chương trình hay dự án chính trị có tính chất khả thi, đang cố gắng tranh thủ được sự hậu thuẫn rộng rãi của quần chúng để chống lại (hay tranh tài cùng) những kẻ đương quyền với mục đích nắm chính quyền để thay đổi xã hội theo chiều hướng và dựa trên những giá trị mà họ cho là đúng.

Hiểu như vậy thì cần nhìn nhận rằng cuộc đấu tranh cho

dân chủ tại Việt Nam chưa quy tụ được hết những điều kiện để có thể đổi đầu với chế độ độc tài toàn trị một cách hữu hiệu. Tuy nhiên, sự suy thoái của chính quyền Hà Nội và những cố gắng cởi trói của xã hội Việt Nam trong những năm tháng gần đây đã đưa phong trào đấu tranh cho dân chủ Việt Nam đi vào một giai đoạn mới : giai đoạn của đấu tranh công khai có phối hợp và tổ chức.

Đây là một việc đáng mừng nhưng cũng là điều đáng lo. Đáng lo vì những thử thách mới chắc chắn sẽ đặt ra cho lực lượng dân chủ trong nước. Từ một cuộc đấu tranh với những phản kháng lẻ loi đi đến một phong trào được phối hợp và tổ chức chắc chắn sẽ có những cọ xát, đụng chạm hoặc hiểu lầm có thể đem lại nhiều xích mích, xung đột. Từ đó đổ vỡ dễ xảy ra, nhất là khi những nhân vật dân chủ trong nước chưa có cơ hội làm việc chung và nhất là họ chưa có được sự phối hợp nhịp nhàng. Hơn thế nữa, khi đề cập đến tổ chức, vấn đề phân chia trách nhiệm, vai vế và quyền hạn sẽ phải đạt ra. Tranh chấp giữa cá nhân hay tranh giành ánh hưởng giữa các phe nhóm là một điều khó tránh khỏi. Những lời qua tiếng lại nặng nề giữa một số nhân vật dân chủ Việt Nam vào năm qua và những dữ kiện vừa xảy ra xung quanh bản Tuyên ngôn Tự do Dân chủ cho Việt Nam 2006 đều là những chứng minh hùng hồn.

Có thể khẳng định mà không sợ sai lầm là, trong tiến trình xây dựng một phong trào đối lập dân chủ có tầm vóc, những biến cố tương tự sẽ còn tiếp tục xảy ra.

Phải tỏ ra bi quan trước những tiên đoán như vậy ? Dứt khoát là không vì những sự cố đã và sẽ còn xảy ra chỉ phản ánh một quy trình sàng lọc không có không được trong một cuộc tiến hóa. Tiến trình dân chủ tại Việt Nam sẽ không là ngoại lệ. Nếu không, cuộc vận động cho dân chủ cho Việt Nam sẽ không khác hơn hiện trạng của đảng Dân Chủ Hoa Kỳ. Và có thể quả quyết rằng cuộc vận động cho dân chủ sẽ là mạnh mẽ sau đợt sàng lọc với điều kiện là giai đoạn cam go nhưng cần thiết này phải được quản lý một cách đúng đắn. Ngay trước mắt, cần chuẩn bị để đối phó một cách hợp tình hợp lý với những tác động tiêu cực mà tiến trình sàng lọc sẽ mang lại.

Sàng lọc có thể xuất hiện dưới hình thức rút về vị trí cũ : Sau khi cuộc vận động cho dân chủ đã khởi sắc, một nhà văn hay một họa sĩ sẽ trở về sinh hoạt viết sách và vẽ tranh. Thái độ như trên xuất phát từ một nhận định là giai đoạn mới của cuộc vận động cho dân chủ không còn thích nghi với bản năng hay với sinh hoạt thuần túy của họ nữa. Thái độ này có ít xác xuất xảy ra nhất nhưng cũng cần được lưu ý để có được một giải pháp thích hợp. Đối với những nhân vật sẽ tự động rút lui, vấn đề là làm sao tranh thủ được sự ủng hộ của họ như một cảm tình viên. Ở địa vị của một thân hữu, họ vẫn có thể đóng góp vào những công tác tư vấn trên những đề tài mà cuộc vận động cho dân chủ thấy cần.

Sàng lọc cũng sẽ xuất hiện qua những cuộc đối thoại, hội luận giữa những lực lượng đấu tranh cho dân chủ. Qua những cuộc tranh luận này, một tổ chức có nền tảng tư tưởng vững chãi, có kế hoạch khả thi và có thực lực sẽ được phát hiện và sẽ có cơ hội để truyền bá tư tưởng hẫu gầy

dựng uy tín. Dần dần, tổ chức đó sẽ trở thành tụ điểm của những từng trải lão luyện và của những tiềm năng mới. Nó cũng là nhịp cầu phối hợp của những người dân chủ trong và ngoài nước. Ngược lại, hiện tượng sàng lọc vừa được đề cập trên cũng dễ mang lại nhiều tranh cãi vô bổ và có thể gây nhiều đổ vỡ. Chính vì vậy, rất cần một thái độ tự chế, lòng bao dung để hòa giải những xích mích trên.

Sàng lọc chán chán sẽ diễn ra dưới hình thức đào thải. Những lực lượng nào chứng tỏ thiếu bản lãnh, thiếu viễn kiến hay thiếu lương thiện sẽ dần dần mất đi hậu thuẫn và chối đứng trong giai đoạn mới. Như một tiến hóa tự nhiên, những nhóm này sẽ bị loại khỏi chính trường và những chỗ cho những tổ chức có khả năng hơn : Quá trình sinh hoạt chính trị của cộng đồng người Việt tại hải ngoại trong 30 năm qua là một bằng chứng quá rõ ràng cho hiện tượng này. Tuy nhiên, sự đào thải nào cũng đem lại thất vọng và bỏ cuộc của những người đã là thành viên của những lực lượng vừa tan rã. Thủ thách lớn nhất là làm sao động viên được những phần tử này để họ có đủ nhiệt huyết tiếp tục cuộc đấu tranh trong một tổ chức khác.

Một lời cuối, sẽ sai lầm một cách ngây ngô và nguy ngập nếu cho rằng với thực trạng Việt Nam, chúng ta chỉ cần dựa vào một hệ thống đan xen của những lực lượng dân chủ tuy nhỏ bé nhưng biết hỗ trợ lẫn nhau và biết phát huy những sáng kiến của nhau. Với bản năng và phản xạ đặc tài, chính quyền Cộng sản Việt Nam sẽ không rụt rè và chẳng bao giờ hoảng sợ một đám đông những tổ chức lẻ loi và vô kỷ luật. Ngược lại, họ sẽ khai thác tối đa những lấn cấn của một liên minh thiểu thuần nhất như trên để gây chia rẽ. Và cho dù chính quyền độc tài có lòng hảo tâm thương thuyết với một phong trào dân chủ như vậy, họ cũng sẽ không tìm được một tổ chức có thể đại diện tất cả để xúc tiến một cuộc hiệp thương. Hơn nữa, không có gì bảo đảm rằng các lực lượng lẻ tẻ như trên sẽ có được một đồng thuận tối thiểu trên những đề tài khá phức tạp trong một cuộc thương thuyết. Tệ nạn "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" sẽ đưa đến rã hàng ngay khi phải trực diện đối thoại với chính quyền độc tài.

Chính vì vậy, hơn bất cứ lúc nào, chúng ta rất cần một tổ chức dân chủ mạnh.

Một tổ chức mạnh sẽ có đủ bản lãnh để đánh bại những kẻ độc tài khỏi chính quyền. Hơn thế nữa, một tổ chức mạnh mới có đủ uy tín để bảo dưỡng lòng ưu ái của những nhân vật đã lui về vị trí thân hữu. Một tổ chức mạnh sẽ có đủ hành trang tư tưởng để tập hợp những con người đến từ nhiều thế hệ và từ nhiều quan điểm chính trị khác nhau. Một tổ chức mạnh sẽ có thừa khả năng để hàn gắn những chấn thương mà cuộc sàng lọc sẽ gây ra.

Và cũng qua tiến trình sàng lọc đó, một tổ chức như trên sẽ xuất hiện như một tập hợp đối lập đứng đắn có chức năng điều dắt phong trào dân chủ vượt qua giai đoạn vị thành niên để trưởng thành.

Lúc đó mọi mong đợi và hy vọng đều có thể trở thành hiện thực

Nguyễn Huy Đức (Paris)

Nỗi Sợ TruyỀn KiẾP

Nguyễn Gia Thủ Đường

"Việc từ bỏ hoặc chủ động nỗi sợ là điểm then chốt trong việc triệt phá quyền lực của kẻ độc tài đối với đại bộ phận quần chúng".

Gene Sharp

Sợ là một cảm giác phát xuất từ sự hiện diện hay là viễn tượng của một mối nguy đe dọa tính mạng của con người hay của một con vật. Cảm giác sợ bắt nguồn từ bản năng sinh tồn. Ngay trong sách của Tôn Tử cũng có ghi : "Tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách". Tại sao lại tẩu, tại sao lại bỏ chạy là tốt hơn cả ? Chẳng qua là vì sợ, vì phải bảo toàn lực lượng, bảo toàn sinh mạng. Sợ không hẳn là một cảm giác xấu. Chính nhờ biết sợ mà con người khôn ngoan ra, tìm kiếm được những giải pháp để bảo toàn sinh mạng.

Vì sợ bóng tối, nên con người đã sáng chế ra đèn đuốc, vì sợ chết ngập trong nước nên con người chế ra tàu bè, vì sợ kẻ khác uy hiếp nên con người sáng chế ra vũ khí để tự bảo vệ. Tất cả cuộc đời con người, quanh quẩn chỉ tìm cách làm sao giảm bớt nỗi sợ. Có một mối lo luôn theo đuổi con người trong suốt cuộc sống đó là sợ chết. Chết đi vợ con ai nuối, chết đi gia tài để lại cho ai, chết đi ai lo cho cha mẹ già. Nhưng chết không hẳn là hết. Chết đi người ta còn để lại tiếng, tiếng thơm tiếng xấu tùy theo cách ứng xử ở đời của kẻ ra đi.

Có những nỗi sợ siêu hình đã thôi thúc con người tìm đến tôn giáo để tìm nơi an ủi. Nỗi sợ luôn là hành trang đi theo con người trong suốt cuộc đời của mình. Có những nỗi sợ khiến cho con người vượt lên trên chính mình và có những nỗi sợ làm cho con người bị tê liệt, không còn nhận biết đâu là lối thoát, đâu là cửa chết. Trải qua 4000 năm đô hộ Trung Hoa, 100 năm đô hộ Pháp và 35 năm chuyên chính xã hội chủ nghĩa, có lẽ người Việt Nam hiểu hơn ai hết về nỗi sợ. Nói rằng người Việt Nam có tinh thần sợ hãi là không đúng, người Việt Nam rất không ngoan vì người Việt Nam biết chờ thời, biết những cơ hội đúng lúc để cướp lại thời cơ, giành lại sở hữu của mình, giành lại chủ quyền của đất nước

Đánh tan nỗi sợ

Một trong những điều kiện tiên quyết trong đấu tranh bất bạo động là người tham gia tranh đấu phải dẹp tan nỗi sợ, sợ tranh đấu đơn độc và sợ những cảnh tù ngục khổ sở có thể diễn ra trong tương lai. Ghandi đã có lần tuyên bố "sự hèn nhát và ahimsa (bất bạo động) không thể là bạn đồng hành, chẳng khác gì nước với lửa". Kẻ hèn nhát tìm cách trốn xung đột và tránh hiểm nguy, người đấu tranh bất bạo động đương đầu với mối tranh chấp và chấp nhận hiểm nguy một cách vinh dự. Ghandi kết luận : "Sự hèn nhát biểu hiện tinh thần bất lực tồi tệ hơn cả bạo lực... Bất bạo động không thể đem dạy cho kẻ sợ chết và không biết đối

kháng... Chúng ta có thể hy vọng một con người bạo động một ngày nào đó trở nên bất bạo động nhưng không hy vọng gì nơi một kẻ hèn nhát".

Nỗi sợ phát xuất từ tinh thần cảm nhận mìn yếu kém. Kẻ hèn nhát, vì lòng lúc nào cũng e sợ, không thể dùng vũ khí bất bạo động một cách có hiệu quả được. Những chiến sĩ bất bạo động phải tin tưởng vào lẽ phải và sức mạnh của cuộc đấu tranh này, vào những nguyên lý và kỹ thuật hành động của mình. Các thể chế độc tài tồn tại vì họ dùng sự sợ hãi làm nền tảng cho chế độ. Ghandi luận rằng : "Chính quyền lợi dụng nỗi sợ từ ngục của chúng ta" (1).

Các chế tài tự nó không tạo nên sự tuân phục, nhưng lòng sợ hãi chế tài khiến cho thiên hạ phải e dè. Một khi lòng sợ hãi lan tràn rộng khắp, một chế tài dù nhỏ đến đâu cũng khiến thiên hạ rầm rắp nghe lệnh. Nhưng đứng trước một mức độ cứng rắn không sợ hãi cao, những chế tài nghiêm khắc chắc chắn không củng cố chế độ. Nếu lòng sợ hãi đóng một vai trò quan trọng trong việc củng cố các chế độ độc tài đàn áp, người công dân cần phải tự cởi trói khỏi nỗi sợ và phải có lòng tự tin lớn.

Petr Nikitich Tkachev (1844-1886), người mà Lê-nin ngưỡng mộ và ảnh hưởng mạnh mẽ trong việc Lê-nin soạn thảo biên khảo "Làm gì?", đã luận rằng muôn cách mạng thành công phải biết sợ : "Khi thiên hạ thấy quyền lực kinh hoàng, mà họ khiếp sợ và trước đây họ đã quen run sợ và tự hạ nhân phẩm của mình, mất tổ chức, bị phân tán và bại hoại, khi họ thấy rằng họ không cần phải sợ bất cứ ai hoặc bất cứ điều gì, lúc đó bao nhiêu cay đắng chất chứa sẽ nổ tung với một sức mạnh vô song". Michael Prawdin viết đầu năm 19717 tại Nga "quần chúng đã đánh mất nỗi sợ bị trừng phạt và con ngáo ộp chính quyền cũng mất luôn sức mạnh đe dọa khủng bố" (2).

Đánh tan nỗi sợ liên quan mật thiết đến lòng tự tin mình có quyền lực trong tay và có thể hành động một cách hữu hiệu để thay đổi một tình huống.

Lòng gan dạ, đức tính can đảm lẽ cỗ nhiên không chỉ giới hạn trong hành động bất bạo động. Có những người tranh đấu một cách anh dũng với những phương tiện bạo động. Tuy nhiên, theo Gandhi, "việc thực thi bất bạo động đòi hỏi lòng can đảm cao hơn việc sử dụng bạo động" và cuộc đấu tranh bất bạo động là một vũ khí của "những tấm lòng kiên cường". Bạo lực bị đánh tan, không phải vì chúng ta khuất phục trước nó, mà chúng ta cương quyết đương đầu với nó. Lòng can đảm trong kỹ thuật đấu tranh này không phải đơn thuần là một đức tính đạo đức, nó là một điều kiện thực tiễn cần thiết.

Nỗi sợ đóng góp cho sự tiếp diễn những cảnh tàn ác hơn là làm giảm và triệt tiêu nó. Con đường ngắn nhất nhằm chấm dứt những cảnh đòn áp là chứng minh chứng không giúp thỏa mãn những mục tiêu của đối thủ.

Vai trò khủng bố của đảng cộng sản

Đảng Cộng Sản Việt Nam hiểu rõ hơn ai hết cơ cấu của sự sợ hãi, nên họ đã áp dụng triệt để mọi phương pháp khủng bố. Những khủng bố của đảng cộng sản đã đóng một vai trò thiết yếu trong sự sợ hãi tập thể.

Những cảnh đấu tố, con đấu cha, vợ tố chồng, đồng chí tố nhau trong cuộc gọi là "Cải Cách Ruộng Đất" hóa ra là một vở tuồng để trấn áp, để gây sợ hãi, để tạo quyền lực. Vụ đàn áp "Nhân văn giai phẩm" cũng chỉ nhằm khóa họng bóp nghẹt những tiếng nói chân thật của những nhà văn kiên cường. Cảnh đày ái, thủ tiêu, cho "mò tóm" các nhân tố chống đối cũng là trong mục đích gia tăng nỗi sợ hãi. Cách xâm nhập gia cư, cách đóng chốt nhà cửa, cách bắt người vô lối cũng chỉ nhằm gây nên nỗi sợ. Nỗi kinh hoàng đó mà đảng cộng sản đã gieo rắc trong hơn nửa thế kỷ qua trên đất Việt Nam nay đã mất đi tính linh nghiệm của nó. Bóng ma kinh hoàng này vẫn còn đeo đuổi một số người, nó chỉ chấm dứt hoàn toàn khi chế độ độc tài đó không còn nữa.

Ngày nay, nếu quan sát kỹ, chính quyền Việt Nam đang xuống thang trong cách đòn áp, vì áp lực của quốc tế, của các phong trào đấu tranh dân chủ, và người công dân không còn sợ nữa. Bức tường bưng bít đã lở ra từng mảng và đảng cộng sản không còn có thể che giấu bất cứ hành động nào nữa. Đảng cộng sản đã không còn quyền lực, không còn phương kế để gây sợ hãi nữa.

Tầng đầu địa ngục

Trong quyển "Tầng đầu địa ngục" (The First Circle), ông Alexander Solzhenitsin đã mô tả một nhà toán học tên Gleb Nerzhin đã vượt thoát nỗi sợ để đương đầu với tên bộ trưởng công an Victor Semyonovich Abakumov. Ông Nerzhin nói với Abakumov ông chẳng có gì để sợ vì ông chẳng còn gì để mất, ông chẳng còn gì để mất vì ông đã mất tất cả; chính Abakumov mới là người sợ hãi vì trong công cuộc bất thành này Abakumov sẽ mất tất cả, kể cả tính mạng.

Trong chuyện này, Abakumov được lệnh phải thiết lập một hệ thống điện tử khóa mã và chuyển mã để Stalin sử dụng điện thoại mà không một ai có thể nghe lén trừ người đối thoại và kỳ hẹn phải hoàn tất trong một thời hạn định. Kẻ sợ hãi ở đây chính là tên bộ trưởng công an Abakumov. Cuối cùng y đã phải van xin Nerzhin hoàn tất chương trình để đệ trình cho Stalin, nếu không y sẽ mất mạng. Sinh mạng của Abakumov nằm trong tay của Nerzhin. Nỗi sợ không còn ở phía kẻ bị trị nữa, nó đã chuyển sang kẻ sợ mất quyền lực.

Còn gì để sợ?

Não trạng sợ hãi ngày nay không nằm trong thành phần quần chúng nữa vì quần chúng hầu như đã mất tất cả, mất

tài sản, mất nhà cửa, mất ruộng đất. Những kẻ sợ hãi chính là các cán bộ chóp bu tham nhũng của đảng. Một khi đảng mất quyền lực chi phối xã hội, những nhân tố này không còn đất dụng võ. Và mất quyền lực là mất tất cả. Vì vậy bọn họ cố gắng cấu kết với nhau trong nỗi sợ hãi chung để tìm cách đẩy lùi thời hạn dân chủ hóa đất nước. Bề ngoài trông ra họ có vẻ oai phong lẫm liệt đấy nhưng thâm tâm họ luôn nơm nớp e ngại rồi đây chủ nghĩa sụp đổ, chế độ độc đảng tan rã, số phận của họ sẽ ra sao ?

Quần chúng thầm lặng đang nhìn từng nước đi của họ. Đảng cộng sản không còn những phương tiện khủng bố nhân dân như xưa để khống chế và đàn áp. Họ không còn chủ nghĩa để nhân danh chủ nghĩa tiêu diệt những thành phần đối lập. Họ đã đánh mất vũ khí sắc bén nhất của họ : ảo mộng thiên đàng xã hội chủ nghĩa, nơi mọi người đều bình đẳng, làm theo sức, hưởng theo nhu cầu. Các chiến sĩ của chủ nghĩa xã hội nay đã trở thành những tên tư bản kinh sù, một loại tư bản đở, rừng rú, bốc lột công nhân hơn cả tư bản thực thụ.

Quần chúng đã thắng nỗi sợ, các thành phần lương tri trong các ngành nghề của xã hội Việt Nam đang ý thức quyền lực của mình và sự phá sản của chế độ toàn trị độc đảng không xa. Nhà nước cộng sản Việt Nam ngày nay chỉ còn một phương tiện duy nhất để đàn áp : đó là bỏ tù những thành phần bất đồng chính kiến. Nhưng ngay cả phương tiện này cũng không còn hiệu nghiệm vì số đông không còn sợ nữa. Vào tù hiện nay là một phương tiện để chứng minh lòng can đảm của mình đối với tiến trình xây dựng dân chủ cho đất nước Việt Nam, là một vinh dự để đi vào lịch sử Việt Nam. Người Việt chẳng còn gì phải sợ nữa.

Nguyễn Gia Thưởng (Bruxelles)

Ghi chú :

(1) Gandhi, *Non-violent Resistance : Satyagraha*, Dover Publications (May 29, 2001) ISBN : 0486416062.

(2) Michael Prawdin, *The Unmentionable Nechaiev : A key to bolshevism* (Unknown Binding - 1961).

"Nếu cả thế giới có vấn đề Hoa Kỳ thì các nước Đông Nam Á lại có thêm vấn đề Trung Quốc. Trung Quốc đang phát triển về mặt kinh tế và đang gia tăng sức mạnh quân sự. Điều đáng lo ngại là Trung Quốc cho tới nay một mặt phủ nhận tráng trọng các giá trị dân chủ và nhân quyền, mặt khác tỏ ra muốn sử dụng sức mạnh quân sự của mình cho một chính sách bá quyền khu vực". (Thành Công Thế Kỷ 21, tr. 11)

Thành công Thế kỷ 21 Dự án chính trị dân chủ đa nguyên 2001 do Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên xuất bản

Tài liệu dày 143 trang, bìa màu. Giá bán (đã tính cước phí bưu điện) tại : Châu Âu : 10 EUR ; Mỹ : 12 USD ; Úc : 15 AUD. Chi phiếu xin đề : Vietnam Fraternité và gởi về : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint-Georges - France.

Trên đà xét lại lịch sử Việt Nam

Cân thẩm định lại giá trị của ông Ngô Đình Diệm và chế độ Việt Nam Cộng Hòa I

Tôn Thất Thiện

Ông Diệm do chính phủ Pháp đưa lên cầm quyền và được Pháp ủng hộ ?
Thuyết Nhân Vị phủ nhận cá nhân, cốt lõi của dân chủ ?

Trong những năm gần đây vấn đề xét lại lịch sử Việt Nam được đặt ra và càng ngày càng được hưởng ứng. Trong sự xét lại này, giai đoạn 1954-1963, giai đoạn ông Ngô Đình Diệm cầm quyền, là một giai đoạn rất sôi động nhưng lại chưa được khảo sát đầy đủ và đứng đắn, và nay cần được chú ý nhiều hơn. Về điểm này có thể nhắc đến những tác phẩm :

- Nhớ lại những ngày ở cạnh tổng thống Ngô Đình Diệm, của đại tá Nguyễn Hữu Duệ (1).

- Dòng họ Ngô Đình, ước mơ chưa đạt, của ông Nguyễn Văn Minh (2).

- Đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam, 1954-1963, Một cuộc cách mạng, của tiến sĩ Phạm Văn Lưu và tiến sĩ Nguyễn Ngọc Tấn (3).

Những tác phẩm trên đây đáng đánh giá cao vì các tác giả của nó hội đủ những điều kiện cần thiết về vô tư và chính xác. Những tác phẩm này ra đời đúng lúc. Nó có tác dụng gộp một phần quan trọng vào sự dọi ánh sáng mới vào lịch sử giai đoạn 1954-1963. Đặc biệt nhất là nó đã nói lên những điều mà, đáng lẽ, chính anh em họ Ngô phải nói lên trong hơn 50 năm qua để trả lời những công kích chỉ trích về họ và chế độ Việt Nam Cộng Hòa I. Anh em họ Ngô đã im lặng. Họ đã im lặng, vì họ đã bị sát hại. Nay mới có người nói thay họ.

Bài này chỉ bàn về tác phẩm của tiến sĩ Phạm Văn Lưu và tiến sĩ Nguyễn Ngọc Tấn, vì, khác với các tác phẩm của đại tá Nguyễn Hữu Duệ và của ông Nguyễn Văn Minh, nó không thuộc về loại hồi ký/hồi ức, mà là một công trình sử học, đúng nghĩa của nó, nghĩa là thỏa mãn những tiêu chuẩn về khoa học của những trường đại học lớn của thế giới : khảo sát tường tận, hoàn toàn khách quan, dữ kiện được cân nhắc kiểm tra kỹ lưỡng, trình bày một cách bình tĩnh, vô tư, ngôn ngữ đứng đắn. Nó thỏa mãn những điều kiện trên vì nó trích từ những luận án tiến sĩ của hai tác giả.

Hai tác giả trên đây đã tốt nghiệp từ Đại học Monash University ở Melbourne, Úc, và đã từng là giáo sư của các đại học đó. Họ đã chọn Việt Nam và giai đoạn Ngô Đình Diệm làm đề tài luận án tiến sĩ, và những bài họ viết được trích từ các luận án của họ. Năm nay họ đều 62 tuổi, nghĩa là trong thời gian 1954-1963 họ còn là học sinh nên không có liên hệ gì với chế độ Cộng Hòa I. Họ cũng không có quan hệ gia đình gì với họ Ngô. Sau khi đến Úc, họ theo học các đại học nói trên, và họ đã bỏ rất nhiều công đi sưu khảo tại rất nhiều nơi có chứa tài liệu dồi dào liên quan đến Việt Nam : Bảo tàng viện chiến tranh Úc ; East-West

Center, Đại học Hawaii ; Archives of Indochina, Đại học Berkeley, C.A. ; Thư viện của Austin University, Texas ; Đại học Harvard ; Đại học Cornell, Ithaca, N.Y. ; Thư viện Eisenhower, Thư viện Kennedy, Thư viện Johnson ; và Library of Congress, Washington D.C. Cuối cùng, sau khi tốt nghiệp, họ đã giảng dạy ở những đại học Úc, và vị thế này bắt buộc họ phải vô tư để giữ uy tín đứng đắn của mình và... khỏi mất việc. Như thế ta có thể chắc về tính chất khả tín của những gì họ viết : chính xác, vô tư, và đứng đắn.

Quyển Đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam 1954-1963 (ĐNCHVN I), 229 trang, có 5 chương. Hai chương 4 và 5 không quan hệ lắm vì nó chỉ chứa một số hình ảnh về các cuộc viếng thăm các quốc gia bạn, hay đăng lại một số diễn văn của Tổng thống Diệm. Ba chương còn lại là những chương đáng chú ý. Chương 1, "Những thách thức nghịết ngã khi về chấp chánh" của P. V. Lưu, nói về những thách thức mà ông Diệm gặp phải trong hai năm 1954-1955 sẽ được bàn đến một cách khá chi tiết, vì nó chứa đựng nhiều điều mới mà người Việt Nam cần biết. Chương 2, "Chủ nghĩa Nhân Vị, con đường mới, con đường tiến bộ", của N. N. Tấn, nói về thuyết Nhân Vị cũng vậy vì đây là lần đầu mà thuyết này được trình bày một cách tường tận, đầy đủ, và nhất là trung thực khách quan. Chương 3, "Thành quả 9 năm cầm quyền" của tiến sĩ Lưu, nói về thành tích 9 năm cai trị của ông Diệm cũng là một cái gì mới. Trong quá khứ, sách báo nói về ông Diệm và chế độ ông thường chú tâm vào khía cạnh chính trị, cá nhân và gia đình ông - độc tài, gia đình trị - nhưng không hề đề cập đến những thành quả lớn mà chính phủ ông đạt được trong 9 năm ông lãnh đạo : kiện toàn độc lập - lấy lại chủ quyền quốc gia trong tất cả các lãnh vực : chính trị, ngoại giao lẫn quân sự và kinh tế tài chính - cải thiện đời sống của dân chúng bằng cách phát triển tất cả các lãnh vực hoạt động - kỹ nghệ, nông thôn, ngư nghiệp, chuyên chở, giáo dục... Chương này rất phong phú về thống kê, cho độc giả một ý niệm rõ ràng về những thành tích lớn lao mà Việt Nam đã đạt được dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa I.

Trong 50 năm qua, sách báo về Việt Nam rất nhiều, nhưng phần lớn trong loại "khảo cứu" xuất phát từ các giới Tây phương, đặc biệt là Hoa Kỳ, thường xuyên tặc sự thực, bôi xấu Việt Nam, và đặc biệt là ông Diệm. Đó là vì, như David Horowitz, lãnh tụ phát động trào phẩn chiến "sit in" của Đại học Berkeley, C.A., trong thập niên 1960 thú nhận sau khi đã bỏ và chống lại phong trào này trong thập niên 1980, những giới đại học và truyền thông Hoa Kỳ đã bị các

tổ chức phản chiến và cộng sản mang danh "cách mạng" xâm nhập, chi phối và áp đặt quan điểm "politically correct" của họ. Ông Diệm bị công kích bôi xấu đặc biệt vì ông chống thực dân cả Pháp lẫn Mỹ đã gắt gao mà chống cộng sản còn gắt gao hơn nữa. Phần khác, trên những kệ sách của các thư viện vắng bóng những tác phẩm loại "khảo cứu" của người Việt có đủ tầm thuyết phục, phản bác lại các tác phẩm của những giới phản chiến và "cách mạng" trên đây. Có nhiều tác giả lại vô tình a dua người Tây phương lặp lại những luận điệu bôi xấu Việt Nam và lãnh tụ Việt Nam, nhứt là lãnh tụ chống cộng hữu hiệu như ông Diệm.

Vì lý do trên đây, không ít người Việt phe "quốc gia" thường có mặc cảm xấu hổ hay nghi hoặc về xứ sở, dân tộc, và các lãnh đạo của Việt Nam khi nghĩ hay bàn về thời sự. Riêng về ông Ngô Đình Diệm, thì họ lại càng chê bai, kết tội hơn nữa, và những gì tốt về ông thì không nói đến. Khuyết điểm trên đây cũng dễ hiểu. Đối với nhiều người Việt, Bụt nhà không thiêng !

Trong chương 1, tiến sĩ Lưu đã dùng những từ ngữ "thách thức" và "nghịch ngã" để nói về những trở ngại mà ông Diệm gặp phải khi về nước chấp chính và trong hai năm đầu để giữ chính quyền. Hai từ ngữ này rất đúng. Ông Diệm đã gặp vô vàn trở ngại. Nhưng những trở ngại lớn nhất là do chính phủ Pháp ở Paris hoặc Washington, những viên chức Pháp và những giới tài phiệt Pháp ở Việt Nam gây ra trong việc tìm cách lật đổ ông, một đằng bằng cách xúi giục những người Việt chống đối ông dùng đủ mọi cách, kể cả quân sự, để gây bất ổn, một đằng bằng cách thuyết phục lôi kéo đại diện chính phủ Hoa Kỳ ở Paris, ở Sài Gòn, và ngay cả ngoại trưởng và tổng thống Hoa Kỳ ở Washington đừng ủng hộ ông ấy nữa.

Tuyên truyền công sản và các giới phản chiến "politically correct" Tây phương đã không ngớt quả quyết rằng ông Diệm là "người của Mỹ", được chính phủ Mỹ lựa chọn và đưa lên làm thủ tướng và yểm trợ hết mình. Phần khác, gần đây lại có tác giả quả quyết rằng "Ngô Đình Diệm do chính phủ Pháp đưa lên cầm quyền và được Pháp hỗ trợ" (4). Cả hai luận cứ trên đều là những quả quyết vu vơ, và đã bị tiến sĩ Phạm Văn Lưu phản bác với những dữ kiện rất vững chắc không thể phủ nhận được, vì rút ra từ các điện văn mật trao đổi giữa những toà đại sứ Mỹ ở Paris, Sài Gòn, bộ ngoại giao Mỹ và Tòa Bạch Ốc, và với chính phủ Pháp. Các điện văn đó được bạch hóa và phổ biến trong những năm gần đây đã cho ta biết được sự thực đích xác về những gì đã xảy ra ở Việt Nam trong những năm 1954-1956, thời gian mà ông Diệm chấp chính và ổn định tình hình.

Ông Lưu đã cho ta thấy rằng ngay từ ngày được cựu hoàng Bảo Đại bổ nhiệm làm thủ tướng ngày 16-6-1954, và ngay cả trước đó nữa, cho đến cuối năm 1956 ông đã bị nhân viên dân sự cũng như quân sự Pháp ở Sài Gòn và chính phủ Pháp, dù là thiên tả như Mendès-France, hay thiên hữu như Edgar Faure ở Paris, nói xấu và tìm đủ mọi cách lật đổ. Và trong cố gắng thực hiện ý đồ này, họ đã

hết mình thuyết phục các đại diện Mỹ ở Sài Gòn, Paris, bộ trưởng ngoại giao J.F. Dulles, và ngay cả tổng thống Eisenhower chấp nhận giải pháp loại bỏ ông Diệm, và đã suýt thành công trong sự vận động này.

Ngày 13-6-1954, ba ngày trước khi ông Diệm được chính thức bổ nhiệm làm thủ tướng, ông Dejean, phó cao ủy Pháp ở Sài Gòn, nói với ông McClintock, đại diện Mỹ tại Sài Gòn, rằng ông Diệm "không có cơ may để lập một chính phủ hữu hiệu cho Việt Nam". Ngày 15-6-1954, một tuần trước khi ông Diệm bước chân xuống Sài Gòn và ba tuần trước khi ông Diệm trình diện chính phủ của ông, tướng Ely, cao ủy Pháp ở Sài Gòn cũng nói với ông McClintock rằng ông Diệm không đủ khả năng lãnh đạo. Ngày 20-6-1954 tại Paris, ba ngày trước khi ông Diệm đáp máy bay đi Sài Gòn, hơn hai tuần trước ngày ông Diệm trình diện chính phủ của ông (7-7-1954), thủ tướng Pháp Mendès-France nói với đại sứ Mỹ Dillon rằng ông Diệm là một người cuồng tín và nhờ Hoa Kỳ ngăn cản không cho ông làm hỏng Hội nghị Genève. Ông Mendès-France không đặt vấn đề không cho ông Diệm làm thủ tướng vì bận tâm của ông ta (Mendès) lúc đó là phải ký cho được hiệp định nội trong ngày 20-7, nếu không ông ta phải từ chức, vì khi nhận chức thủ tướng ông đã cam kết với Quốc hội Pháp như vậy ! Trong những cuộc tiếp xúc khác với đại diện Mỹ, lúc ông Diệm quyết định dùng binh đương đầu với thách thức quân sự của Bình Xuyên, tướng Ely nói ông Diệm là người "mắc chứng hoang tưởng tự đại" (mégalomane), hoặc "điên khùng". Trong cuộc hội nghị với các ngoại trưởng Mỹ, Anh, ở Paris ngày 8-5-1955, thủ Tướng Pháp E. Faure đã kích ông Diệm nặng nề, gọi ông là "điên khùng".

Trong những buổi họp với đại diện Hoa Kỳ để bàn về Việt Nam, luận đề được đại diện Pháp luôn luôn đưa ra là "giải pháp" Ngô Đình Diệm chỉ là một cuộc thí nghiệm, "thời gian thí nghiệm đã qua", ông Ngô Đình Diệm đã tỏ ra "không có khả năng tập hợp các lực lượng chính trị", không được quân đội yểm trợ, không ổn định được tình hình, gây hận thù đối với Pháp, cho nên phải thay thế ông bằng một người, hay nhóm người, có khả năng hơn. Người, hay nhóm người "có khả năng hơn" này tất nhiên lấy trong những nhân vật mà Pháp chi phối.

Những đại diện Mỹ ở Sài Gòn - các cố vấn McClintock và Kidder, đại sứ Heath, đặc sứ Collins - cũng ngã xiêu theo quan chức Pháp, nhất là những quan chức này có uy tín như phó cao ủy Dejean, và tướng Ely, và nhiều lần đề nghị với chính phủ Hoa Kỳ nên thay thế ông Diệm. Ngay cả ngoại trưởng Dulles và tổng thống Eisenhower cũng chấp nhận nguyên tắc này sau khi nghe phúc trình của đặc sứ Collins về vụ ông Diệm ra lệnh cho quân đội quốc gia dẹp Bình Xuyên, và ngày 27-4-1955 đã điện cho tòa đại sứ Sài Gòn chỉ thị về quyết định này. Họ bức bối với ông Diệm vì ông từ chối những giải pháp mà họ cho là có khả năng ổn định tình hình.

Lý do thật sự của thái độ này là sự bức bối của họ trước thái độ cứng rắn, không nhân nhượng của ông Diệm. Nói cho đúng, quan chức Pháp cũng như quan chức Mỹ ở Sài

Gòn hồi đó bức bối với ông Diệm vì ông tỏ ra một người không dễ bảo. Nói trống ra, ông Diệm không chịu làm bù nhìn, dù là của Pháp hay của Mỹ, nhất là khi những đề nghị của họ vi phạm độc lập, danh dự, và tương lai của Việt Nam. Ví dụ : sau những xáo động ở thủ đô do Bình Xuyên và tướng Hinh gây ra trong mùa thu 1954, đại sứ Heath đề nghị ông Diệm lưu tướng Hinh lại trong quân đội, nhưng ông Diệm không chấp nhận. Đại sứ bèn quyết định là ông Diệm phải ra đi, và ông tướng trình về Washington như sau : "chúng ta phải tranh thủ thời gian để chuẩn bị điều mà Mendès-France gọi là một cơ cấu chính quyền khác... Tất cả mọi người ở tòa đại sứ tin chắc rằng ông Diệm không thể tổ chức và điều hành một chính quyền vững mạnh".

Đặc sứ Collins đã nhiều lần, đặc biệt là ngày 13-12-1954 và ngày 31-3-1955, điện cho Tòa Bạch Ốc đề nghị thay thế ông Diệm vì ông Diệm "quá cứng rắn". Các đề nghị của ông không được chấp nhận. Nhưng hạ tuần tháng 4-1955, sau vụ chạm súng giữa Bình Xuyên và quân đội quốc gia, một buổi họp quan trọng được tổ chức tại Tòa Bạch Ốc để nghe ông phúc trình, một giải pháp do ông đề nghị được chấp nhận : loại ông Diệm khỏi chức vụ thủ tướng, đưa ông Trần Văn Đỗ thay thế ông, và cử bác sĩ Phan Huy Quát làm phó thủ tướng. Trong những người chấp thuận có cả ngoại trưởng Dulles và tổng thống Eisenhower. Lập trường này được thông báo cho tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn ngày 27-4-1955.

Sự chấp nhận trên đây của ngoại trưởng Dulles cũng khá lạ, vì ông là người ủng hộ giải pháp Diệm mạnh nhất. Nhưng thật ra, ông cũng đã phòng xa. Trong một văn thư gửi cho đặc sứ Collins ngày 20-4-1955, trước khi ông này rời Sài Gòn đi Washington, ông nêu ra hai điều kiện để quyết định sự ở lại hay ra đi của ông Diệm : 1/ Ông Diệm có can đảm và quyết tâm để hành động và 2/ Ông ta có được sự trung thành của quân đội không ? Nếu ông Diệm thất bại một trong hai điều kiện này thì ông phải ra đi.

Nhưng ngày 28-4-1955 quân đội Bình Xuyên lại tấn công quân đội quốc gia. Ngày 29-4-1955, bất chấp sự khuyến cáo của tướng Ely, ông Diệm ra lệnh cho quân đội đánh trả, và quân đội quốc gia đã thắng. Chính phủ Mỹ hiểu rằng những dự đoán của tướng Ely về ông Diệm không có khả năng đánh bại Bình Xuyên là sai lầm, và làm cho đặc sứ Collins cùng chính phủ Mỹ quyết định sai lầm. Từ nay họ không còn tin vào nhận định của Pháp nữa. Ngày 1-5-1955 nhận lệnh tổng thống Eisenhower, ngoại trưởng Dulles gửi điện đến Paris và Sài Gòn hủy bỏ điện tín ngày 27-4-1955. Ngày 8-5-1955, tại hội nghị Anh-Mỹ-Pháp ở Paris, ngoại trưởng Dulles tuyên bố rằng về Việt Nam, từ nay sẽ không còn thỏa hiệp chung Mỹ-Pháp nữa.

Ông Diệm thắng.

Cái thắng của ông Diệm là sự thắng của can đảm, và cương quyết bảo vệ chính nghĩa quốc gia Việt Nam. Đặc biệt hơn nữa, nó là một cái thắng của chính ông, dù ông bị Pháp cản trở và không có sự ủng hộ của Hoa Kỳ.

Sự thắng này đưa đến những quyết định cẩn bản mang lại độc lập thật sự cho Việt Nam trong vòng chỉ một năm:

- về chính trị Việt Nam ra khỏi Liên Hiệp Pháp tư chọn

quy chế cho mình - chế độ Cộng Hòa ;

- thu hồi chủ quyền về ngoại giao : bang giao giữa Việt Nam và Pháp qua Bộ Ngoại Giao Pháp thay vì Bộ Các Quốc Gia Liên Kết và Cao Ủy Pháp ở Sài Gòn và Cao Ủy Việt Nam tại Paris thành Tòa đại sứ, chấm dứt lệ thuộc ngoại giao Việt Nam vào Pháp ;

- thu hồi chủ quyền về quân sự : ngày 26-4-1956 quân đội Pháp rút hết khỏi Việt Nam, quân đội Việt Nam không còn lệ thuộc vào Pháp nữa, viện trợ Hoa Kỳ cấp trực tiếp cho Việt Nam ;

- chủ quyền kinh tế tài chính : cuối tháng 12 năm 1955, Việt Nam ra khỏi khu Phật lăng ;

- giáo dục : Việt Nam tự do nhận giáo sư, chuyên viên từ bất cứ nơi nào, và gởi sinh viên ra bất cứ nơi ngoại quốc nào.

Như tiến sĩ Lưu Nhấn mạnh : những chuyển biến trên "mang theo ý nghĩa chính thức chấm dứt 72 năm chế độ Pháp bảo hộ Việt Nam (1884-1956)". Người thực hiện được điều này cho Việt Nam là ông Ngô Đình Diệm. Với tác phẩm "Đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam 1954-1963", tiến sĩ Phạm Văn Lưu đã giúp ta thấy rõ điều này.

Cũng như với tiến sĩ P. V. Lưu, những sự khảo của tiến sĩ Nguyễn Ngọc Tấn đóng góp một phần quan trọng vào vào việc soi sáng giai đoạn lịch sử 1954-1963, thời gian ông Diệm cầm quyền. Những sự khảo này nhằm vào chủ thuyết Nhân Vị. Theo tiến sĩ Tấn, trong 40 năm qua, "chưa có cuốn sách nào viết về chủ nghĩa Nhân Vị dưới khía cạnh hàn lâm [khoa học] cũng như đánh giá về tầm quan trọng của nó như là một chủ thuyết chính trị" dù rằng chủ thuyết này là chủ thuyết khai sinh ra nền Cộng Hòa đầu tiên tại Việt Nam. Đây là "một vấn đề lịch sử còn tồn đọng" trong thế kỷ qua. Bài của ông tìm hiểu vấn đề này, đặc biệt là tìm giải đáp cho những "nghi vấn lịch sử" sau đây :

1. Chủ nghĩa Nhân Vị là gì ?

2. Quan niệm Nhân Vị về các lý tưởng của cuộc cách mạng quốc gia ra sao và thể hiện qua các đường lối chính sách như thế nào ?

3. Về nguồn gốc triết học Nhân Vị là một thuyết ngoại lai hay mang bản chất chính trị văn hoá của Việt Nam?

Ông Tấn nói : những câu trả lời cho các nghi vấn trên đây "sẽ đặt nền móng cho công việc thẩm định phẩm chất lãnh đạo và những đóng góp lịch sử của tổng thống Ngô Đình Diệm trong 9 năm cầm quyền...". Bài khảo luận của tiến sĩ Tấn "Chủ nghĩa Nhân Vị, con đường mới, con đường của tiến bộ" chứa rất nhiều dữ kiện, suy diễn, và phân tích rất tinh tế, buộc độc giả phải đọc kỹ và nghiên ngẫm, không thể kể chi tiết ở đây. Bài này chỉ đề cập đến một số khía cạnh cần được độc giả đặc biệt chú tâm.

Về Nhân Vị là gì, tiến sĩ Tấn đã dựa trên những lời của chính ông Diệm để giải thích : *Nhân* và *Vị* là hai học thuyết Nho giáo. *Nhân* (仁) do chữ *Nhân* (人) và chữ *Nhi* (ニ) hợp thành (仁) có nghĩa là lòng thương người, đạo lý làm người; *Vị* (位) do chữ *Nhân* (人) và chữ *Lập* (立) hợp thành (位) có nghĩa là người có cái vị trí của họ, đứng giữa và ngang hàng với Trời và Đất. Hai chữ này hợp lại để diễn tả ý

tưởng : vị trí và phẩm giá con người trong cộng đồng nhân loại và trong vũ trụ. Ông viết :

"Tóm lại, chủ thuyết Nhân Vị là một triết lý nhằm đề cao giá trị của con người trong tương quan với vũ trụ, Trời và Đất, với người khác trong xã hội. Lý thuyết Nhân Vị chủ trương rằng : vì con người có một giá trị tối thượng nên mọi sinh hoạt trên đời này đều phải hướng về việc phục vụ con người. Chủ nghĩa Nhân Vị lấy CON NGƯỜI biết tu thân (vừa tinh vừa động) làm nền tảng để giải quyết các mâu thuẫn trong sinh hoạt của con người".

Về nguồn gốc, tiến sĩ Tấn nhận xét rằng trong suốt 40 năm qua không mấy ai chú ý tìm hiểu "Lý thuyết Nhân Vị" vì cho rằng lý thuyết đó là ngoại lai, cho rằng "Nhân Vị của các ông Diệm, ông Nhu là của Mounier, là của Công Giáo". Những lời phê bình này :

hoặc a/ mang một chủ đích chính trị nào đó,
hoặc b/ thiếu hiểu biết về chủ nghĩa Nhân Vị.

Trong số những người loại (a) có những người như Nguyễn Thái. Trong tác phẩm *Is South Vietnam Viable?*, ông nói rằng ông Nhu đã say mê thuyết dân chủ xã hội dựa trên lòng bác ái và giá trị nhân bản mang danh "Personnalisme" của Emmanuel Mounier, và "mối liên hệ của nó với xã hội mà ông Nhu cổ võ chẳng có gì là mới mẻ", và cái thuyết Nhân Vị "Personnalisme" cũng chẳng có gì xa lạ vì trong một trường phái triết học Pháp trong đó có Emmanuel Mounier và Jacques Maritain để hết mình cổ võ cho nó... Trong số những người loại (b) thì có thể kể ông Nguyễn Gia Kiểng. Gần đây, trong một bài phê phán ông Ngô Đình Diệm, ông viết :

"Nếu dựa trên những gì ông Nhu đã viết [sic!] về chủ nghĩa nhân vị thì có thể nói là chính ông cũng chỉ hiểu lơ mơ [sic!] Cố lě [sic!] ông đã du nhập chủ nghĩa nhân vị vào Việt Nam vì lý do là lúc đó nó được coi là giải pháp Thiên chúa giáo cho hòa bình Công giáo của thế giới. Nó có tham vọng là một vũ khí tư tưởng chống lại chủ nghĩa cộng sản. Trên thực tế, nó là một bước lùi lớn, gần như một sự đầu hàng, bởi vì nó phủ nhận cá nhân [sic!], cốt lõi của dân chủ" (5).

Tiến sĩ Tấn đã bác bỏ dễ dàng những nhận định sai lầm nặng nề và những phê phán hời hợt trên đây. Ông đã trích dẫn những tuyên bố, phát biểu của các ông Diệm-Nhu, và những khảo luận của những nhà học giả Việt Nam có uy tín để chứng minh rằng "Nhân Vị là một lý thuyết chính trị mang một bản sắc dân tộc rõ rệt", và "với biện chứng mạch lạc rõ rệt của triết gia Kim Định, giáo sư Nghiêm Xuân Hồng, và học giả Đinh Văn Khang, Chủ Nghĩa Nhân Vị (Tâm linh, Đông phương) của ông Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu bắt nguồn từ nền tảng văn hóa của Việt Nam, không thể nào lầm lẫn với Personalisme của Mounier (Duy tâm Tây phương) được". Ông nói : "Mọi việc đã được sáng tỏ và cuộc điều tra lịch sử này chấm dứt với kết luận : **Chủ Thuyết Nhân Vị của hai ông Diệm-Nhu mang một bản chất văn hóa và chính trị hoàn toàn Việt Nam**" (in đậm của chính TS Tấn).

Tiến sĩ Tấn đã minh chứng thêm xác quyết của ông với những trích dẫn trực tiếp từ một số tuyên bố của ông Diệm

và ông Nhu.

Ông Ngô Đình Diệm : "Nhãm măt bắt chước nước ngoài khác gì nhặt trước sự bảo hộ của ngoại bang" (nói với ký giả Marguerite Higgins).

Ông Ngô Đình Nhu :

- "Chủ thuyết [Nhân Vị] đặt nền tảng trên quan niệm tôn trọng phẩm giá con người và đẩy mạnh sự phát triển đến mức độ cao nhất. Quan niệm này... ở ngay trong truyền thống dân gian Việt Nam" (Đại hội văn hóa quốc gia, 11-1-1957).

- "Tôi phải nói ngay rằng : chủ thuyết Nhân Vị của tôi chẳng có dính dáng gì đến cái Nhân Vị Công Giáo đang được giảng dạy bởi các tổ chức Công Giáo tại miền Nam Việt Nam... Hiện nay cái học thuyết nhân vị mà tôi cổ võ là một nền dân chủ đấu tranh trong đó tự do không phải là một món quà của ông già Noel, nhưng mà là kết quả của một cuộc chinh phục bền bỉ và sáng suốt trong đời sống thực tế, không phải trong một khung cảnh lý tưởng, mà trong những điều kiện địa lý chính trị đã được định sẵn" (Phỏng vấn với báo *Toronto Globe and Mail*, trong Nguyệt san Gió Nam, 5-5-1963).

Tiến sĩ Tấn kết luận : "Giải pháp Nhân Vị mà ông Diệm và ông Nhu đã cổ võ 40 năm về trước là mô hình "xã hội dân chủ nhân vị" đã được thí nghiệm ở miền Nam từ 1954 đến 1963 : kinh tế thị trường với sự mềm dẻo của một chính phủ phúc lợi, thực hiện công bằng xã hội và dân chủ thực sự ở hạ tầng cơ sở với định hướng dân chủ trên thương tầng cấu trúc... Chủ nghĩa Nhân Vị chỉ được thử nghiệm trong một thời gian ngắn ở Miền Nam Việt Nam, nhưng trong lãnh vực lý thuyết hàn lâm, Chủ Nghĩa Nhân Vị có một giá trị đóng góp lâu dài và quan trọng vào công cuộc phát triển con người nói chung và đặc biệt tại các quốc gia nghèo đói hiện nay",

Và "ông Diệm đã hạ quyết tâm, "chọn con đường hy sinh để bênh vực phẩm giá con người: ...người ta có thể hủy diệt ông Diệm, nhưng không thể cướp đi những giá trị thuộc về ông ấy. Do đó trên căn bản đạo đức nghề nghiệp, các sử gia có bổn phận đem trả lại cho ông Diệm những gì thuộc về ông ấy và nền Đệ Nhất Cộng Hòa. Hãy trả lại cho lịch sử những gì thuộc về lịch sử".

Tôn Thất Thiện (Ottawa)

Chú thích :

(1) Nguyễn Hữu Duệ, 4366 Menlo Avenue # 23, San Diego, C.A. 92115, U.S.A. ĐT: 619-284.5484. Giá bán: 15 USD.

(2) Nhà xuất bản Hoàng Nguyên, P.O.Box 2637, Garden Grove, C.A.92642-2637, U.S.A. Giá bán : 20 USD.

(3) Nếu muốn mua sách ở Úc, xin liên lạc trực tiếp với nhà xuất bản : Center For Vietnamese Studies Publications, Reservoir, Victoria, 3073, Australia. Ở Mỹ, xin liên lạc với ông Lê Tinh Thông, 2362 Ashbury Circle, Westminster, C.A., 92683, USA. ĐT: 714-891.6216. Giá bán : 10 USD. Ở Châu Âu : xin liên lạc với nhà sách Nam Á : Centre Commercial Les Olympiades, 44 avenue d'Ivry, 75013 Paris, France.

(4) Nguyễn Gia Kiểng, "Ông Ngô Đình Diệm lên cầm quyền như thế nào?", *Thông Luận*, tháng 4, năm 2005.

(5) "Nhìn lại kinh nghiệm Ngô Đình Diệm", *Thông Luận*, tháng 11, 2005.

TẬP TÁC

Chiều hôm nay tôi về lại quê xưa
 Sau bao năm làm thân từ cải tạo
 Ngọn núi Tháp đứng buồn ảo não
 Dợi chuyến tàu uể oải chờ người thân
 Dòng sông Ba gợn sóng nước lăn tăn
 Như túi, như mùng người xa vừa trở lại
 Hãy tha thứ cho tôi đứa con đàm mê mỏi
 Trở về quê mà ái ngại cầm lòng
 Cầu Đà Rằng hai mươi mốt nhịp nối ngang sông
 Qua cầu cũ lòng rung rung khó tả
 Bao kỷ niệm bỗng ủa về trong trí nhớ
 Của ngày thơ tuổi nhỏ với dòng sông
 Đã lâu rồi tôi đã thật tinh khôn
 Thân từ tội còn chỉ đâu để nhớ
 Tôi nhìn sông bên bờ nay lại lờ
 Lũ cò sao lở đỗ mé bờ sau
 Tầm ta ta đã mất mấy mùa dâu
 Tôi đã qua bấy chặng đường gian khổ
 Lúa vàng ta đã bao mùa đang dở
 Buốc đời tôi cũng đang dở bao mùa
 Đêm nằm chiêm bao thường thấy cảnh quê xưa
 Chợt tỉnh giấc thấy mình đang tù tội
 Hãy tha thứ cho tôi hối quê nghèo tăm tối
 Bởi đời thời cũng tăm tối vô cùng
 Tàu vào ga thê thiết rít từng con
 Như nài nỉ như van lơn gì đó
 Nhà ga nhỏ vẫn là nhà ga nhỏ
 Nhưng im lìm nhưng lặng lẽ làm sao
 Còn chi đâu ga hối những sắc màu
 Của áo lụa quần là người đưa đón
 Của người yêu gấp người yêu bến lèn
 Của tiếng cười giọng nẫu rất thân quen
 Của mẹ tiền con đi học tận Sài Gòn
 Âu yếm nhét thêm vài đồng ướng nước
 Của những đoàn trai lên đường ra phía trước
 Lòng lớn theo tiếng gọi quê hương
 Của lòng tôi chưa một chút tơ vương
 Trong văn vắt như dòng sông mùa hạ
 Còn ngào ngạt không em hương Thầu Đâu xanh sắc lá
 Của thuở nào ta vẫn đê mê
 Nắng chiều hanh còn nhuộm tóc gái quê
 Của một thuở xuân mới về bờ ngỡ


 Của một thuở qua đi không còn nữa
 Của một thời lồng lộng giấc mơ xa
 Của một thời yêu... Yêu rất thiết tha
 Thơ với mộng cũng vì yêu ai đó
 Của một thuở đi xa thì thấy nhớ
 Xóm làng quê với vợ mai trong lòng
 Nhưng giặc thù bắn giết không ngừng
 Nên cũng lên đường như bao người anh đi trước
 Đành biệt dòng sông, nhịp cầu, nhà ga, núi Tháp
 Giảm biệt mẹ già một nắng hai sương
 Đời lính phong sương khổ vạn dặm đường
 Nhưng vẫn thấy yêu đời chi lạ
 Tôi có người vợ hiền son trẻ
 Cưới nhau từ buổi cưới binh đao
 Vội vã cho nên chẳng có cau trầu

Cũng chẳng có áo cô dâu trong ngày lễ
 Tình chồng vợ gói chăn dắp ba bùa
 Rừng sâu biển biệt tôi đi
 Đêm cô đơn nàng chỉ biết thăm thi
 Khấn Trời Phật độ chẳng nơi cải tạo
 Dẫu cay đắng dẫu nhiều đên đảo
 Vẫn một lòng với kẻ sa cơ
 Tôi có người em gái nhỏ
 Tuổi em thuở ấy trăng tròn
 Chắc giờ em tay bế tay bồng
 Và lui lạc phương nào tôi chẳng rõ
 Đám cưới em tôi ở tuyển đầu lúa đỗ
 Nên chẳng được về dự lễ mừng em
 Bởi thương anh đời lính phong sương
 Tình em trai theo dặm đường gian khổ
 Không biết giờ ra sao?
 Hồi người em gái nhỏ
 Hay cũng đổi đời tôi tớ như anh
 Tôi có những thằng bạn thân
 Thường hẹn gặp nhau ở mỗi lần về phép
 Bên tách cà phê, điếu thuốc Basto mà thấy đời vẫn đẹp
 Đẹp như cô nàng ngồi két thật duyên
 Dứa hát đứa đàn những bản nhạc dở dang
 Không thuộc hết nhưng cứ lý hát mãi
 Đàn cũ nay đâu?
 Quán xưa tê tái
 Dăm thằng biển biệt nơi nao
 Nẫu đi biển biệt nơi nào
 Nẫu còn giữ mãi quê nghèo trong tim
 Ai về sông núi Phú Yên
 Cho nẫu nhẫn gởi nỗi niềm nhớ quê
 Hãy tha thứ cho con
 Đời con giờ ra thế
 Mẹ già ơi tóc bạc trắng cả rồi
 Ôm lấy tôi mẹ run rẩy không rời
 Đóng lệ tủ chan hòa trên ánh mắt
 Con biết lầm lòng mẹ già héo hắt
 Lòng mẹ buồn như đồng lúa hôm nay
 Như dòng sông, nhịp cầu, nhà ga, núi Tháp
 Nhưng tình mẹ vẫn nồng nàn ấm áp
 Trong tay người tôi bé nhỏ làm sao
 Tuổi ba mươi mà ngỡ như tuổi thơ nào
 Nên chẳng biết nói gì ngoài rung rung nước mắt
 Đến thăm tôi những người quen thân thiết
 Những bà con chòm xóm xa xưa
 Rất chân tình tha thiết kể tôi nghe
 Chuyện túi nhục chuyện đổi đời tan tác
 Xin cảm ơn những chú, dì, cô, bác
 Đã không bắt tôi phải kể tốt chuyện lao tù
 Càng không bắt tôi phải gục mặt cúi đầu
 Nhận phần lỗi trước bọn người sắt máu
 Để được trả quyền công dân, được làm con làm cháu
 Của bác Hồ, của Các-Mác, Lê-Nin
 Để phải sống đời lao động quang vinh
 Để phải biến sỏi đá thành cơm qua công sức
 Tôi sẽ nuốt những căm hận vào ngực
 Nén đau thương thành súc bát cuộc đời
 Hãy tin con Cô, Bác, chú, Dì ơi!

Tuy Hòa, ngày vừa ra khỏi tù cải tạo (1979)

Sông Lô (Hannover)

VIỆT NAM VĂN HIẾN NGÀN NĂM :

3. Thời Lý (1009-1225)

hay

hai thế kỷ hưng khởi đầu tiên của văn hóa Thăng Long

Lê Văn Hảo

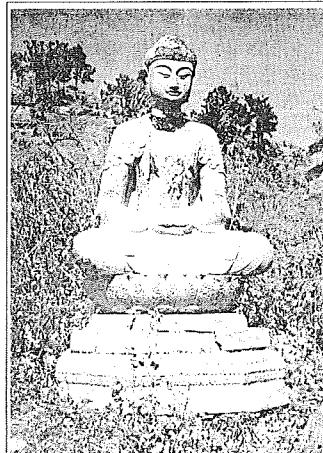
Sau 70 năm thời Ngô-Đinh-Tiền Lê đặt nền tảng trung hưng cho dân tộc, xóa đi cơn ác mộng ngàn năm Bắc thuộc, thời Lý là một bước mới rất quan trọng của tiến trình dựng nước và giữ nước, xứng đáng với mĩ từ "Việt Nam văn hiến ngàn năm", và chúng ta có đầy đủ chứng cứ để khẳng định :

Thời Lý, một thời kỳ vang của lịch sử dân tộc

Vương triều trải qua 8 đời vua này có công lớn khi lấy một quyết định chiến lược là dời đô từ Hoa Lư hẻo lánh hiểm trở ra Đại La, điểm trung tâm của đất nước, rồi mượn hình tượng rồng bay để đặt tên cho kinh đô mới Thăng Long, như muốn xác định một lần nữa người Việt là con Rồng cháu Tiên. Sau đó đổi tên nước Đại Cồ Việt thành quốc hiệu Đại Việt, trang trọng và kiêu hãnh, cũng là một cách tự khẳng định đất nước này ở phương Nam không có gì phải kiêng dè, e sợ những kẻ xấc xược hổm mình ở phương Bắc, từng tự xưng là Đại Tân, Đại Hán, Đại Đường, Đại Tống, cho nước mình là trung tâm thiên hạ, còn những dân, những nước láng giềng chung quanh là mọi rợ, man di.

Dưới vương triều Lý, nhiều cung điện, lầu gác đã được xây dựng trong hoàng thành và cẩm thành Thăng Long. La Thành được đắp lại, đê Cơ Xá được củng cố và đắp cao, bảo vệ kinh đô trước đe dọa của lũ lụt sông Hồng. Sau nhiều thế kỷ của văn hóa Đông Sơn xán lạn, hơn 200 năm triều Lý đáng được xem là thời kỳ phục hưng dân tộc đầu tiên.

Năm 1042, *Hình Thư*, bộ luật thành văn đầu tiên của nhà nước quân chủ được ban hành. Năm 1070, Văn Miếu Thăng Long ra đời tôn vinh Nho giáo, nhưng Phật giáo của từ bi bác ái vẫn chiếm vị trí hàng đầu. Năm 1075, lần đầu tiên khoa cử được tổ chức để tuyển lựa quan lại. Năm 1076, bên cạnh Văn Miếu, Quốc Tử Giám trường đại học đầu tiên được khai giảng để đào tạo nhân tài. Năm 1086, lập Hàn Lâm Viện. Năm 1097, ban hành *Hội Điển* qui định các phép



Tượng A Di Đà
chùa Phat Tich

tắc chính trị.

Các vua và hoàng hậu nhà Lý cho xây dựng một số lớn chùa tháp, đền miếu khắp đất nước. Mỗi vua đều rất chú trọng nghề nông nên đã đích thân cày "tịch điền" (ruộng của vua) như một tập quán khuyến nông trang trọng trước sự chứng kiến của đông đảo dân cày. Để củng cố khối đoàn kết dân tộc và tạo quan hệ hòa hiếu giữa miền xuôi với mạn ngược, các vua không ngần ngại gả các công chúa cho những tù trưởng các sắc tộc thiểu số.

Nhà Lý đã xây dựng quân đội hùng mạnh và đã thành công đè bẹp sự đe dọa, uy hiếp của nhà Tống và Champa, giữ vững biên giới phía Bắc, mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam.

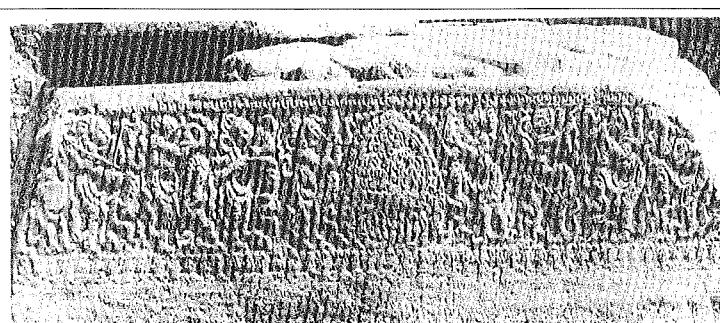
Khí phách Đại Việt qua ba áng thơ văn đầy khí vị anh hùng ca

Thế kỷ đầu tiên của thời Lý đã để lại trong di sản tinh thần của dân tộc ba áng thơ văn cô đúc mà gây được một ấn tượng phi thường : đó là tờ *Chiếu dời đô* (214 chữ), bài *Văn Lỗ Bố* (148 chữ) và bài thơ *Nam Quốc Sơn Hà* vỏn vẹn bốn câu, 28 chữ.

Chiếu dời đô (1010) nổi tiếng trong ngàn năm qua vì ý nghĩa và tác dụng lớn của nó. Tờ chiếu khẳng định việc dời đô là điều vô cùng nghiêm trọng vì gắn với yêu cầu xây dựng một địa điểm trung tâm, tiêu biểu cho sự phồn vinh lâu dài của đất nước, phù hợp với ý dân và mệnh trời. Nó chỉ ra được ưu thế địa lý của kinh đô mới, vừa là "nơi tụ hội của bốn phương đất nước" vừa là "nơi tượng trưng cho đế vương muôn đời". Lý Thái Tổ, vị vua vừa sáng suốt lại vừa khiêm tốn đã kết thúc *Chiếu dời đô* bằng một hình thức trưng cầu ý dân : "Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất

Ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào ?".

Sáu thập niên sau "*Chiếu dời đô*", *bài văn bối cáo rõ việc xuất quân đánh Tống* (1075) của Lý Thường Kiệt được lưu hành trước khi quân nhà Lý vượt biên giới tiến lên các châu Ung, Khâm, Liêm, nhằm đánh một đòn phủ đầu bất ngờ để



Bệ đá chùa Phat Tich chạm khắc nhạc công và vũ nữ

giành thế chủ động, cốt làm nản lòng kẻ thù trong âm mưu xâm lược Đại Việt. Bài Văn Lộ Bố này nói lên khí thế của người có chính nghĩa, vừa khinh miệt "vua Tống ngu hèn, chẳng tuân theo khuôn phép thánh nhân (...) khiến trăm họ mệt nhọc lầm than", vừa đề cao lý tưởng lấy dân làm trọng và sử dụng một sách lược tâm lý chiến khéo léo để trấn an dân Tàu ở các địa phương mà quân Lý sẽ đánh tới : "Nay bản chúc vâng mệnh quốc vương chỉ đường tiến quân lên Bắc, muốn dẹp yên làn sóng yêu nghiệt, chỉ có phân biệt quốc thổ, không phân biệt chúng dân (...) cốt để cứu vớt muôn dân khỏi nơi chìm đắm". Sau cuộc tập kích chớp nhoáng đó vào đất Tống, quân nhà Lý đã hoàn toàn thắng lợi trở về.

Hai năm sau (1077), khi cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống bắt đầu, Lý thường Kiệt cho loan tin hai vị thần của Đại Việt là anh em Trương Hồng, Trương Hát đã hiện ra trong mộng, trao cho ông bài thơ thần khảng định sự tồn tại thiêng liêng của nước Nam và cảnh cáo những kẻ nào dám xúc phạm tới cái điều trời định ấy :

Sông núi nước nam vua Nam ở
Sách trời kia đã định rành rành
Cơ sao giặc dám hoành hành
Tất nhiên bấy sê tan tành, tả tai

Chắc chắn bài thơ đã góp phần lớn vào chiến thắng Như Nguyệt, đánh tan quân Tống, giữ vững độc lập dân tộc. Đây là một trong những bản tuyên ngôn hào hùng nhất, bên cạnh *Hịch Tướng Sĩ*, *Đại Cáo Bình Ngô*, *Hịch Quang Trung*...

Về Đinh Bảng thăm quê hương vua Lý, dự lễ hội đền Đô

Đinh Bảng, nôm na gọi là làng Bảng, xưa nay là một làng rất trù phú của châu thổ sông Hồng. Trước đây làng này đã từng được cả vùng biết tiếng, vì mỗi năm cứ hành tới 80 lễ hội lớn nhỏ, với tiệc tùng mâm cao cỗ đầy nhưng điều đáng nói nhất : Đinh Bảng là quê hương nhà Lý.

Hiện nay, đây là một xã lớn thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, với 13 thôn và hai di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng là đình Đinh Bảng, còn gọi là Đinh Bảng, ngôi đình lớn nhất và vào loại đẹp nhất đất nước và đền Đô,



Lễ hội đền Đô (Đinh Bảng) vinh danh 8 vua nhà Lý

còn gọi là đền Lý Bát Đế, thờ 8 vua Lý.

Đền Đô được xây dựng từ thế kỷ 11, gồm hơn 20 công trình kiến trúc lớn nhỏ, tất cả đều được xây dựng công phu, chạm khắc tinh xảo được công nhận là di tích lịch sử-văn hóa cấp quốc gia.

Nơi đây từ nhiều thế kỷ qua đã diễn ra Hội Đền Đô, một trong những lễ hội truyền thống lớn nhất vinh danh triều Lý. Hội diễn ra từ 15 đến 18 tháng Ba âm lịch, với lễ tế hiến sinh (mổ cá thẩy 12 con trâu mộng), rồi một đám rước khổng lồ dài khoảng 3 km. Sau khi 8 cỗ kiệu vua trang hoàng lộng lẫy được rước từ đền tới chùa, rồi về lại đền, nhiều trò chơi hấp dẫn là đấu vật, chơi gà, múa rồng, hát chèo, diễn tuồng, đánh cờ người... diễn ra trong suốt bốn ngày.

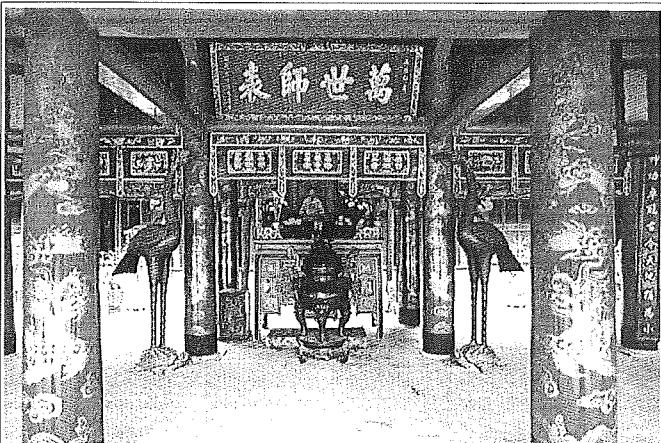
Kiến trúc và điêu khắc thời Lý, một nét son của nền mỹ thuật Việt Nam

Nói tới văn hóa nghệ thuật thời Lý trước hết phải nhắc tới bốn ván vật lớn vang bóng một thời, dưới tên gọi tứ đại khí, đó là tượng Phật chùa Quỳnh Lâm, tháp Báo Thiên (dựng năm 1057) gồm 12 tầng, chuông Qui Diên (đúc năm 1101) và vạc Phổ Minh (được đúc vào thời Trần). Các ván vật ấy nay đều không còn.

Cùng với những cung điện của Đại Nội Thăng Long, Đại Việt thời ấy có hàng trăm ngôi chùa lớn, hàng trăm pho tượng đẹp mà ngày nay chỉ còn lại một số rất ít, nhưng cũng đủ để nói lên sức sáng tạo nghệ thuật rực rỡ của một thời văn hóa Phật giáo huy hoàng.

Vĩ đại nhất trong các chùa thời Lý là chùa Dạm, tức chùa Đại Lâm Thần Quang do nguyên phi Ý Lan cho xây dựng tại núi Dạm, ở Bắc Ninh, vào những năm 1086-1094. Bi phá hủy hoàn toàn năm 1947, qui mô đồ sộ của chùa còn thấy được ở bốn lớp nền dài tới 120 m, rộng 65 m, mỗi lớp chênh nhau từ 6 tới 8 m, với 25 bậc để lên xuống.

Chùa Một Cột, tức chùa Diên Hựu, dựng vào năm 1049, là một quần thể kiến trúc to lớn gấp vài chục lần chùa Một Cột ngày nay. Văn bia chùa Đại ở Hà Nam viết về chùa ấy như sau : "Đào hồ thơm Linh Chiểu, giữa hồ vọt lên một cột đá, đỉnh cột nở đóa sen ngàn cánh, trên đó dựng một tòa điện đỏ sẫm, trong điện đặt pho tượng Phật bằng vàng, quanh hồ có hành lang bao bọc, ngoài hành lang có ao Bích



Nội thất Văn Miếu ở Thăng Long

Trì, có cầu vồng bắc qua, phía sân trước cầu hai bên tả hữu có bảo tháp lưu ly".

Một trong những ngôi chùa đẹp nhất thời Lý là *chùa Phật Tích*, tức chùa Vạn Phúc, dựng năm 1057 trên núi Lạng Kha (Bắc Ninh), một quần thể kiến trúc trải dài trên ba lớp nền (60x40m), mỗi cấp chênh nhau khoảng 4-5 m, có bậc đá lên xuống. Bị phá hủy vào năm 1947, di tích còn lại là một số tác phẩm điêu khắc trên đá : tượng thú, tượng kim cương, tượng thần nửa người nửa chim, tảng đá kê chân cột... Đặc biệt chùa còn giữ được một kiệt tác bất hủ của nền mỹ thuật Việt Nam, đó là *tượng A Di Đà*, tạc bằng đá hoa cương xanh cao 1,87 m, tính cả bệ là 2,77 m : dáng Phật thanh tú, khoác áo cà sa, hai bàn tay để ngửa trong lòng, ngồi xếp bằng tham thiền nhập định ; tất cả tỏa ra một vẻ đẹp dịu dàng đầy nữ tính.

Âm nhạc, vũ đạo, sân khấu và lễ hội thời Lý

Cách nay bảy thập niên nhà khảo cổ học Louis Bezacier đã phát hiện những tảng đá vuông kê chân cột ở chùa Phật Tích, mỗi cạnh dài 0,72 m, chiều cao 0,21 m, trên đó có chạm khắc cả một dàn nhạc vui tươi và sống động, gồm mười nhân vật : tám nhạc công và hai vũ nữ, chia thành hai nhóm nghệ sĩ hát múa và đánh đàm từ hai bên, hướng vào một chiếc lá bồ đề lớn tượng trưng cho Phật giáo. Những tảng đá kê chân cột quý báu này cho ta biết là ở thời Lý đã có *đại nhạc* của cung đình và *tiểu nhạc* của quần chúng với những nhạc cụ như trống to, trống cơm, đàm nhị, đàm nguyệt, đàm 7 dây, đàm tỳ bà, tiêu, sáo ngang và phách. Điều đó sẽ được xác nhận thêm trong một tác phẩm của thời Trần là *An Nam chí lược*.

Bên cạnh bệ chân cột chùa Phật Tích, thời Lý còn để lại cho chúng ta một vần vật quý báu khác là *văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh*, được gọi nôm na là bia tháp chùa Đọi, do Nguyễn Công Bật viết năm 1121 để ca ngợi vua Lý Nhân Tông. Đây là một tấm bia có văn chương già dặn, giàu hình ảnh, bút pháp khoa trương, pha ít nhiều màu sắc huyền thoại.

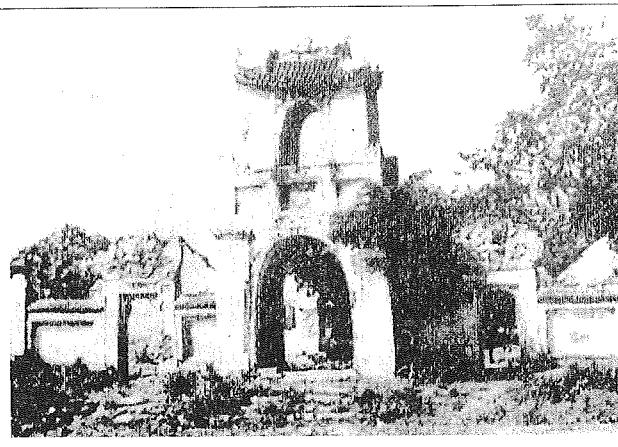
Nhờ các tài liệu bi ký và tài liệu sử ký biên niên mà chúng ta biết ở thời Lý đã có nhiều lễ hội : hội cung đình, hội đèn, hội chùa. Vào đời Lý Thái Tổ (trị vì 1009-1028), triều đình tổ chức lễ ăn mừng sinh nhật vua rất lớn : "Lấy tre kết làm núi Vạn Thọ Nam Sơn ở ngoài cửa Quang Phục, trên núi làm hình chim bay thú chạy với muôn vẻ kỳ lạ, lại sai người nhại tiếng chim muông làm vui" (*Đại Việt sử ký toàn thư*). Đó là một lễ hội cung đình có sử dụng trò múa rối cạn.

Vào mùa thu, các vua Lý thường tổ chức *hội đèn Quang Chiếu* ở các cửa thành của kinh đô và các hội đua thuyền trên sông Hồng. Vua ngự ra điện Linh Quang xem đua

thuyền, rồi thưởng lâm nghệ thuật múa rối. Văn bia tháp chùa Đọi cho biết trước mặt vua "ngàn thuyền như chớp giật giữa dòng, muôn trống như sấm vang dậy nước". Sau đua thuyền là biểu diễn múa rối.

Trong các tiết mục múa rối cạn, vua đặc biệt thưởng thức tiết mục *Nhà Sư Thủ Chuông* khá tinh xảo : "Có hai tòa lầu hoa treo chuông vàng, có tượng nhà sư mặc áo người làm ruộng, vặn máy kín thì giờ dùi đánh như thật, nghe tiếng võ gươm thì đứng nghiêm trang, trông thấy nhà vua thì khom mình cúi đầu, đều do mạo mực làm cho sư tử động mềm mại tự nhiên".

Đến tiết mục múa rối nước *Rùa Vàng Phun Nước*, tài năng các nghệ nhân rối lại càng cao siêu hơn : "Giữa làn sóng lung linh, rùa vàng lớn nổi lên đội ba ngọn núi trên mặt nước, lùi lùi lộ mai, giơ bốn chân, chuyển động con người nhìn vào bờ, há miệng phun nước. Ngựa trông dải mũ nhà vua, cúi đầu dưới trời lồng lộng. Dàn nhạc tấu khúc Vân Thiều. Các cửa động trên ba ngọn núi cùng mở, các vị thần tiên lần lượt hiện ra, lộng lẫy như cầu vồng trên trời, khác với nét đẹp chốn trần gian, vẫy tay mềm hát bài *Gió Về*, nhú mày xanh ca khúc *Vận*



Đèn thờ Lý Thường Kiệt ở Hà Trung (Thanh Hóa)

Tốt. Rồi chim quý dàn đội bay lượn nhíp nhàng, hươu lành họp bầy xênh xang nhảy nhót". Qua những mô tả trên đây, của văn bia chùa Đọi có thể nhận biết là múa rối đã phát triển cao từ thời Lý.

Bảy danh nhân thời Lý : bốn vua, một tướng, hai phụ nữ

Lý Thái Tổ (974-1028) có công lớn trong việc dời đô ra Thăng Long (1010), đích thân tổ chức xây dựng kinh thành, cung điện, lập phố xá, xuất vàng bạc của triều đình dựng nên nhiều chùa tháp, đền miếu, chăm lo phát triển văn hóa dân tộc, kiện toàn bộ máy nhà nước, đặt nền móng vững chãi cho một triều đại tồn tại vẻ vang trên 200 năm.

Lý Thanh Tông (1000-1059) trị vì 26 năm, tinh thông Phật học, tăng cường tổ chức quân đội, quan tâm củng cố nhà nước pháp quyền nên đã ban bố *Hình Thư*, bộ luật thành văn đầu tiên của thời đại quân chủ.

Lý Thánh Tông (1023-1072) ở ngôi 18 năm, làm được nhiều việc ích nước lợi dân, lập Văn Miếu, xây tháp Báo Thiên, khuyến khích nông nghiệp, có lòng thương dân, có công mở rộng bờ cõi. Chính vị vua này đã đổi tên nước Đại Cồ Việt thành Đại Việt.

Lý Nhân Tông (1066-1128) trị vì suốt 52 năm, lập được nhiều công trạng, sống cần kiệm, ham chuộng văn hóa, tổ chức khoa cử, sáng lập trường đại học để tuyển mộ, đào tạo nhân tài. Là nhà thơ, ông đề cao cả Phật giáo lẫn Lão giáo ; là nhạc sĩ, ông tiếp thu tinh hoa âm nhạc Champa để làm phong phú thêm âm nhạc Việt.

Nhân vật nổi tiếng nhất thời Lý là *Lý Thường Kiệt* (1019-1105). Ham học và tinh thông võ nghệ, được Lý Thánh Tông và Lý Nhân Tông tin dùng. Từ 1069 đến 1076 ông đã đánh tan quân Champa và quân Tống, góp phần lớn vào sự nghiệp bảo vệ độc lập và toàn vẹn lãnh thổ Đại Việt. Hiện nay Lý Thường Kiệt có đền thờ ở Thanh Hóa và Hà Nam. Đặc biệt ở Hà Nam, vùng Thi Sơn, Kim Bảng, nhân dân còn lưu hành điệu *hát đậm* và *múa đậm* *Quyển Sơn*, là những điệu dân ca, dân vũ nổi tiếng được biểu diễn hàng năm tại hội đền Quyển Sơn để vinh danh ông.

Hai người phụ nữ làm rạng danh thời Lý là *Ỷ Lan* và *Lý Ngọc Kiều*.

Lý Ngọc Kiều (1041-1113), pháp hiệu Diệu Nhân, là cháu nội của Lý Thái Tông. Góp bùa vào tuổi 21, bà xuống tóc qui y, thọ giới thiền sư Chân Không. Nhờ tinh thông Phật học, bà trở thành vị nữ thiền sư nổi tiếng điêu khiển ni viện Hương Hải. Sau đó, bà trở thành người đứng đầu thế hệ thứ 17 của dòng Thiền phượng Nam.

Ỷ Lan (?-1117), quê ở hương Thổ Lỗi, lộ Bắc Giang. Từ một cô gái hái dâu chăn tằm, nhờ thông minh, tài sắc, nết na, được Lý Thánh Tông đón về cung lập làm nguyên phi *Ỷ Lan*, về sau sẽ làm mẹ của Lý Nhân Tông và được tôn là thái hậu Linh Nhân. Bà đã góp phần cai quản việc nước, thu phục nhân tâm, tạo điều kiện cho Lý Thánh Tông đánh thắng Champa năm 1069. Sau đó bà góp phần cùng Lý Thường Kiệt tổ chức đánh thắng giặc Tống xâm lược năm 1076. Cuối đời bà đi tu, làm việc thiện.

Thơ thiền thời Lý và chủ nghĩa nhân văn Việt Nam

Hai thời Lý và Trần, thơ văn phát triển khá rầm rộ, có tới vài trăm tác giả, nhưng các cuộc chiến tranh do Trung Quốc và Champa gây ra đã tàn phá một phần lớn sách vở của ta.

Về thơ văn thời Lý, rất may là còn giữ được một số văn bia các chùa, và nhất là tập sách *Thiền Uyển tập anh*, ghi lại hành trạng của 68 vị thiền sư, cùng 77 bài thơ, bài kệ.

Qua thơ và kệ thời Lý, có thể thấy một hiện tượng văn hóa đặc đáo : nhiều bài thơ rất ít khí vị tôn giáo, mà lại nồng nhiệt đề cao thiên nhiên và con người, lại có cả những bài coi thường Phật pháp nữa. Dưới ngòi bút của những vị thiền sư chính cống, thật khó tưởng tượng nổi.

Thiền sư *Viên Chiếu* (999-1091) xem việc đời và tuổi già không quan trọng bằng một cành mai nở. Kệ *Có bệnh bảo mọi người* (tạm dịch) :

Xuân đi trăm hoa tàn
Xuân tới trăm hoa nở
Việc đời ruồi qua trước mắt

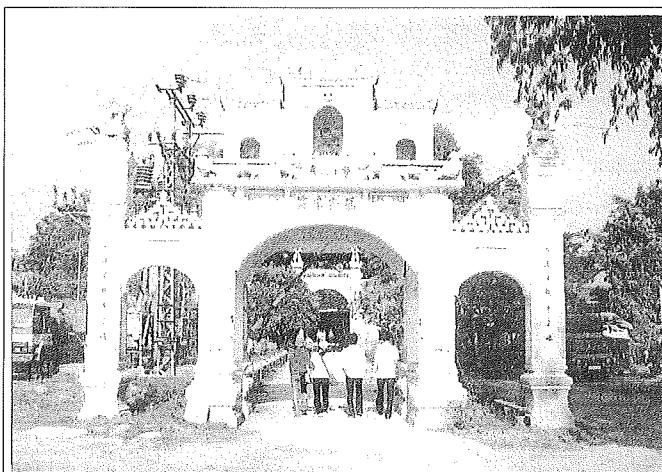
Tuổi già hiện trên mái đầu
Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước nở cành mai

Nữ thiền sư *Lý Ngọc Kiều* (1041-1113) coi thường Phật và thiền, và đề cao sự im lặng. Kệ *Sinh lão bệnh tử* (tạm dịch) :

Sinh lão bệnh tử là lẽ thường xưa nay
Muốn cầu siêu thoát càng bị trói buộc thêm
Vì mê muội mới cầu Phật, vì lầm lẩn mới cầu thiền !
Chớ nên cầu thiền cầu Phật làm chi
Mà nên mím miệng không nói là hơn

Thiền sư *Không Lộ* (?-1119) đề cao tình yêu thiên nhiên nơi thôn dã và sức mạnh con người trong vũ trụ. Kệ *Trả lời học trò* (tạm dịch) :

Chọn được kiểng đất rồng rắn thật đắc ý
Tình quê vui suốt ngày không chán
Có khi lên thẳng đỉnh núi chờ vờ
Kêu to một tiếng lạnh cả bầu trời !



Đền thờ nguyên phi *Ỷ Lan* (Gia Lâm, Hà Nội)

Thiền sư *Bảo Giám* (?-1173) đề cao ưu việt của trí tuệ và chỉ ra sự hạn chế của tu hành. Kệ *Cảm hoài* (tạm dịch)

Đạt được chính giác ít khi
nhờ vào tu hành
Vì tu hành chỉ là giam
cầm cái ưu việt của trí tuệ
Trí tuệ như trăng soi sáng
giữa trời
Trí tuệ như cây cổ sum suê
trên ngọn núi phủ khói chiều

Thiền sư *Quảng Nghiêm* (1121-1190) có lẽ là nhà tu hành thấy rõ nhất khả năng vô hạn của con người vượt xa những ràng buộc của Phật pháp. Kệ *Đừng theo bước Như Lai* (tạm dịch) :

Thoát được tịch diệt rồi hãy bàn chuyện tịch diệt
Vào được cõi vô sinh hãy nói tới vô sinh
Làm trai tự mình có cái chí tung trời
Đừng đi theo bước đi của Như Lai

Chừng ấy tiếng nói thể hiện qua thơ và kệ thời Lý cho thấy tư duy thiền luận đã không ngăn cản các thiền sư ý thức được những điều họ cho là quan trọng nhất : *tình yêu thiên nhiên, tình yêu cuộc sống, niềm tin vào khả năng vô hạn của trí tuệ và ý chí, của sức mạnh tự thân con người* trước những ràng buộc của siêu hình huyền hoặc nhân danh tôn giáo. Phải chăng họ đã trực cảm được chân lý này : *con người mới là người chủ thực sự của vũ trụ ?*

Trong thơ thiền thời Lý có cả một chủ nghĩa nhân văn Việt Nam mãnh liệt, điều thật bất ngờ mà rất đáng tự hào.

Lê Văn Hảo (Paris)

Đại hội 10 của Đảng Cộng Sản Việt Nam kết thúc với nhiều dấu hỏi

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã bế mạc đại hội 10 ngày 25-4-2006 sau một tuần lễ hội họp. Trong lịch sử đảng cộng sản, đây là đại hội gây nhiều tranh cãi nhất cả về đường lối lẫn nhân sự lãnh đạo. Các đóng góp trong nhiều trường hợp đã rất mạnh bạo và thẳng thắn, như đòi bỏ hẳn chủ nghĩa cộng sản để thực hiện dân chủ đa nguyên, đòi một số cấp lãnh đạo, kể cả tổng bí thư Nông Đức Mạnh rút khỏi chính trường, đòi điều tra các nhân vật cầm quyền trong hậu trường như Lê Đức Anh và Đỗ Mười, v.v.

Đã có bốn hội nghị trung ương để kiểm điểm các đóng góp và chuẩn bị cho đại hội, rồi hai ngày trước đại hội lại phải họp thêm một hội nghị trung ương nữa, hội nghị trung ương 15, để giải quyết các mâu thuẫn xuất hiện vào giờ chót. Tuy nhiên tất cả những tranh cãi sôi nổi đó đã không đem lại kết quả nào, bởi vì sau cùng đại hội vẫn giữ nguyên dự thảo cương lĩnh chính trị (báo cáo chính trị và kế hoạch kinh tế) được một ủy ban, do ông Nguyễn Phú Trọng điều khiển, soạn thảo ra từ hơn một năm nay. Về mặt nhân sự, hầu như cũng đã giữ nguyên cơ cấu nhân sự lãnh đạo (ban chấp hành trung ương, Bộ chính trị, ban bí thư và ban kiểm tra) được dự trù lúc ban đầu.

Về thành phần nhân sự lãnh đạo, điều đáng chú ý và bất ngờ lớn nhất là vai trò nổi bật của ông Lê Hồng Anh. Ông được xếp hạng thứ 2 trong Bộ chính trị nhưng chắc chắn sẽ là nhân vật quyền lực nhất trong đảng, bởi vì tổng bí thư Nông Đức Mạnh là người vừa thiếu khả năng vừa nhu nhược. Sự thăng tiến nhanh chóng của Lê Hồng Anh cũng không bình thường. Xuất thân là một cán bộ hành chánh, hoàn toàn không liên hệ gì tới công an và quân đội, ông lên tới chức bí thư tỉnh ủy Kiên Giang (Rạch Giá) và được vào trung ương đảng trong khóa 8. Sau đại hội 9 (tháng 4-2001), ông được vào Bộ chính trị và giữ bộ công an. Hai năm sau ông được ban quân hàm đại tướng, quân hàm lớn nhất chung cho công an và mọi binh chủng quân đội. Đây là một dấu hiệu rất đặc biệt vì cho tới nay chỉ có một bộ trưởng công an được vinh dự này là ông Mai Chí Thọ, nhưng ông Mai Chí Thọ là một công an chuyên nghiệp nên quân hàm đại tướng còn có thể giải thích được.

Hai bộ trưởng công an trước đó là các ông Bùi Thiện Ngộ và Lê Minh Hương không được quân hàm này, dù Lê Minh Hương đã là thượng tướng vào lúc lên làm bộ trưởng công an. Lê Minh Hương đã chết một cách đột ngột, tang lễ được tổ chức nhanh chóng qua loa. Cái chết này còn nhiều bí ẩn. Giả thuyết có nhiều triển vọng đúng nhất là vào lúc đó Lê Hồng Anh đã được chọn để làm nhân vật kế thừa Lê Đức Anh trong vai trò nhân vật cầm đầu đảng và chế độ một cách không chính thức nhưng thực sự; Lê Minh Hương đã chống lại kế hoạch này và bị loại bỏ. Sự thăng tiến của Lê Hồng Anh có thể so sánh với trường hợp Lê Đức Anh trước đó.

Trong suốt 15 năm của cuộc chiến Nam-Bắc, từ 1960 đến 1975, Lê Đức Anh vẫn chỉ là đại tá không được thăng cấp bậc và giữ chức vụ tư lệnh mà quân khu không quan trọng, quân khu 9, chung quanh Cần Thơ. Sau 1975, Lê Đức Anh được Lê Đức Thọ chọn làm người kế thừa mình và đã được thăng chức nhanh chóng, từ đại tá lên đại tướng trong vòng bốn năm và trở thành nhân vật quyền lực nhất trong đảng sau khi Lê Đức Thọ qua đời. Lê Đức Anh, vì đã lớn tuổi, chuẩn bị cho Lê Khả Phiêu kế thừa mình nhưng Lê Khả Phiêu xung khắc với Lê

Đức Anh nên đã bị loại. Từ đó, trong suốt khóa 9 (4-2001/4-2005), Lê Đức Anh lại phải trực tiếp cầm quyền và tìm kiếm một người kế vị mới. Lê Hồng Anh chính là người kế vị này, rất có thể ông ta sẽ không phải chịu số phận của Lê Khả Phiêu, bởi vì Lê Đức Anh đã quá già và có thể chết trong một tương lai rất gần. Điều này có nghĩa là, một mặt, nhóm Lê Đức Anh cầm quyền trong đảng đã giải quyết được sự kế thừa và, mặt khác, từ nay người ta sẽ phải đặc biệt theo dõi Lê Hồng Anh. Sự kiện Lê Hồng Anh mặc dù được chuẩn bị một cách khá lộ liễu đã không được những người chống đối Lê Đức Anh như Lê Khả Phiêu, Võ Nguyên Giáp, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Nam Khánh, v.v. đặc biệt chú ý chứng tỏ sự kém cỏi của những người này.

Tuy nhiên, nhóm Lê Đức Anh cũng đã suy yếu. Dưới áp lực của những chống đối, trung tướng Nguyễn Chí Vinh, một bộ hạ đắc lực của Lê Đức Anh đứng đầu Tổng Cục 2, đã không được vào ban chấp hành trung ương. Như vậy Lê Hồng Anh sẽ gặp nhiều khó khăn hơn Lê Đức Thọ và Lê Đức Anh trước đây, và sẽ phải phần nào thỏa hiệp với những người chống đối trong đảng.

Một điều đáng chú ý là không có một nhà ngoại giao chuyên nghiệp nào được vào trung ương đảng cả. Điều này càng nổi bật vào giữa lúc mà Việt Nam cần hội nhập nhiều hơn với thế giới, cụ thể là thương thuyết với Mỹ để gia nhập WTO và giữ quan hệ ngày càng khó khăn hơn với Liên Hiệp Châu Âu sau khi Hội Đồng Châu Âu biểu quyết Nghị quyết 1481 lên án chủ nghĩa cộng sản và các chế độ cộng sản như là tội phạm đối với nhân loại.

Cũng cần đặc biệt lưu ý đến sự đoạn tuyệt với mô hình "tam quyền phân lập kiểu Việt Nam" vẫn được áp dụng từ trước đến nay, theo đó các chức vụ đứng đầu chế độ được phân phối cho ba miền: tổng bí thư và chủ tịch Quốc hội là người miền Bắc, chủ tịch nước người miền Trung, thủ tướng người miền Nam. Lần này hai chức vụ tổng bí thư (Nông Đức Mạnh) và chủ tịch Quốc hội (dự trù là Nguyễn Phú Trọng) vẫn thuộc miền Bắc, nhưng hai chức chủ tịch nước (Nguyễn Minh Triết) và thủ tướng (Nguyễn Tấn Dũng) đều là người miền Nam. Miền Trung hoàn toàn mất ảnh hưởng. Có thể giải thích sự kiện này là hiện nay trọng lượng của sức mạnh kinh tế là quyết định và tiền bối chủ yếu tập trung ở miền Nam và miền Bắc.

Đảng cộng sản chưa qua được cơn sóng gió sau đại hội 10. Các yếu tố xung đột tăng lên chứ không giảm đi, cả Nguyễn Minh Triết lẫn Nguyễn Tấn Dũng đều khá gần gũi với Võ Văn Kiệt và không thuộc hẳn vào phe Lê Đức Anh. Hai nhân vật này lại sẽ đứng đầu bộ máy nhà nước. Rất có thể mâu thuẫn đảng / nhà nước sẽ thêm trầm trọng.

Đảng cộng sản cũng sắp phải đứng trước một chọn lựa như nhối trước cuộc trang giành ánh hào quang không tránh khỏi giữa một bên là Hoa Kỳ muốn áp đặt trật tự dân chủ trên thế giới và Trung Quốc muốn liên kết các chế độ độc tài. Đại bộ phận dân chúng và đảng viên may mắn chọn Hoa Kỳ trong khi quyền lợi của những người lãnh đạo gắn bó họ với Trung Quốc.

Đại hội 10 đặt ra nhiều câu hỏi nghiêm trọng mới trong khi chưa giải quyết được những vấn đề đã đặt ra.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

Tiến tới một cuộc đổi đầu MỸ-TRUNG QUỐC

Cuộc thăm viếng chính thức Hoa Kỳ của Hồ Cẩm Đào, chủ tịch Trung Quốc, nhằm mục đích trấn an Hoa Kỳ rằng Trung Quốc muốn phát triển trong hòa bình và không hề có ý định tranh giành ảnh hưởng với Hoa Kỳ. Nó đã không đạt mục đích. Trong cuộc họp báo chung, tổng thống Bush nói : "Đây là một dịp tốt để tôi nói với ông ấy (Hồ Cẩm Đào) những điều tôi nghĩ và để ông ấy nói với tôi những gì ông ấy muốn nói". Theo ngôn ngữ ngoại giao, đây là cách để nói rằng hai bên không đồng ý.

Hoa Kỳ và Trung Quốc khó tránh khỏi một cuộc đổi đầu, dù rằng không bằng vũ lực vì lực lượng của hai bên quá chênh lệch.

Lý do thứ nhất là vì hai cường quốc theo đuổi những chính sách trái ngược hẳn với nhau. Hoa Kỳ muốn áp đặt một trật tự dân chủ trên thế giới vì coi đó là điều kiện cần thiết cho hòa bình lâu dài trên thế giới, ngược lại Trung Quốc trên thực tế đang đứng đầu một liên minh giữa các chế độ độc tài bạo ngược vì cho đó là điều kiện cần thiết để bảo vệ chế độ của chính mình, ngoài ra cũng để bảo đảm nguồn cung cấp dầu mà Trung Quốc rất thiếu. Trong chính sách này, Trung Quốc đã kết thân và yểm trợ các chế độ mà Hoa Kỳ rất ghét và cũng rất thù địch với Hoa Kỳ như Iran, Bắc Triều Tiên, Sudan, Miến Điện, Zimbabwe, hay ve vãn những quốc gia mà Hoa Kỳ đang muốn lôi kéo như Pakistan, Angola, Kyrgyzstan. Trung Quốc cũng đã tự cho phép nhảy vào Nam Mỹ mà Hoa Kỳ coi như sân chơi riêng của mình và khuyến khích các chế độ chống Mỹ tại Venezuela, Colombia, chưa kể Cuba.

Lý do thứ hai là Trung Quốc đang tăng trưởng mạnh về kinh tế và đặt ra cho Hoa Kỳ một đe dọa mới, khác với Liên Xô trước đây chỉ mạnh về quân sự. Trung Quốc còn mạnh cả về kinh tế và dựa vào sức mạnh kinh tế để nhanh chóng gia tăng khả năng quân sự. Ngân sách quân sự của Trung Quốc đã tăng hơn gấp đôi trong vòng 5 năm, từ 15 tỷ USD năm 2000 lên 39 tỷ USD năm 2005. Con số này (tương đương với tổng sản lượng quốc gia GDP của Việt Nam) được coi là rất dưới sự thật.

Lý do thứ ba là cả Hoa Kỳ lẫn Trung Quốc đều là hai quốc gia Thái Bình Dương và muốn chiếm thế thượng phong tại châu Á.

Lý do thứ tư là chênh lệch mậu dịch giữa hai nước. Trung Quốc xuất khẩu sang Mỹ một số lượng hàng hóa trị giá cao hơn 200 tỷ USD so với số lượng hàng hóa mua từ Hoa Kỳ. Điều này càng làm cho chính giới Hoa Kỳ bức bối vì nghĩ rằng mình đang tài trợ cho một đối thủ nguy hiểm. Ngoài ra các chuyên gia ước lượng đồng nhân dân tệ (CNY) của Trung Quốc đang được trao đổi ở một hối suất thấp hơn từ 20% đến 40% so với thực giá của nó, và đó

chính là lý do khiến hàng Trung Quốc tràn ngập thị trường thế giới và là nguyên do của sự chênh lệch mậu dịch giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ.

Chính giới Mỹ nói công khai tới một chính sách ngăn chặn ảnh hưởng Trung Quốc. Chính sách này thực ra đã bắt đầu. Mỹ khuyến khích Nhật gia tăng sức mạnh quân sự, và Nhật không mong gì hơn. Trước khi đón Hồ Cẩm Đào, tháng 3-2006 vừa qua tổng thống Bush cũng đã

công du sang Ấn Độ, điều này cho thấy Mỹ muốn hợp tác với Ấn Độ trong một liên minh ngăn chặn Trung Quốc, và Ấn Độ cũng không đòi hỏi gì hơn. Ấn Độ về mặt kỹ thuật còn mạnh hơn Trung Quốc và cũng đang phát triển mạnh, tuy không phát triển nhanh bằng Trung Quốc (6,5% thay vì 9,5%) nhưng lành mạnh hơn nhờ có kỹ thuật cao hơn. Tuy vậy Ấn Độ không gây lo ngại cho Mỹ vì là một nước dân chủ.

Còn Việt Nam ? Một nước Việt Nam dân chủ ngay bên cạnh Trung Quốc chắc chắn sẽ làm chế độ Trung Quốc chao đảo. Đó là điều Mỹ muốn và sẽ là đòn ám huệ cho chế độ Trung Quốc, bởi vậy Trung Quốc cần giữ chặt chế độ cộng sản Việt Nam. Có thể nói là tuyệt đại đa số nhân dân Việt Nam, và ít nhất 95% đảng viên cộng sản, muốn chọn Hoa Kỳ trong khi quyền lợi của thiểu số lãnh đạo đảng lại gắn bó với quyền lợi với Trung Quốc. Cuộc đổi đầu Mỹ-Trung Quốc sẽ ngày càng gay go và tới một lúc nào đó Việt Nam sẽ phải chọn lựa. Lúc đó mâu thuẫn giữa thiểu số lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam và đại bộ phận dân chúng và đảng viên cộng sản sẽ quyết định vận mệnh của chế độ cộng sản.

Thêm hai chế độ độc tài chao đảo NEPAL VÀ BELARUS

Ngày tàn của chế độ độc tài Belarus đã điểm. Trong tháng 4-2006, sau một cuộc bầu cử tổng thống bị cả thế giới lên án là gian lận, hàng chục ngàn người Belarus đã bất chấp đòn áp xuống đường biểu tình rầm rộ tại Minsk, thủ đô Belarus.

Belarus được coi là chế độ stalinít cuối cùng tại châu Âu. Trước đây là một nước chúng thuộc Liên Xô, với 10 triệu dân, Belarus trở thành một nước độc lập trên nguyên tắc từ 1991 sau khi Liên Xô tan vỡ. Trên thực tế nước này vẫn là một chư hầu của Nga và dựa vào Nga để duy trì chế độ độc tài. Lukashenko, được tổng thống Nga Putin tận tình yểm trợ, cầm quyền với bàn tay sắt từ 12 năm nay. Đã chỉ có Nga nhìn nhận kết quả cuộc bầu cử tổng thống hồi tháng 4 vừa qua, theo đó Lukashenko tái đắc cử với 80% số phiếu.

Biện pháp đòn áp dân chủ của Lukashenko giản dị một cách man rợ : bắt cóc và thủ tiêu những người đối lập. Chế độ của Lukashenko ngày càng bị lên án và cô lập nên dần

Thời Sự
QUỐC TẾ & VIỆT NAM

dân cũng phải chấp nhận một hình thức dân chủ bịp bợm nào đó. Nhưng dân chủ bịp bợm luôn luôn đắt giá, cuộc bầu cử tổng thống vừa qua đã là dịp để dân chúng xuống đường phản đối. Lukashenko phản ứng bằng cách bắt giam lãnh tụ đối lập Milinkevitch, nhưng cũng chỉ dám tuyên án 15 ngày tù. Một trò hề chỉ làm tăng thanh thế của ông này và kích thích phong trào chống đối.

Liên Hiệp Châu Âu và nhiều quốc gia khác đã tuyên bố Lukashenko và toàn bộ chính phủ của ông ta là thành phần bất hảo và cấm thăm viếng. Chế độ Lukashenko đang sống những ngày cuối cùng.

Một chế độ độc tài khác cũng đang hấp hối : Nepal. Cũng trong tháng 4 vừa qua, các cuộc biểu tình lớn đã bùng nổ tại thủ đô Kathmandu. Vua Gyanendra đã phản ứng lại một cách thô bạo bằng những đánh đập và bắn giết, nhưng dân chúng Nepal vẫn tiếp tục xuống đường ngày càng đông. Cuối cùng Gyanendra đã phải nhượng bộ, nhường quyền cho các đảng đối lập để thành lập chính phủ. Cuộc tranh đấu của nhân dân Nepal không dừng lại ở đó, chẳng bao lâu nữa chế độ quân chủ sẽ sụp đổ.

Nepal là một nước nằm trên dãy Himalaya, giữa Trung Quốc phía Bắc và Ấn Độ phía Nam, gần như cô lập với thế giới bên ngoài, với 25 triệu dân, đại đa số theo Ấn Độ giáo. Nhà vua được coi như một vị thần thay trời trị nước, nhưng với thời đại mới thần cũng hết linh nên năm 2001 một vụ thảm sát xảy ra tại hoàng cung, thái tử giết cả gia đình rồi tự sát, nhờ vậy mà Gyanendra đã được lên ngôi vua. Năm 2004, lấy cớ thiết quân luật để đương đầu với loạn quân cộng sản theo khuynh hướng Mao Trạch Đông, Gyanendra giải tán chính phủ và nấm hết mọi quyền hành. Những gì vừa xảy ra là hậu quả của biện pháp thô bạo này.

20 năm sau TCHERNOBYL

Ngày 25-4-1986, hồi 22 giờ 23 phút, nhà máy điện nguyên tử Tchernobyl tại Ukraine (lúc đó còn thuộc Liên Bang Xô Viết) phát nổ. Sức nổ được coi là mạnh hơn cả trăm lần trái bom được thả xuống Hiroshima hồi thế chiến II. Liên Xô chỉ chính thức công bố tai nạn này vài ngày sau đó khi các đám mây phóng xạ đã bay sang tới Tây Âu. Số người thiệt mạng, ngay lúc đó cũng như sau đó do bị nhiễm phóng xạ lên tới 300.000 người, nhưng tổng số những nạn nhân được ước lượng là trên 5 triệu. Chính vụ nổ này đã phơi bày sự phá sản của Liên Xô và góp phần quyết định làm sụp đổ Liên Xô sau đó.

Hai mươi năm sau, không chỉ Ukraine mà cả thế giới tưởng niệm biến cố này với tất cả xúc động như một bài học cho nhân loại.

Năng lượng nguyên tử chắc chắn là cần thiết - vì nguồn dầu lửa ngày càng cạn kiệt và các nguồn nguyên liệu thay thế không đủ - nhưng cần một kỹ thuật và một trình độ trách nhiệm cao mới tránh được những tai nạn khủng khiếp.

Kỷ niệm 20 năm Tchernobyl, người Việt Nam không

thể rùng mình trước quyết định xây dựng các lò nguyễn tử tại Việt Nam. Với tinh thần vô trách nhiệm hiện nay, ai có thể bảo đảm là một tai nạn như vậy sẽ không xảy ra. Và nếu nó xảy ra ?

PHILIPPINES : một bước lùi của dân chủ

Đúng 20 năm kỷ niệm cách mạng "Sức mạnh của dân" (Power of the people) lật đổ chính quyền Marcos ở Phi, một cuộc tranh giành quyền lực lớn giữa các phe phái đang diễn ra trái với những nguyên tắc dân chủ.

Cuối tháng 2-2006, bà Gloria Arroyo, nữ tổng thống Philippines, đã ban hành tình trạng khẩn cấp và lệnh giới nghiêm giải thích rằng chính phủ đã khám phá một âm mưu lật đổ chính quyền của một số tướng tá thuộc binh chủng thủy quân lục chiến (như ám sát tổng thống, gài mìn trường võ bị quốc gia, xúi giục dân chúng xuống đường biểu tình chống chính phủ, v.v.) và đưa ra danh sách 100 người cần phải bắt giữ khẩn cấp.

Sở dĩ bà Arroyo phải hành động mạnh mẽ như vậy vì uy tín của bà đang xuống thấp. Dư luận Phi nghi ngờ bà tổng thống đã điện thoại làm áp lực với ủy ban kiểm phiếu trước cuộc bầu cử tổng thống năm 2004, chồng và trưởng nam của bà bị tình nghi nhận tiền hối lộ của giới tổ chức cờ bạc lậu bất hợp pháp ở Phi, v.v.

Nhưng nguyên do trực tiếp của sự chống đối là ngày 25-2-2006 chính quyền Arroyo đã cho cảnh sát lục soát tòa soạn của nhật báo đối lập. Đối với dân chúng Phi, đây là một hành động vi phạm quyền tự do ngôn luận, do đó đã xuống đường phản đối chống bà Arroyo. Các cuộc biểu tình có lúc qui tụ hàng chục ngàn người tại các thành phố lớn và kéo dài trong suốt tháng 3-2006.

Cũng may người Phi rất hiền hòa, không ai muốn tình trạng hỗn loạn kéo dài, chỉ 26% dân chúng xuống đường phản đối mặc dầu tuyệt đại đa số đều bất mãn với lệnh giới nghiêm. Theo các cuộc thăm dò dư luận gần đây cho biết, 65% dân chúng muốn bà tổng thống nên từ chức.

Lo âu chính của các chính quyền Philippines là những nhóm Hồi giáo quá khích chủ trương ly khai hiện đang làm chủ một số hải đảo nhỏ trong quần đảo Sulu, phía Nam Philippines.

Tuy vậy dân chủ có cái hay của nó, chống đối chính quyền không phải là một hoạt động phản loạn mà là một sinh hoạt bình thường để phát biểu sự bất đồng ý về một chính sách của chính quyền. Những tổ chức ly khai Hồi giáo cũng phải tuân theo những qui luật dân chủ để tiếng nói mình được tôn trọng.

1.300.000 USD để di chuyển... MỘT LÍNH MỸ

Mỹ và Nhật đã đạt đến thỏa thuận để dời căn cứ quân sự Mỹ tại Okinawa về đảo Guam, cách đó khoảng 3.000 km. Căn cứ Okinawa có 8.000 quân nhân Mỹ.

Chi phí cho cuộc di chuyển này được ước tính là 10,5 tỷ USD. Tính ra để di chuyển một người lính Mỹ tốn 1.300.000 USD. Nhật sẽ phải trả 6,5 tỷ USD cho dự án này. Phần quan trọng nhất dĩ nhiên không phải là chuyên chở quân đội mà là thiết lập một căn cứ tối tân mới tại đảo Guam.

Những chi phí quân sự của Mỹ luôn luôn cao một cách chóng mặt. Ngân sách quân sự của Trung Quốc, đang được coi là một lo âu cho thế giới, chỉ bằng 6% ngân sách quân sự của Hoa Kỳ.

Mỹ cũng đang xây dựng một tòa đại sứ tại Baghdad với kinh phí 650 triệu USD. Tòa đại sứ này, gần như là một căn cứ quân sự, chứng tỏ ý muốn hiện diện tại Iraq một cách lâu dài của Mỹ.

THẾ LỰC CỦA LÊ ĐỨC ANH như thế nào ?

Với thành phần bộ chính trị và ban bí thư khóa 10, nói chung phù hợp với những sắp xếp của phe Lê Đức Anh, đặc biệt là vai trò nổi bật của Lê Hồng Anh, người ta có thể kết luận là phe Lê Đức Anh sau cùng đã thắng thế. Kết luận này có thể là đúng nhưng không đúng hẳn nếu căn cứ vào một báo cáo mật được tiết lộ đầu tháng 4-2006.

Bản báo cáo của Ban Kiểm Tra Trung Ương được đóng dấu "TỐI MẬT", mang số 751/BKTTW do phó chủ nhiệm BKTTW Vũ Quốc Hùng ký. Bản báo cáo cho biết kết quả điều tra về những tố giác đối với Lê Đức Anh của các cấp lãnh đạo cộng sản lão thành, theo đó Lê Đức Anh đã xuyên tạc và dùng nhiều thủ đoạn để lật đổ cựu tổng bí thư Lê Khả Phiêu (nhắc lại : Lê Khả Phiêu lên làm tổng bí thư thay Đỗ Mười năm 1998 giữa khóa 8 với sự đỡ đầu của Lê Đức Anh nhưng sau bị loại ở đại hội 9 vì bị phe Lê Đức Anh - Đỗ Mười cho là phản bội họ).

Bản báo cáo kết luận Lê Đức Anh đã sai phạm, "gây phẫn nộ, làm mất lòng tin của cán bộ đảng viên và nhân dân đối với đảng".

Việc Lê Đức Anh đã không ngăn chặn được bản báo cáo này, như ông đã từng thành công ngăn chặn những điều tra về cá nhân ông và Tổng Cục 2 trước đây, chứng tỏ rằng thế lực của ông trong đảng đã suy yếu. Một chỉ dấu khác là cả trung tướng Nguyễn Chí Vịnh (tổng trưởng TC2) lẫn Nguyễn Bắc Sơn, bí thư tỉnh ủy Thái Nguyên và cựu trợ lý của Lê Đức Anh, đều bị loại khỏi danh sách ban chấp hành trung ương dù cả hai đã được Lê Đức Anh và Đỗ Mười tận tình yểm trợ. Hai nhân vật quan trọng trong bộ chính trị là Nguyễn Tấn Dũng (dự trù sẽ làm thủ tướng) và Nguyễn Minh Triết (dự trù sẽ làm chủ tịch nước) cũng không hẳn thuộc cánh Lê Đức Anh.

Sự suy yếu của nhóm Lê Đức Anh - Đỗ Mười có tầm quan trọng đặc biệt đối với tương lai đảng cộng sản. Cho tới nay đảng cộng sản giữ vững được nội bộ là nhờ có một nhóm nòng cốt cầm quyền và giữ trật tự trong đảng. Nhóm này trước đây do Lê Đức Thọ cầm đầu (Lê Đức Thọ từng nói "đảng là tao"), sau đó Lê Đức Anh kế vị Lê Đức Thọ.

Sự suy yếu của nhóm Lê Đức Anh một mảnh mở cửa cho những đấu đá nội bộ, mảnh khác tháo gỡ một trở ngại cho tiến trình dân chủ hóa vì cả Lê Đức Anh lẫn Đỗ Mười đều rất thù cựu và rất gắn bó với Trung Quốc.

"TỰ DO NGÔN LUẬN"

Linh mục Chân Tín vừa thách thức chế độ cộng sản bằng cách cho phát hành ở trong nước một bản nguyệt san đấu tranh cho dân chủ dưới tên "Tự Do Ngôn Luận".

Cách phát hành của tờ báo này độc đáo ở chỗ nó do chính các độc giả tiếp tay nhau bản (làm photocopy) và phổ biến. Tờ *Tự Do Ngôn Luận* số 1 ra ngày 15-4-2006 và, theo các nguồn tin nhận được, đã được phổ biến vài chục ngàn số ngay sau một tuần lễ.

Số 1, ngoài thư tòa soạn của linh mục Chân Tín, khẳng định mục đích "giải thoát chúng ta (nhân dân Việt Nam) khỏi đám mây đen của mù quáng vô tri, khỏi bức tường ngăn chặn sự thật và bưng bít thông tin của ý thức hệ độc tôn Mác-xít, khỏi ngực tù giam nhốt tim óc của chế độ độc tài cộng sản" còn có tất cả những bản tuyên ngôn đòi tự do dân chủ được đưa ra từ trong nước gần đây và hai bài tham luận về tự do tôn giáo của Trần Phong Vũ và Nguyễn Chính Kết.

Tự Do Ngôn Luận số 2 vừa được phát hành ngày 30-4-2006.

Chắc chắn chế độ cộng sản rất khó chịu vì tờ báo này, nhưng họ khó có thể làm gì để ngăn chặn. Muốn dẹp tờ báo này và bắt giam những người tham gia thì phải bắt linh mục Chân Tín. Nhưng linh mục Chân Tín đã gần 90 tuổi, bắt giam ông sẽ là một hành động man rợ bị cả thế giới lên án.

Những người dân Việt Nam nên cầu nguyện cho linh mục Chân Tín khỏe mạnh thật lâu.

HAI KHUÔN MẶT DÂN CHỦ qua đời

Trong tuần lễ cuối tháng ập hợp vừa qua, hai khuôn mặt dân chủ quen thuộc đã qua đời, để lại sự thương tiếc cho những người dân chủ Việt Nam.

Ông Trần Đại Sơn là một người dân chủ tích cực, bạn thân của tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, thành viên của Nhóm Dân Chủ và Hội Chống Tham Nhũng, đã viết nhiều bài báo tố giác chế độ cộng sản, đặc biệt là Lê Đức Anh và Tổng Cục 2. Ông Trần Đại Sơn tham gia Việt Minh rất sớm, được huấn luyện đặc biệt về tình báo bởi các sĩ quan Nhật, rồi chuyển sang đoàn quân quyết tử. Ông từng là chính ủy đoàn quân quyết tử thuộc quân đội Việt Minh tại Lào. Ông hưởng thọ 75 tuổi.

Nhà văn Trần Thư, tác giả cuốn hồi ký nổi tiếng "Kẻ Tử Tù, Xử Lý Nội Bộ", là một trí thức tham gia Cách mạng tháng 8 từ tuổi thanh niên, lên đến chức thượng tá. Năm 1967, ông bị bắt trong vụ "xét lại chống đảng" cùng với ông Hoàng Minh Chính. Trần Thư hưởng thọ 80 tuổi.

Dai hội PMU-18

Tôi hỏi hắn : "Mày nghĩ thế nào về đại hội 10 ?". Hắn nhìn tôi một cách khinh bỉ, rồi quăng trước mặt tôi một xấp vé Air France hạng nhất.

- Chỉ nghe câu hỏi cũng thấy mày ngu rồi, mày chẳng hiểu gì hết.

Hắn là một sinh viên xuất sắc Đại Học Bách Khoa gần 30 năm về trước, du học Liên Xô và đậu tiến sĩ, con một đảng viên cao cấp, nhưng không vào đảng cộng sản dù được giới thiệu. Hắn kinh doanh rất thành công, trở thành tỷ phú dù tôi không biết thực sự hắn kinh doanh ngành nào vì hắn làm đủ thứ. Điều tôi biết chắc chắn là hắn đang làm tham vấn cho Bộ chính trị và cũng là một tư sản đỗ thứ bự.

Hắn giải thích :

- Tao được Bộ chính trị tặng một chuyến du lịch vòng quanh thế giới để thưởng công đã hiến kế giúp đỡ đại hội 10 thành công mỹ mãn. Đảng đền ơn tao, dù tao chẳng cần gì. Mày nói tới đại hội 10 là đã chứng tỏ sự ngu dốt rồi. Phải gọi là đại hội PMU-18.

- Đại hội PMU-18 ?

- Đúng thế. Đây là một tuyệt chiêu của tao. Bọn chúng mày mắc mưu hết. Mày thử nghĩ lại coi, trước đại hội có hàng nghìn kiến nghị. Nào là đòi đa nguyên đa đảng, nào là đòi xét lại lý lịch Lê Đức Anh, đòi làm rõ vụ TC2, T4, cho Nông Đức Mạnh về vươn, v.v. Đùng một cái, vụ PMU-18 nổ ra, dư luận tập trung hết vào đó, đại hội diễn ra êm thắm, chẳng còn ai chú ý đến nữa, trừn công an Lê Hồng Anh lên làm nhân vật số 2 Bộ chính trị, nắm mọi quyền hành và chuẩn bị còng tay đối lập, chẳng có ma nào thắc mắc vì PMU18 đã lôi kéo tất cả chú ý rồi. Bọn chống đối chúng mày quê một cục ; mày thử nghĩ xem PMU-18 có là cái quái gì đâu ? Cá độ bóng đá hai triệu đô ? Nhưng hai triệu đô có nghĩa lý gì trong thời buổi này, còn cá độ bóng đá thì đã trở thành món giải trí lành mạnh của cả nước, già trẻ lớn bé, dân chủ, độc tài gì cũng cá độ hết. Vụ Bùi Tiến Dũng cá độ bóng đá còn chứng tỏ các quan chức nhà nước cũng hòa mình với nhân dân. Mấy chiếc xe Mercedes có nhầm nhò gì, có quan chức nào thiếu xe trong lúc này ? Đó là chuyện màu mè. Chúng mày hoàn toàn bị lạc vào mê hồn trận. Tao không ngờ chúng mày tệ đến thế. Rồi mày sẽ thấy, sẽ chẳng có gì quan trọng cả. Nguyễn Tiến Việt sẽ được tráng án, hoặc xử lý qua loa, và lại hắn cũng cõc cần gì, đã có hơn 400 triệu đô trong túi rồi tha hồ hưởng lạc, hắn cũng chỉ muốn thế thôi. Bùi Đình Bình thì đảng nào cũng đã đến tuổi về hưu, và cũng no rồi. Bùi Tiến Dũng chỉ là một tên tép riu không đáng giá một đồng xu cũng như Tăng Minh Phụng trước đây, được cho hưởng phú quý một thời gian là đã quá lăm rồi.

PMU-18 là một kế hoạch bí mật của đảng do chính

MỤC LỤC

01. Đảng cộng sản khẳng định chính sách đàn áp
Thống Luận
02. Chính sách quốc phòng của Mã Lai
Nguyễn Minh
04. Hãy xứng đáng với một tương lai khác !
Nguyễn Gia Kiểu
07. Con tàu vẫn mất hướng
Bùi Tin
09. Chuẩn bị để nhận lãnh trách nhiệm
Võ Xuân Minh
11. Nhìn vào phong trào dân chủ Việt Nam
Nguyễn Văn Hiệp
13. Cộng đồng người Thái tại Việt Nam
Nguyễn Văn Huy
15. Đảng Dân Chủ Mỹ, người dân chủ Việt Nam
Nguyễn Huy Đức
17. Nỗi sợ truyền kiếp
Nguyễn Gia Thưởng
19. Nhận định lại giá trị của ông Ngô Đình Diệm
Tôn Thất Thiện
23. Thơ : Tan tác
Sóng Lô
24. Thời Lý (1009-1225)
Lê Văn Hảo
28. Đại hội 10 của đảng cộng sản kết thúc...
Nghiêm Văn Thạch
29. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Đại hội PMU-18
Đây

tao đưa ra và đã thành công hoàn toàn. Mày có thấy ngô nghênh là một đám công an rủ nhau đánh bài ngay giữa công viên không, rồi một toán công an khác ập tới bắt, rồi về nhà khám xét, rồi khám phá ra vụ cá độ bóng đá, v.v. Mày không thấy là có dàn cảnh và sắp xếp hả ? Thú thực Bộ chính trị cũng không ngờ có thể thành công mỹ mãn đến như thế, mới đầu còn định cho nổ một vụ lớn hơn nữa, hồ sơ tham nhũng thiểu gì trong lúc này, và mỗi vụ hàng trăm triệu đô chứ không lèm bèm vài chục triệu như PMU-18 đâu.

- Thế nhưng chúng mày quên một điều là tổng bí thư Nông Đức Mạnh cũng có con gái và con rể làm PMU18.

- Mày ngờ nghêch quá. Đó là thêm chút mẩm muối để đánh bóng tổng bí thư Nông Đức Mạnh. Vụ này chứng tỏ đồng chí tổng bí thư chỉ ăn ở cỡ nhỏ thôi, nghĩa là rất trong sạch. Ở Việt Nam bây giờ từ cỡ trung ương đảng trở lên mà ăn dưới mười triệu đô là rất trong sạch.

- Thế mày dự trù kế hoạch nào cho đại hội 11 ?

- Ở Việt Nam bây giờ người ta không tiêu liệu 5 năm, người ta chỉ tiêu liệu một năm, thậm chí vài tháng. Được ngày nào hay ngày ấy. Đại hội 11 chưa chắc gì đã có. Vâ lại có hay không cũng không liên hệ gì tới tao, tao đã có kế hoạch khác rồi.

Đây